BỘ LAO ĐỘNG, THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG CĐ CÔNG THƯƠNG HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số 514/QĐ-CĐCT, ngày 25/07/2024 của Hiệu trưởng Trường cao đẳng Công thương Hà Nội)

Tên ngành, nghề: **Thiết kế đồ họa**
Tên tiếng Anh: Graphic design
Mã ngành, nghề: 5210402
Trình độ đào tạo: Trung cấp
Hình thức đào tạo: Chính quy
Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học cơ sở trở lên
Thời gian đào tạo: 2,0 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành, nghề Thiết kế đồ họa nhằm trang bị cho người học kiến thức khoa học cơ bản và kiến thức kỹ thuật chuyên môn vững vàng, đồng thời có năng lực thực hành nghề nghiệp thành thạo, khả năng thích ứng cao với môi trường kinh tế - xã hội, khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết tốt những vấn đề khoa học và kỹ thuật của ngành, nghề Thiết kế đồ họa.

1.1.1. Chính trị, đạo đức

- Hiểu biết một số kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh; Hiến pháp, Pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Hiểu biết về đường lối phát triển kinh tế của Đảng;
- Yêu nước, yêu Chủ nghĩa xã hội, trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng và lợi ích của đất nước; Yêu nghề và có lương tâm, đạo đức nghề nghiệp;
- Ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong công nghiệp, nghiêm túc, trung thực, cẩn thận, tỷ mỉ, chính xác;
- Tuân thủ các quy định của pháp luật, chịu trách nhiệm cá nhân với nhiệm vụ được giao;
- Có tinh thần tự học, tự nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu của công việc; Có khả năng làm việc độc lập, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ vào công việc.

1.1.2. Thể chất, quốc phòng

- Đủ sức khỏe theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế; Biết giữ gìn vệ sinh cá nhân và vệ sinh môi trường, có thói quen rèn luyện thân thể, đạt tiêu chuẩn sức khỏe theo quy định;

- Có những kiến thức, kỹ năng cơ bản cần thiết theo chương trình Giáo dục quốc phòng - An ninh; Có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

1.1.3. Tin học - ngoại ngữ

- Nghe, nói, đọc, viết ngoại ngữ cơ bản theo chuẩn bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc Việt Nam; đọc hiểu được tài liệu chuyên ngành/ nghề công nghệ thông tin bằng Tiếng Anh;

- Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản được quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ban hành 11/3/2014 của Bộ Trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin; sử dụng được phần mềm tin học văn phòng, mạng Internet để soạn thảo văn bản và tìm kiếm thông tin, tài liệu phục vụ cho công việc chuyên môn của nghề.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về kiến thức

- Trình bày được các dịch vụ liên quan đến công nghệ thông tin như: bảo trì, bảo dưỡng, khắc phục các sự cố hỏng hóc thông thường của máy tính và mạng máy tính;

- Trình bày và sử dụng được kiến thức về hệ thống sản xuất các sản phẩm đồ họa, các kiến thức về sản xuất một sản phẩm đồ họa;

- Trình bày được kiến thức về tạo hình mỹ thuật, kiến thức về đường, hình, khối và một số vấn đề mỹ thuật liên quan;

- Trình bày được các kiến thức cơ bản về đồ họa, đồ họa công nghiệp;

- Trình bày được kiến thức chung về ảnh số, các hệ màu trên máy tính, các kỹ thuật biến đổi ảnh và các thao tác với ảnh số, quy trình phục chế ảnh, xử lý hậu kỳ;

- Trình bày được các kiến thức và các kiến thức cơ bản về: phạm vi ứng dụng của chế bản điện tử, bộ nhận diện thương hiệu và các công cụ tạo lập các chế bản ngắn, đơn giản, tổ chức và sắp xếp chế bản của một ấn phẩm;

- Trình bày được kiến thức cơ bản về Internet; các kiến thức cơ sở về đồ họa và đồ họa trên vi tính;

- Trình bày được kiến thức về mỹ thuật 2D và 3D; Trình bày được các kiến thức liên quan đến tạo hình 2D, 3D;

- Xác định đúng các tiêu chuẩn an toàn lao động.

1.2.2. Về kỹ năng

- Thực hiện được việc kết nối, điều khiển máy tính, các thiết bị ngoại vi và mạng máy tính;

- Phân tích, tổ chức và thực hiện đúng qui trình vệ sinh các trang thiết bị cũng như kỹ năng sử dụng thiết bị an toàn lao động, kỹ năng đảm bảo an toàn trong lao động nghề nghiệp;

- Lắp ráp được, kết nối được, sử dụng được hệ thống máy tính và các thiết bị ngoại vi;

- Cài đặt được các chương trình điều khiển các thiết bị ngoại vi số và thao tác, vận hành và bảo quản các thiết bị ngoại vi số;

- Cài đặt và sử dụng được các phần mềm dùng trong thiết kế đồ họa như: phần mềm thiết kế 2D, phần mềm thiết kế 3D, phần mềm 3D;

- Thực hiện được việc khai thác Internet, tra cứu tài liệu tiếng Việt hoặc tiếng Anh để phục vụ cho yêu cầu công việc;

- Thiết kế, hoàn thiện được các sản phẩm đồ họa như: Thiết kế quảng cáo trên biển bảng quảng cáo, trên website hoặc mạng xã hội, trên truyền hình, thiết kế bộ nhận diện thương hiệu, trang bìa sách, dàn trang, trình bày nội dung sách, báo, tạp chí, tranh cổ động;

- Thực hiện được biên tập, xử lý hình ảnh, video, âm thanh, quay camera, chụp ảnh, xử lí các ảnh tĩnh, ảnh động;

- Tạo lập và sử dụng được đồ họa, các lớp đồ họa; Tạo lập được một số ấn phẩm chuyên dụng sử dụng nội bộ và tạo lập được các ấn phẩm nhằm mục đích quảng cáo;

- Tạo lập được các ấn phẩm dùng cho các lĩnh vực khác nhau như tạo nhãn mác hàng hóa, tạo mẫu logo, tạo mẫu danh thiếp hoặc quảng cáo;

- Thực hiện được các dịch vụ liên quan đến thiết kế đồ họa như mỹ thuật, chế bản sách báo, tạo các tranh ảnh quảng cáo, các dịch vụ liên quan đến video số, chụp ảnh số;

- Tạo ra được các bản vẽ liên quan đến mỹ thuật công nghiệp.

1.2.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Thực hiện công việc có đạo đức, ý thức về nghề nghiệp, trách nhiệm công dân; động cơ nghề nghiệp đúng đắn, tôn trọng bản quyền; Thực hiện đúng luật sở hữu trí tuệ trong ứng dụng phần mềm; cần cù, chịu khó và sáng tạo; Thực hiện tốt kỷ luật lao động và thực hiện đúng nội qui của cơ quan, doanh nghiệp;

- Giao tiếp hiệu quả thông qua viết, thuyết trình, thảo luận, đàm phán, làm chủ tình huống;

- Cập nhật được kiến thức, thực hiện sáng tạo trong công việc; Làm việc được với các môi trường làm việc khác nhau;

- Thực hiện trách nhiệm với kết quả công việc của bản thân và nhóm trước lãnh đạo cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm: Dịch vụ khách hàng; Thiết kế sản phẩm, ấn phẩm quảng cáo và xuất bản; Biên tập, xử lý hình ảnh, video, âm thanh; Thiết kế sản phẩm đồ họa truyền thông đa phương tiện; Thiết kế đối tượng đồ họa hoạt hình 2D; Thiết kế đối tượng đồ họa hoạt hình 3D.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng môn học, mô đun: 22
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 55 tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 255 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1200 giờ

- Khối lượng lý thuyết: 351 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập, thực tập, thí nghiệm: 815 giờ

3. Nội dung chương trình

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian đào tạo (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành, thực tập, bài tập, tiểu luận	Thi, Kiểm tra
I	**Các môn học chung**	**17**	**255**	**94**	**148**	**13**
MH 01	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2
MH 02	Pháp luật	1	15	9	5	1
MH 03	Giáo dục thể chất	2	30	4	24	2
MH 04	Giáo dục quốc phòng - an ninh	3	45	21	21	3
MH 05	Tin học	3	45	15	29	1
MH 06	Tiếng Anh 1	3	45	15	28	2
MH 07	Tiếng Anh 2	3	45	15	28	2
II. Các môn học, mô đun chuyên môn		**38**	**1200**	**351**	**815**	**34**
II.1	***Các môn học, mô đun cơ sở***	**17**	**450**	**181**	**252**	**17**
MH 08	Vẽ kỹ thuật căn bản	2	45	20	23	2
MH 09	An toàn và vệ sinh công nghiệp	1	15	14	0	1
MĐ 10	Kỹ thuật lập trình	3	90	30	57	3
MĐ 11	Đồ họa ứng dụng	3	90	30	57	3
MĐ 12	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	90	30	57	3
MH 13	Kiến trúc máy tính	3	60	27	30	3
MĐ 14	Cơ sở dữ liệu	2	60	30	28	2
II.2. Các môn học, mô đun chuyên môn		**21**	**750**	**170**	**563**	**17**
MH 15	Mỹ thuật cơ bản	3	90	30	57	3
MH 16	Cơ sở kỹ thuật đồ hoạ	3	90	30	57	3
MH 17	Nguyên lý tạo hình	3	90	30	57	3
MĐ 18	Tạo các bản vẽ kỹ thuật cơ bản	2	60	20	38	2
MĐ 19	Tạo hình 2D và 3D	2	60	20	38	2
MĐ 20	Xử lý ảnh cơ bản	2	60	20	38	2
MĐ 21	Chế bản điện tử cơ bản	2	60	20	38	2
MĐ 22	Thực tập tốt nghiệp	4	240		240	
	Tổng cộng	**55**	**1455**	**445**	**963**	**47**

4. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Quá trình tổ chức đào tạo thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 11/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

4.1. Các môn học chung

- Môn học Giáo dục quốc phòng – an ninh: Thực hiện theo Thông tư số 10/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội;

- Môn học Giáo dục chính trị: Thực hiện theo Thông tư số 24/2018/TT-BLĐTBXH, ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội;

- Môn học Pháp luật: Thực hiện theo Thông tư số 13/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội;

- Môn học Tin học: Thực hiện theo Thông tư số 11/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội;

- Môn học Giáo dục thể chất: Thực hiện theo Thông tư số 12/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội;

- Môn học Tiếng Anh: Thực hiện theo Thông tư số 03/2019/TT-BLĐTBXH ngày 17 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội. Môn học này được tách thành môn Tiếng Anh 1 và Tiếng Anh 2. Mỗi môn có khối lượng 3 tín chỉ

4.2. Xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

Ngoài đi thực tế ngành, thực tập tốt nghiệp; mỗi năm học tổ chức từ 1 đến 2 tuần cho sinh viên đi hoạt động ngoại khóa: đi thăm quan các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực điện công nghiệp.

Thời gian hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khoá cụ thể như sau:

Số TT	Hoạt động ngoại khoá	Hình thức	Thời gian	Mục tiêu

1	Chính trị đầu khóa	Tập trung	Sau khi nhập học	- Phổ biến các qui chế đào tạo nghề, nội qui của trường và lớp học - Phân lớp, làm quen với giáo viên chủ nhiệm
2	Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, dã ngoại, vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Cá nhân, nhóm thực hiện hoặc sinh hoạt tập thể; Qua các phương tiện thông tin đại chúng. Ngoài ra, Đoàn thanh niên có thể tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày hoặc ngoài giờ học hàng ngày Vào các ngày lễ lớn trong năm: - Lễ khai giảng năm học mới - Ngày thành lập Đảng, Đoàn - Ngày thành lập trường, lễ kỷ niệm 20/11, thành lập Ngành, các ngày lễ lớn trong năm	- Nâng cao kỹ năng giao tiếp, khả năng làm việc nhóm - Rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, lòng yêu nghề, yêu trường
3	Tham quan thực tế	Tập trung, nhóm	Mỗi học kỳ một lần; hoặc trong quá trình thực tập	- Nhận thức đầy đủ về nghề - Tìm kiếm cơ hội việc làm
4	Đọc và tra cứu sách, tài liệu tại thư viện	Cá nhân	Ngoài thời gian học tập	- Nghiên cứu, bổ sung các kiến thức chuyên môn - Tìm kiếm thông tin nghề nghiệp trên mạng Internet

4.3. Tổ chức thi kết thúc môn học, mô đun

- Cuối mỗi học kỳ, Nhà trường tổ chức hai kỳ thi: một kỳ thi chính và một kỳ thi phụ để thi kết thúc môn học; kỳ thi phụ được tổ chức cho người học chưa dự thi kết thúc môn học hoặc có môn học có điểm chưa đạt yêu cầu ở kỳ thi chính. Ngoài ra, Nhà trường có thể tổ chức thi kết thúc môn học vào thời điểm khác cho người học đủ điều kiện dự thi;

- Hình thức thi kết thúc môn học có thể là thi trắc nghiệm, viết, vấn đáp, thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập bài tập lớn, tiểu luận, bảo vệ kết quả thực tập theo chuyên đề hoặc kết hợp giữa một hoặc nhiều các hình thức trên;

- Thời gian làm bài thi kết thúc môn học đối với mỗi bài thi viết là 60 đến 120 phút, thời gian làm bài thi đối với các hình thức thi khác hoặc thời gian làm bài thi của môn học có tính đặc thù của ngành, nghề đào tạo do Hiệu trưởng quyết định;

- Lịch thi của kỳ thi chính phải được thông báo trước kỳ thi ít nhất 02 tuần, lịch thi của kỳ thi phụ phải được thông báo trước kỳ thi ít nhất 01 tuần; trong kỳ thi, từng môn học được tổ chức thi riêng biệt, không bố trí thi ghép một số môn học trong cùng một buổi thi của một người học;

- Thời gian dành cho ôn thi mỗi môn học tỷ lệ thuận với số giờ của môn học đó và bảo đảm ít nhất là 1/2 ngày ôn thi cho 15 giờ học lý thuyết trên lớp, 30 giờ học Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập thực tập; tất cả các môn học phải bố trí giáo viên hướng dẫn ôn thi, đề cương ôn thi phải được công bố cho người học ngay khi bắt đầu tổ chức ôn thi;

- Danh sách người học đủ điều kiện dự thi, không đủ điều kiện dự thi có nêu rõ lý do phải được công bố công khai trước ngày thi môn học ít nhất 05 ngày làm việc; danh sách phòng thi, địa điểm thi phải được công khai trước ngày thi kết thúc môn học từ 1 - 2 ngày làm việc;

- Đối với hình thức thi viết, mỗi phòng thi phải bố trí ít nhất hai giáo viên coi thi và không bố trí quá 35 người học dự thi; người học dự thi phải được bố trí theo số báo danh; đối với hình thức thi khác, Hiệu trưởng quyết định việc bố trí phòng thi hoặc địa điểm thi và các nội dung liên quan khác;

- Bảo đảm tất cả những người tham gia kỳ thi phải được phổ biến ít nhất về quyền hạn, nhiệm vụ, nghĩa vụ của mình trong kỳ thi; tất cả các phiên họp liên quan đến kỳ thi, việc lựa chọn bốc thăm đề thi, bàn giao đề thi, bài thi, điểm thi phải được ghi lại bằng biên bản;

- Hình thức thi, thời gian làm bài, điều kiện thi kết thúc môn học học phần phải được quy định trong chương trình chi tiết của môn học.

4.4. Thi tốt nghiệp hoặc xét công nhận tốt nghiệp

- Đối với đào tạo theo niên chế:

+ Người học phải học hết chương trình đào tạo và có đủ điều kiện thì sẽ được dự thi tốt nghiệp;

+ Nội dung thi tốt nghiệp bao gồm: môn Chính trị; Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp; Thực hành nghề nghiệp;

+ Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả thi tốt nghiệp, kết quả bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp của người học và các quy định liên quan để xét công nhận tốt nghiệp, cấp bằng theo quy định.

- Đối với đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tích lũy tín chỉ:

+ Người học phải học hết chương trình đào tạo và phải tích lũy đủ số mô đun hoặc tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo;

+ Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định việc công nhận tốt nghiệp ngay cho người học hoặc phải làm chuyên đề, khóa luận làm điều kiện xét tốt nghiệp;

+ Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp theo quy định.

4.5. Các chú ý khác (nếu có): Không

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Kim Khôi

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2018/TT-BLĐTBXH, ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội)

Tên môn học: Giáo dục chính trị

Mã môn học: MH 01

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (lý thuyết: 15 giờ; thảo luận: 13 giờ; kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí

Môn học Giáo dục chính trị là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

2. Tính chất

Chương trình môn học bao gồm khái quát về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; chú trọng về đạo đức công dân, đạo đức nghề nghiệp; góp phần giáo dục người lao động phát triển toàn diện, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học, người học đạt được:

1. Về kiến thức

Trình bày được một số nội dung khái quát về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; yêu cầu và nội dung học tập, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.

2. Về kỹ năng

Vận dụng được các kiến thức chung được học về quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào việc học tập, rèn luyện, xây dựng đạo đức, lối sống để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt và tham gia xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có năng lực vận dụng các nội dung đã học để rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; thực hiện tốt quan điểm, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

STT	Tên bài	Thời gian (giờ)

		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận	Kiểm tra
1	Bài mở đầu	1	1		
2	Bài 1: Khái quát về chủ nghĩa Mác - Lê nin	4	2	2	
3	Bài 2: Khái quát về tư tưởng Hồ Chí Minh	5	3	2	
4	Bài 3: Những thành tựu của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng	5	3	2	
5	Bài 4: Phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam	10	5	5	
6	Bài 5: Tu dưỡng, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt	3	1	2	
7	Kiểm tra	2			2
	Tổng cộng	**30**	**15**	**13**	**02**

2. Nội dung chi tiết

BÀI MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

Trình bày được vị trí, tính chất, mục tiêu, nội dung chính, phương pháp dạy học và đánh giá môn học.

2. Nội dung

2.1. Vị trí, tính chất môn học

2.2. Mục tiêu của môn học

2.3. Nội dung chính

2.4. Phương pháp dạy học và đánh giá môn học

Bài 1: KHÁI QUÁT VỀ CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được khái niệm, nội dung chính và giá trị của chủ nghĩa Mác - Lênin đối với sự phát triển của xã hội;

- Khẳng định được chủ nghĩa Mác - Lênin là nền tảng tư tưởng của Đảng ta.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm chủ nghĩa Mác - Lênin

2.2. Các bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác - Lênin

2.2.1. Triết học Mác - Lênin

2.2.2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin

2.2.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

2.3. Vai trò nền tảng tư tưởng, lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin

Bài 2: KHÁI QUÁT VỀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được khái niệm, một số nội dung cơ bản, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh; sự cần thiết, nội dung học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh;

- Có nhận thức đúng đắn và bước đầu vận dụng tốt kiến thức đã học vào việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, phong cách cá nhân.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh

2.2. Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh

2.3. Vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam

2.4. Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay

2.4.1. Sự cần thiết phải học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

2.4.2. Nội dung chủ yếu của học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

Bài 3: NHỮNG THÀNH LỰU CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được quá trình ra đời và những thành tựu của cách mạng Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo;

- Khẳng định, tin tưởng và tự hào về sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng ở nước ta.

2. Nội dung

2.1. Sự ra đời và lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với cách mạng Việt Nam

2.1.1. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam

2.1.2. Vai trò lãnh đạo của Đảng trong các giai đoạn cách mạng

2.2. Những thành tựu của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng

2.2.1. Thắng lợi của đấu tranh giành và bảo vệ nền độc lập dân tộc

2.2.2. Thắng lợi của công cuộc đổi mới

Bài 4:
PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI, VĂN HÓA, CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được một số quan điểm và giải pháp cơ bản xây dựng và phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay;

- Nhận thức được đường lối phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người của nước ta trong giai đoạn hiện nay là phù hợp và chủ động thực hiện đường lối đó.

2. Nội dung

2.1. Nội dung của chủ trương phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay

2.2. Giải pháp phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay

2.2.1. Nội dung phát triển kinh tế, xã hội

2.2.2. Nội dung phát triển văn hóa, con người

Bài 5:
TU DƯỠNG, RÈN LUYỆN ĐỂ TRỞ THÀNH NGƯỜI CÔNG DÂN TỐT, NGƯỜI LAO ĐỘNG TỐT

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày sơ lược được quan niệm, nội dung tu dưỡng và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt;

- Tích cực học tập và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.

2. Nội dung

2.1. Quan niệm về người công dân tốt, người lao động tốt

2.1.1. Người công dân tốt

2.1.2. Người lao động tốt

2.2. Nội dung tu dưỡng và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt

2.2.1. Phát huy truyền thống yêu nước, trung thành với sự nghiệp cách mạng của nhân dân Việt Nam

2.2.2. Phấn đấu học tập nâng cao năng lực và rèn luyện phẩm chất cá nhân

IV. Điều kiện thực hiện môn học

- Phòng học, máy tính, máy chiếu và các thiết bị dạy học khác;

- Chương trình môn học, giáo trình, tài liệu tham khảo, giáo án, phim ảnh, và các tài liệu liên quan;

- Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đầu tư phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

VI. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập

Việc miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học được thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH.

Người học là đối tượng tuyển sinh hệ tốt nghiệp trung học cơ sở bắt buộc học toàn bộ chương trình môn học này. Người học đã có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, Hiệu trưởng nhà trường xem xét, quyết định cho người học được miễn học những nội dung đã được học ở chương trình trình phổ thông.

VII. Một số hướng dẫn khác

Khuyến khích các trường trong danh sách trường nghề được ưu tiên đầu tư tập trung, đồng bộ theo tiêu chí trường nghề chất lượng theo Quyết định số 761/QĐ-TTg ngày 23 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Đề án phát triển trường nghề chất lượng cao đến năm 2020" tổ chức thí điểm giảng dạy trực tuyến môn học này. Đối với các trường khác, chỉ tổ chức giảng dạy trực tuyến môn học sau khi có văn bản hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Bí thư Trung ương Đảng (2014), Kết luận số 94-KL/TW, ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “về tiếp tục đổi mới, học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân”.

2. Ban Tuyên giáo Trung ương (2014), Hướng dẫn số 127-HD/BTGTW ngày 30/6/2014 của Ban Tuyên giáo Trung ương về việc triển khai thực hiện Kết luận số 94-KL/TW ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “về tiếp tục đổi mới, học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân”.

3. Ban Tuyên giáo Trung ương (2016), Những điểm mới trong văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.

4. Ban Tuyên giáo Trung ương (2018), Sổ tay các văn bản hướng dẫn thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

5. Bộ Chính trị (2016), Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

6. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2008), Quyết định số 03/2008/QD-BLĐTBXH, ngày 18/2/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Chính trị dùng cho các trường trung cấp nghề, trường cao đẳng nghề.

7. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18/9/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành chương trình các môn lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

8. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), Thông tư số 11/2012/TT-BGDĐT, ngày 07/3/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình môn học Giáo dục chính trị dùng trong đào tạo trình độ trung cấp chuyên nghiệp.

9. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

10. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

11. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

12. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng.

13. Đảng Cộng sản Việt Nam (2017), Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.

14. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản về quản lý nhà nước, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

15. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

16. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận- Hành chính: Đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam về các lĩnh vực của đời sống xã hội, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

17. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Nghiệp vụ công tác đảng ở cơ sở, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

18. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản về Đảng Cộng sản và lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội;

19. Hội đồng Lý luận Trung ương (2017), Phê phán các quan điểm sai trái, bảo vệ nền tảng tư tưởng, cương lĩnh, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

20. Quốc hội (2013), Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)

Tên môn học: Pháp luật

Mã môn học: MH 02

Thời gian thực hiện môn học: 15 giờ (lý thuyết: 9 giờ; thảo luận, bài tập: 5 giờ; kiểm tra: 1 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí

Môn học Pháp luật là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

2. Tính chất

Chương trình môn học bao gồm một số nội dung về nhà nước và pháp luật; giúp người học có nhận thức đúng và thực hiện tốt các quy định của pháp luật.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học này, người học đạt được:

1. Về kiến thức

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và hệ thống pháp luật của Việt Nam;

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; pháp luật lao động; phòng, chống tham nhũng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

2. Về kỹ năng

- Nhận biết được cấu trúc, chức năng của các cơ quan trong bộ máy nhà nước và các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội ở Việt Nam; các thành tố của hệ thống pháp luật và các loại văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam;

- Phân biệt được khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh và vận dụng được các kiến thức được học về pháp luật lao động; phòng, chống tham nhũng; bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng vào việc xử lý các vấn đề liên quan trong các hoạt động hàng ngày.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Tôn trọng, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật; tự chủ được các hành vi của mình trong các mối quan hệ liên quan đến các nội dung đã được học, phù hợp với quy định của pháp luật và các quy tắc ứng xử chung của cộng đồng và của xã hội.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Tên chương/ bài	Thời gian (giờ)	

		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận/ bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: Một số vấn đề chung về nhà nước và pháp luật	2	1	1	
2	Bài 2: Hiến pháp	2	1	1	
3	Bài 3: Pháp luật lao động	7	5	2	
4	Bài 4: Pháp luật phòng, chống tham nhũng	2	1	1	
5	Bài 5: Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	1	1	0	
6	Kiểm tra	1			1
	Cộng	**15**	**9**	**5**	**1**

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1:
MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

1. Mục tiêu

- Nhận biết được bản chất, chức năng, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Nhận biết được các thành tố của hệ thống pháp luật và hệ thống văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam.

2. Nội dung

2.1. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.1.1. Bản chất, chức năng của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.1.2. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2.1.3. Bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.2. Hệ thống pháp luật Việt Nam

2.2.1. Các thành tố của hệ thống pháp luật

2.2.1.1. Quy phạm pháp luật

2.2.1.2. Chế định pháp luật

2.2.1.3. Ngành luật

2.2.2. Các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam

2.2.3. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật

2.2.3.1. Khái niệm văn bản quy phạm pháp luật

2.2.3.2. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam hiện nay

Bài 2: HIẾN PHÁP

1. Mục tiêu

- Trình bày được khái niệm, vị trí của hiến pháp và một số nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Nhận thức được trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc thi hành và bảo vệ Hiến pháp.

2. Nội dung

2.1. Hiến pháp trong hệ thống pháp luật Việt Nam

2.1.1. Khái niệm hiến pháp

2.1.2. Vị trí của hiến pháp trong hệ thống pháp luật Việt Nam

2.2. Một số nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013

2.2.1. Chế độ chính trị

2.2.2. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân

2.2.3. Kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường

Bài 3: PHÁP LUẬT LAO ĐỘNG

1. Mục tiêu

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Luật lao động.

- Nhận biết được quyền, nghĩa vụ của người lao động, người sử dụng lao động và một số vấn đề cơ bản khác trong pháp luật lao động.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật lao động

2.2. Các nguyên tắc cơ bản của Luật lao động

2.3. Một số nội dung của Bộ luật lao động

2.3.1. Quyền và nghĩa vụ của người lao động

2.3.2. Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng lao động

2.3.3. Hợp đồng lao động

2.3.4. Tiền lương

2.3.5. Bảo hiểm xã hội

2.3.6. Thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi

2.3.7. Kỷ luật lao động

2.3.8. Tranh chấp lao động

2.3.9. Công đoàn

Bài 4: PHÁP LUẬT PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

1. Mục tiêu

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về phòng, chống tham nhũng và các điểm chính của Luật Phòng, chống tham nhũng;

- Nhận thức đúng quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của công dân trong công tác phòng, chống tham nhũng.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm tham nhũng

2.2. Nguyên nhân, hậu quả của tham nhũng

2.3. Ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác phòng, chống tham nhũng

2.4. Trách nhiệm của công dân trong việc phòng, chống tham nhũng

2.5. Giới thiệu Luật Phòng, chống tham nhũng

Bài 5:

PHÁP LUẬT BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG

1. Mục tiêu

- Trình bày được quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng;

- Nhận thức được trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đối với người tiêu dùng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

2. Nội dung

2.1. Quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng

2.2. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đối với người tiêu dùng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học.

2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu Projector.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Phim, tranh ảnh minh họa các tình huống pháp luật, tài liệu phát tay cho học sinh, tài liệu tham khảo.

4. Các điều kiện khác:

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trang bị phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học hoặc một số nội dung của môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

VI. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập

Việc miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học được thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH.

Tài liệu tham khảo

1. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.

2. Bộ Luật lao động, 2012.

3. Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, 2010.

4. Luật Phòng, chống tham nhũng, 2005.

5. Quyết định số 1309/QĐ-TTg ngày 05/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân.

6. Quyết định số 1997/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển các hoạt động bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng giai đoạn 2016 – 2020.

7. Chỉ thị số 10/CT- TTg ngày 12/06/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đưa nội dung phòng, chống tham nhũng vào giảng dạy tại các cơ sở giáo dục, đào tạo từ năm học 2013-2014.

8. Thông tư số 08/2014/TT-BLĐTBXH ngày 22/04/2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành chương trình, giáo trình môn học Pháp luật dùng trong đào tạo trung cấp nghề, trình độ cao đẳng nghề.

9. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình Pháp luật đại cương, Nhà Xuất bản Đại học Sư phạm, 2017.

10. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Tài liệu giảng dạy về phòng, chống tham nhũng dùng cho các trường đại học, cao đẳng không chuyên về luật (Phê duyệt kèm theo Quyết định số 3468/QĐ-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, năm 2014).

11. Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh - Trường Đại học Kinh tế - Luật: Giáo trình Luật Lao động, năm 2016.

12. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật, Nhà Xuất bản Tư pháp, năm 2018.

13. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2017.

14. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật Lao động Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2018.

15. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Xây dựng văn bản pháp luật, Nhà Xuất bản Tư pháp, năm 2016.

16. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam, năm 2017.

17. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, năm 2017./.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)

Tên môn học: Giáo dục thể chất

Mã môn học: MH 03

Thời gian thực hiện: 30 giờ (lý thuyết: 04 giờ; thực hành: 24 giờ; kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí

Môn học Giáo dục thể chất là môn học điều kiện, bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

2. Tính chất

Chương trình môn học bao gồm một số nội dung cơ bản về thể dục, thể thao; giúp người học tập luyện để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tầm vóc, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học này, người học đạt được:

1. Về kiến thức

Trình bày được tác dụng, các kỹ thuật chính và một số quy định của luật môn thể dục thể thao được học để rèn luyện sức khỏe, phát triển thể lực chung.

2. Về kỹ năng

Tự tập luyện, rèn luyện đúng các yêu cầu về kỹ thuật, quy định của môn thể dục thể thao được học.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có ý thức tự giác và hình thành thói quen tập luyện thể dục thể thao hàng ngày để góp phần bảo đảm sức khỏe trong học tập, lao động và trong các hoạt động khác.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Chương/ bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	**Bài mở đầu**	1	1		
II	**Chương I: Giáo dục thể chất chung**				
1	Bài 1: Thể dục cơ bản	6	1	5	
2	Bài 2: Điền kinh	8	1	7	
3	Kiểm tra giáo dục thể chất chung	1			1

III	**Chương II: Chuyên đề thể dục thể thao tự chọn** *(chọn 1 trong các chuyên đề sau)*	14	1	12	1
1	Chuyên đề 1: Môn bơi lội	14	1	12	1
2	Chuyên đề 2: Môn cầu lông	14	1	12	1
3	Chuyên đề 3: Môn bóng chuyền	14	1	12	1
4	Chuyên đề 4: Môn bóng rổ	14	1	12	1
5	Chuyên đề 5: Môn bóng đá	14	1	12	1
6	Chuyên đề 6: Môn bóng bàn	14	1	12	1
7	Chuyên đề 7: Môn thể dục thể thao khác	14	1	12	1
	Cộng	**30**	**4**	**24**	**2**

2. Nội dung chi tiết

BÀI MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

Trình bày được vị trí, tính chất, mục tiêu, nội dung chính, phương pháp dạy học và đánh giá môn học.

2. Nội dung

2.1. Vị trí, tính chất môn học

2.2. Mục tiêu của môn học

2.3. Nội dung chính

2.4. Tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập

Chương I: GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHUNG

Bài 1: THỂ DỤC CƠ BẢN

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật cơ bản đối với bài thể dục tay không liên hoàn;

- Thực hiện được đúng động tác kỹ thuật của bài thể dục tay không liên hoàn.

2. Nội dung

2.1. Giới thiệu về thể dục cơ bản

2.2. Thể dục tay không liên hoàn

2.2.1. Tác dụng của thể dục tay không liên hoàn

2.2.2. Các động tác kỹ thuật

Bài 2: ĐIỀN KINH

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật cơ bản và một số nội dung trong Luật Điền kinh như: Chạy cự ly ngắn, chạy cự ly trung bình;

- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật và bảo đảm các yêu cầu khác của môn điền kinh được học.

2. Nội dung

2.1. Chạy cự ly ngắn

2.1.1. Tác dụng của chạy cự ly ngắn

2.1.2. Các động tác kỹ thuật

2.1.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về chạy cự ly ngắn

2.2. Chạy cự ly trung bình

2.2.1. Tác dụng của chạy cự ly trung bình

2.2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về chạy cự ly trung bình

Chương II: CHUYÊN ĐỀ THỂ DỤC THỂ THAO TỰ CHỌN

(Chọn 1 trong các chuyên đề sau)

Chuyên đề 1: MÔN BƠI LỘI

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật bơi;
- Thực hiện đúng một số động tác kỹ thuật của môn Bơi lội.

2. Nội dung

2.1. Tác dụng của môn Bơi lội

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Làm quen với nước, phương pháp thở nước và thả nổi

2.2.2. Động tác chân và tay

2.2.3. Phối hợp tay - chân

2.2.4. Phối hợp tay - chân - thở

2.3. Một số quy định của Luật bơi

Chuyên đề 2: MÔN CẦU LÔNG

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Cầu lông;
- Thực hiện đúng một số động tác kỹ thuật của môn Cầu lông.

2. Nội dung

2.1. Tác dụng của môn Cầu lông

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Tư thế cơ bản và cách cầm vợt

2.2.2. Các bước di chuyển (phải trái, trước, sau, chếch), bước đơn, kép, đệm

2.2.3. Kỹ thuật đánh cầu phải, trái cao tay

2.2.4. Kỹ thuật đánh cầu phải, trái thấp tay

2.2.5. Kỹ thuật đánh cầu sát lưới và bỏ nhỏ

2.2.6. Kỹ thuật phát cầu (thấp gần, cao sâu)

2.3. Một số quy định của Luật Cầu lông

Chuyên đề 3: MÔN BÓNG CHUYỀN

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng chuyền;
- Thực hiện đúng một số động tác kỹ thuật của môn Bóng chuyền.

2. Nội dung

2.1. Tác dụng của môn Bóng chuyền

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Tư thế cơ bản, các bước di chuyển

2.2.2. Kỹ thuật chuyền bóng cao tay cơ bản (chuyền bước 2)

2.2.3. Kỹ thuật chuyền bóng thấp tay cơ bản (chuyền bước 1)

2.2.4. Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt

2.2.5. Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt

2.3. Một số quy định của Luật Bóng chuyền

Chuyên đề 4: MÔN BÓNG RỔ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng rổ;
- Thực hiện đúng một số động tác kỹ thuật của môn Bóng rổ.

2. Nội dung

2.1. Tác dụng của môn Bóng rổ

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Cách cầm bóng và tư thế chuẩn bị và di chuyển

2.2.2. Kỹ thuật dẫn bóng

2.2.3. Kỹ thuật chuyền bóng và bắt bóng hai tay trước ngực

2.2.4. Kỹ thuật ném rổ bằng một tay trên vai

2.2.5. Kỹ thuật hai bước ném rổ

2.3. Một số quy định của Luật Bóng rổ

Chuyên đề 5: MÔN BÓNG ĐÁ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng đá;

- Thực hiện đúng một số động tác kỹ thuật của môn Bóng đá.

2. Nội dung

2.1. Tác dụng của môn Bóng đá

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Kỹ thuật di chuyển

2.2.2. Kỹ thuật dẫn bóng

2.2.3. Kỹ thuật giữ/ khống chế bóng

2.2.4. Kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân

2.2.5. Kỹ thuật đá biên hoặc ném biên

2.3. Một số quy định của Luật Bóng đá

Chuyên đề 6: MÔN BÓNG BÀN

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng bàn;

- Thực hiện đúng một số động tác kỹ thuật của môn Bóng bàn.

2. Nội dung

2.1. Tác dụng của môn Bóng bàn

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Cách cầm vợt và tư thế chuẩn bị và di chuyển

2.2.2. Kỹ thuật giao bóng, đỡ giao bóng thuận tay và trái tay

2.2.3. Kỹ thuật líp bóng thuận tay và trái tay

2.2.4. Kỹ thuật gò bóng thuận và trái tay

2.3. Một số quy định của Luật Bóng bàn

Chuyên đề 7: MÔN THỂ DỤC THỂ THAO KHÁC

Căn cứ vào điều kiện thực tế và nhu cầu của người học, Hiệu trưởng nhà trường có thể xem xét, quyết định xây dựng và thực hiện các chuyên đề thể dục thể thao tự chọn khác như: Võ thuật, đẩy tạ, tenis, đá cầu...bảo đảm yêu cầu về mục tiêu, nội dung và thời lượng của chuyên đề thể dục thể thao.

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Điều kiện chung: Nhà tập luyện/ thi đấu đa năng; video/clip, tranh ảnh, máy chiếu, loa, đài, còi, cờ lệnh, đồng hồ bấm giờ; bàn, ghế; quần áo tập luyện, dụng cụ y tế.

2. Trang thiết bị

2.1. Đối với giáo dục thể chất chung

- Thể dục cơ bản: Sân tập, còi, tranh động tác, thảm tập; dụng cụ tập như gậy, bóng, hoa; nhạc tập và các thiết bị khác.

- Điền kinh:

Chạy cự ly ngắn và trung bình: Sân chạy, dụng cụ phát lệnh, bàn đạp xuất phát và các thiết bị khác;

2.2. Đối với chuyên đề thể dục thể thao tự chọn:

- Môn bơi lội: Hồ bơi, phao bơi, nón bơi, kính bơi và các thiết bị khác;

- Môn cầu lông: Sân cầu lông, bộ trụ; lưới, vợt, quả cầu lông, bảng lật tỷ số và các và các thiết bị khác;

- Môn bóng chuyền: Sân bóng chuyền; trụ, lưới, bóng chuyền; bảng lật tỷ số, sa bàn chiến thuật và các thiết bị khác;

- Môn bóng rổ: Sân bóng rổ, trụ bóng rổ; bảng lật tỷ số, sa bàn chiến thuật và các thiết bị khác;

- Môn bóng đá: Sân bóng đá, khung thành, bóng đá, thẻ phạt, bảng lật tỷ số, sa bàn chiến thuật và các thiết bị khác;

- Môn bóng bàn: Phòng tập; bàn, vợt, bóng, bảng lật tỷ số và các thiết bị khác.

3. Các điều kiện khác

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đầu tư phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học hoặc một số nội dung của môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

VI. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập

Việc miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học được thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH.

Người học là đối tượng tuyển sinh hệ tốt nghiệp trung học cơ sở bắt buộc học toàn bộ chương trình môn học này. Người học đã có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, Hiệu trưởng nhà trường xem xét, quyết định cho người học được miễn học những nội dung đã được học ở chương trình trung học phổ thông.

Tài liệu tham khảo

1. Nghị định số 11/2015/NĐ-CP ngày 32/01/2015 của Chính phủ Quy định về Giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong nhà trường.

2. Quyết định số 1076/QĐ-TTg ngày 17/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025;

3. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Cầu lông, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2000.

4. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bơi thể thao, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2015.

5. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Thể dục, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2009.

6. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bóng chuyền, Nhà xuất bản Thể dục thể thao, năm 2006.

7. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Điền kinh (sách giáo khoa), năm 2006.

8. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bóng đá, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2007.

9. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bơi thể thao, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2015.

10. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình điền kinh, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2016.

11. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bóng rổ, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2016.

12. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bóng đá, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2017.

13. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bơi lội (tập 1, tập 2), Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2016.

14. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bóng bàn, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2014.

15. Trường Đại học Sư phạm thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Điền kinh, năm 2016.

16. Trường Đại học Sư phạm thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh: Giáo trình Bóng chuyền, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2014.

17. Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng: Giáo trình thể dục (tập 1, tập 2) Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2014.

18. Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng: Giáo trình điền kinh, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2014.

19. Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng: Giáo trình bóng bàn, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2015.

20. Luật các môn thể thao và các tài liệu tham khảo khác./.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)

Tên môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh

Mã môn học: MH 04

Thời gian thực hiện: 45 giờ (lý thuyết: 21 giờ; thực hành, thảo luận, bài tập: 21 giờ; kiểm tra: 03 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí

Môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh là môn học điều kiện, bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trung cấp.

2. Tính chất

Chương trình môn học bao gồm những nội dung cơ bản về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; lực lượng vũ trang nhân dân; có kiến thức cơ bản về phòng thủ dân sự, rèn luyện kỹ năng quân sự, sẵn sàng tham gia bảo vệ Tổ quốc.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học, người học đạt được:

1. Về kiến thức

- Trình bày được những nội dung cơ bản về chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia;
- Trình bày được một số nội dung cơ bản về dân tộc và tôn giáo; phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội;
- Trình bày được một số nội dung cơ bản về đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội; tác dụng, tính năng, cấu tạo và cách thức sử dụng của một số loại vũ khí bộ binh thông thường; kỹ thuật cấp cứu chuyển thương.

2. Về kỹ năng

- Nhận biết được một số biểu hiện, hoạt động về "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam hiện nay;
- Nhận biết được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia;
- Xác định được một số vấn đề cơ bản về dân tộc và tôn giáo; phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội;
- Thực hiện đúng các động tác trong đội ngũ đơn vị; kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh; cấp cứu chuyển thương.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Luôn có tinh thần cảnh giác cao trước những âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch; chấp hành tốt mọi đường lối chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác quốc phòng và an ninh;

- Rèn luyện bản lĩnh chính trị, đạo đức, hình thành lối sống có kỷ luật, có ý thức tự giác và tác phong nhanh nhẹn trong các hoạt động;

- Sẵn sàng tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, các hoạt động xã hội góp phần xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

STT	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ thảo luận	Kiểm tra
1	Bài 1: Nhập môn Giáo dục quốc phòng và an ninh	2	2		
2	Bài 2: Phòng chống chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam	4	3	1	
3	Bài 3: Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên	4	3	1	
4	Bài 4: Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia	4	3	1	
5	Bài 5: Một số vấn đề cơ bản về dân tộc và tôn giáo	4	3	1	
6	Bài 6: Những vấn đề cơ bản về phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội	4	3	1	
7	Kiểm tra	1			1
8	Bài 7: Đội ngũ đơn vị	4	1	3	
9	Bài 8: Giới thiệu và hướng dẫn kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh	10	2	8	
10	Bài 9: Kỹ thuật cấp cứu và chuyển thương	6	1	5	
11	Kiểm tra	2			2
	CỘNG	**45**	**21**	**21**	**3**

2. Nội dung chi tiết

Bài 1:
NHẬP MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được vị trí, tính chất, mục tiêu, nội dung chính, điều kiện thực hiện, yêu cầu về kiểm tra đánh giá môn học; các yêu cầu tối thiểu về lễ tiết tác phong quân nhân cho người học môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh;

- Nâng cao ý thức, trách nhiệm của người học trong học tập môn học, nhận thức được tầm quan trọng của công tác quốc phòng và an ninh, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Nội dung

2.1. Vị trí, tính chất, mục tiêu của môn học

2.2. Các nội dung chính

2.3. Một số yêu cầu cơ bản về lễ tiết tác phong quân nhân cho người học

2.4. Điều kiện thực hiện môn học

2.5. Tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập

Bài 2:
PHÒNG CHỐNG CHIẾN LƯỢC "DIỄN BIẾN HÒA BÌNH", BẠO LOẠN LẬT ĐỔ CỦA CÁC THẾ LỰC THÙ ĐỊCH ĐỐI VỚI VIỆT NAM

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những nội dung cơ bản về chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với các nước xã hội chủ nghĩa và Việt Nam;

- Nhận biết được một số biểu hiện, hoạt động về "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá chủ nghĩa xã hội

2.1.1. Khái niệm chiến lược "Diễn biến hòa bình"

2.1.2. Khái niệm bạo loạn lật đổ

2.2. Chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam

2.2.1. Âm mưu, thủ đoạn của chiến lược "Diễn biến hòa bình" đối với Việt Nam

2.2.2. Bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá Việt Nam

2.3. Quan điểm và phương châm của Đảng, Nhà nước về phòng chống chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ

2.3.1. Quan điểm chỉ đạo

2.3.2. Phương châm tiến hành

2.4. Những giải pháp phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ ở Việt Nam hiện nay

2.4.1. Nâng cao nhận thức về âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, nắm chắc mọi diễn biến không để bị động và bất ngờ

2.4.2. Đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng, tiêu cực trong xã hội, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trên các lĩnh vực, chống nguy cơ tụt hậu về kinh tế

2.4.3. Xây dựng ý thức bảo vệ Tổ quốc cho toàn dân

2.4.4. Xây dựng cơ sở chính trị - xã hội vững mạnh về mọi mặt

2.4.5. Chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang ở địa phương vững mạnh

2.4.6. Xây dựng, luyện tập các phương án, các tình huống chống "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của địch

2.4.7. Đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và chăm lo nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân lao động

2.5. Thảo luận

Bài 3:

XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG DÂN QUÂN TỰ VỆ, LỰC LƯỢNG DỰ BỊ ĐỘNG VIÊN

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên;

- Phân biệt được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc tham gia xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên.

2. Nội dung

2.1. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ

2.1.1. Khái niệm, vị trí vai trò và nhiệm vụ của lực lượng dân quân tự vệ

2.1.2. Nội dung xây dựng lực lượng dân quân tự vệ

2.1.3. Một số biện pháp xây dựng lực lượng dân quân tự vệ trong giai đoạn hiện nay

2.2. Xây dựng lực lượng dự bị động viên

2.2.1. Khái niệm, vị trí, vai trò xây dựng lực lượng dự bị động viên

2.2.2. Những quan điểm, nguyên tắc xây dựng lực lượng dự bị động viên

2.2.3. Nội dung xây dựng lực lượng dự bị động viên

2.2.4. Một số biện pháp xây dựng lực lượng dự bị động viên trong giai đoạn hiện nay

2.3. Thảo luận

Bài 4:

XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN LÃNH THỔ, BIÊN GIỚI QUỐC GIA

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia, quan điểm của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia;

- Phân biệt được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia.

2. Nội dung

2.1. Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia

2.1.1. Chủ quyền lãnh thổ quốc gia

2.1.2. Chủ quyền biên giới quốc gia

2.2. Quan điểm của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia

2.3. Một số giải pháp cơ bản của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia

2.4. Trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia

2.5. Thảo luận

Bài 5:
MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những nội dung chính về dân tộc, tôn giáo; vấn đề dân tộc, tôn giáo theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước hiện nay;

- Xác định rõ quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước về vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Một số vấn đề cơ bản về dân tộc

2.1.1. Một số vấn đề chung về dân tộc

2.1.2. Đặc điểm các dân tộc ở Việt Nam

2.2. Một số vấn đề cơ bản về tôn giáo

2.2.1. Một số vấn đề chung về tôn giáo

2.2.2. Tình hình tôn giáo ở Việt Nam

2.3. Quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước về vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam

2.3.1. Quan điểm, chính sách về dân tộc của Đảng và Nhà nước

2.3.2. Quan điểm, chính sách về tôn giáo của Đảng và Nhà nước

2.3.3. Một số giải pháp nâng cao nhận thức xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc

2.4. Thảo luận

Bài 6:
NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ PHÒNG CHỐNG TỘI PHẠM VÀ TỆ NẠN XÃ HỘI

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những nội dung cơ bản về công tác phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội;
- Xác định được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong công tác phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Những vấn đề cơ bản về phòng chống tội phạm

2.1.1. Khái niệm tội phạm và phòng chống tội phạm

2.1.2. Nội dung nhiệm vụ hoạt động phòng chống tội phạm

2.1.3. Chủ thể và nguyên tắc tổ chức hoạt động phòng chống tội phạm

2.1.4. Phòng chống tội phạm trong nhà trường

2.2. Công tác phòng chống tệ nạn xã hội

2.2.1. Khái niệm, mục đích công tác phòng chống tệ nạn xã hội và đặc điểm đối tượng hoạt động tệ nạn xã hội

2.2.2. Chủ trương, quan điểm và các quy định của pháp luật về phòng chống tệ nạn xã hội

2.2.3. Trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong phòng chống tệ nạn xã hội

2.3. Thảo luận

Bài 7: ĐỘI NGŨ ĐƠN VỊ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội;
- Thực hiện đúng các động tác trong đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội.

2. Nội dung

2.1. Đội hình tiểu đội

2.1.1. Đội hình tiểu đội một hàng ngang

2.1.2. Đội hình tiểu đội hai hàng ngang

2.1.3. Đội hình tiểu đội một hàng dọc

2.1.4. Đội hình tiểu đội hai hàng dọc

2.2. Đội hình trung đội

2.2.1. Đội hình trung đội một hàng ngang

2.2.2. Đội hình trung đội hai hàng ngang

2.2.3. Đội hình trung đội ba hàng ngang

2.2.4. Đội hình trung đội một hàng dọc

2.2.5. Đội hình trung đội hai hàng dọc

2.2.6. Đội hình trung đội ba hàng dọc

2.3. Đổi hướng đội hình

2.3.1. Đổi hướng đội hình khi đứng tại chỗ

2.3.2. Đổi hướng đội hình trong khi đi

2.4. Thực hành

Bài 8:
GIỚI THIỆU VÀ HƯỚNG DẪN KỸ THUẬT SỬ DỤNG MỘT SỐ LOẠI VŨ KHÍ BỘ BINH

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, tính năng chiến đấu, cấu tạo, chuyển động của một số loại vũ khí bộ binh;

- Thực hiện đúng động tác tháo lắp súng bộ binh và kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh;

- Có ý thức giữ gìn, bảo quản và sử dụng vũ khí bộ binh trong tập luyện và chiến đấu.

2. Nội dung

2.1. Giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh

2.1.1. Súng trường CKC

2.1.2. Súng tiểu liên AK

2.2. Hướng dẫn kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh

2.2.1. Kỹ thuật tháo và lắp súng tiểu liên AK và súng trường CKC

2.2.2. Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK và súng trường CKC

2.3. Thực hành

Bài 9:
KỸ THUẬT CẤP CỨU VÀ CHUYỂN THƯƠNG

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về kỹ thuật cấp cứu, chuyển thương;
- Thực hiện đúng các bước cấp cứu, chuyển thương.

2. Nội dung

2.1. Cầm máu tạm thời

2.1.1. Mục đích

2.1.2. Nguyên tắc cầm máu tạm thời

2.1.3. Phân biệt các loại chảy máu

2.1.4. Các biện pháp cầm máu tạm thời

2.2. Cố định tạm thời xương gãy

2.2.1. Mục đích

2.2.2. Nguyên tắc cố định tạm thời xương gãy

2.2.3. Kỹ thuật cố định tạm thời xương gãy

2.3. Hô hấp nhân tạo

2.3.1. Nguyên nhân gây ngạt thở

2.3.2. Kỹ thuật cấp cứu ban đầu

2.3.3. Tiến triển của việc cấp cứu ngạt thở

2.4. Kỹ thuật chuyển thương

2.4.1. Mang vác bằng tay

2.4.2. Chuyển nạn nhân bằng cáng

2.5. Thực hành

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Địa điểm học tập

Phòng học, thao trường, bãi tập và các địa điểm khác đáp ứng điều kiện thực hiện môn học.

2. Trang thiết bị

2.1. Tài liệu:

Giáo trình Giáo dục quốc phòng và an ninh bậc trung cấp và các tài liệu tham khảo khác do Hiệu trưởng nhà trường quyết định theo quy định của pháp luật.

2.2. Tranh, phim ảnh:

- Sơ đồ tổ chức Quân đội và Công an;
- Kỹ thuật băng bó cấp cứu, chuyển thương;
- Súng tiểu liên AK, súng trường CKC;
- Các tư thế, động tác bắn súng AK, CKC;
- Phim ảnh về giáo dục quốc phòng và an ninh.

2.3. Mô hình vũ khí:

- Mô hình súng AK-47, CKC;
- Mô hình súng tiểu liên AK-47, CKC luyện tập.

2.4. Máy bắn tập:

- Máy bắn MBT-03;
- Thiết bị tạo tiếng nổ và lực giật cho máy bắn tập MBT-03 TNAK-12;
- Thiết bị theo dõi đường ngắm RDS-07.

2.5. Thiết bị khác:

- Bao đạn;
- Bộ bia (khung + mặt bia số 4);
- Giá đặt bia đa năng;
- Kính kiểm tra đường ngắm;
- Đồng tiền di động;
- Mô hình đường đạn trong không khí;
- Hộp dụng cụ huấn luyện;
- Thiết bị tạo tiếng súng và tiếng nổ giả;
- Dụng cụ băng bó cứu thương;
- Cáng cứu thương;
- Giá súng và bàn thao tác;
- Tủ đựng súng và thiết bị.

2.6. Trang phục:

- Trang phục giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục quốc phòng và an ninh

+ Trang phục mùa hè;
+ Trang phục dã chiến;
+ Mũ Kêpi;
+ Mũ cứng;
+ Mũ mềm;
+ Thắt lưng;
+ Giầy da;
+ Tất sợi;
+ Sao mũ Kêpi giáo dục quốc phòng và an ninh;
+ Sao mũ cứng giáo dục quốc phòng và an ninh;
+ Sao mũ mềm giáo dục quốc phòng và an ninh;
+ Nền cấp hiệu giáo dục quốc phòng và an ninh;
+ Nền phù hiệu giáo dục quốc phòng và an ninh;
+ Biển tên;
+ Ca vát.

- Trang phục học sinh giáo dục quốc phòng và an ninh

+ Trang phục hè;
+ Mũ cứng;
+ Mũ mềm;
+ Giầy vải;
+ Tất sợi;
+ Sao mũ cứng giáo dục quốc phòng và an ninh;
+ Thắt lưng;
+ Sao mũ mềm giáo dục quốc phòng và an ninh.

3. Các điều kiện khác

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trang bị phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy nội dung lý thuyết theo hình thức trực tuyến.

Tài liệu tham khảo:

1. Chỉ thị 12-CT/TW ngày 03/05/2007 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác Giáo dục quốc phòng và an ninh trong tình hình mới.

2. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016.

3. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.

4. Luật Biên giới quốc gia, 2004.

5. Luật nghĩa vụ quân sự, 2015.

6. Luật an ninh quốc gia, 2004.

7. Bộ luật hình sự, 2015.

8. Luật phòng chống tham nhũng, 2005; sửa đổi, bổ sung năm 2018.

9. Luật tín ngưỡng, tôn giáo, 2016.

10. Luật Quốc phòng, 2006; sửa đổi, bổ sung năm 2018.

11. Luật giáo dục quốc phòng và an ninh, 2013.

12. Luật biển Việt Nam, 2012.

13. Luật Dân quân tự vệ, 2009.

14. Luật phòng, chống ma túy, 2000, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

15. Pháp lệnh số 10/2003/PL-UBTVQH11 ngày 17/03/2003 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về phòng, chống mại dâm.

16. Nghị định số 116/2006/NĐ-CP ngày 06/10/2006 của Chính phủ về động viên quốc phòng.

17. Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc.

18. Nghị định số 25/2014/NĐ-CP ngày 07/04/2014 quy định về phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác có sử dụng công nghệ cao.

19. Nghị định số 13/2014/NĐ-CP ngày 25/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết về biện pháp thi hành Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh.

20. Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ.

21. Thông tư số 01/2018/TT-BGDĐT ngày 26/01/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu môn học giáo dục quốc phòng và an ninh trong các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (có cấp trung học phổ thông), trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.

22. Thông tư số 02/2017/TT-BGDĐT ngày 13/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung học phổ thông.

23. Thông tư số 03/2017/TT-BGDĐT ngày 13/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.

24. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình Giáo dục quốc phòng – an ninh tập 1, tập 2 dùng cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng, Nhà xuất bản Giáo dục 2007.

25. Học viện chính trị: Phòng, chống "diễn biến hòa bình" ở Việt Nam - những vấn đề lý luận và thực tiễn, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, 2009.

26. Giáo trình Giáo dục an ninh - trật tự, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam 2012.

27. Điều lệnh quản lý bộ đội, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, 2011.

28. Sách dạy bắn súng tiểu liên AK, Cục quân huấn, BTTM, năm 1997./.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 11/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)

Tên môn học: Tin học

Mã môn học: MH 05

Thời gian thực hiện: 45 giờ (lý thuyết: 15 giờ; thực hành, thảo luận, bài tập: 29 giờ; kiểm tra: 1 giờ).

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí

Môn học Tin học là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trung cấp.

2. Tính chất

Chương trình môn học bao gồm một số nội dung cơ bản về máy tính, công nghệ thông tin, cũng như việc sử dụng máy tính trong đời sống, học tập và hoạt động nghề nghiệp sau này.

II. Mục tiêu của môn học

Sau khi học xong môn học này, người học đạt được một số nội dung trong Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông, cụ thể:

1. Về kiến thức

Trình bày được được một số kiến thức về công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng máy tính, xử lý văn bản; sử dụng bảng tính, trình chiếu, Internet.

2. Về kỹ năng

- Nhận biết được các thiết bị cơ bản của máy tính, phân loại phần mềm;
- Sử dụng được hệ điều hành Windows để tổ chức, quản lý thư mục, tập tin trên máy tính và sử dụng máy in;
- Sử dụng được phần mềm soạn thảo để soạn thảo được văn bản đơn giản theo mẫu;
- Sử dụng được phần mềm xử lý bảng tính để tạo trang tính và các hàm cơ bản để tính toán các bài toán đơn giản;
- Sử dụng được phần mềm trình chiếu để xây dựng và trình chiếu các nội dung đơn giản;
- Sử dụng được một số dịch vụ Internet cơ bản như: Trình duyệt Web, thư điện tử, tìm kiếm thông tin;
- Nhận biết và áp dụng biện pháp phòng tránh các loại nguy cơ đối với an toàn dữ liệu, mối nguy hiểm tiềm năng khi sử dụng các trang mạng xã hội, an toàn và bảo mật, bảo vệ thông tin.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Nhận thức được tầm quan trọng, có trách nhiệm trong việc sử dụng máy tính và công nghệ thông tin trong đời sống, học tập và nghề nghiệp;

- Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng một số nội dung trong chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản vào học tập, lao động và các hoạt động khác.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên chương	Tổng số	Thời gian (giờ)		
			Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Chương I. Hiểu biết về công nghệ thông tin cơ bản	4	3	1	
2	Chương II. Sử dụng máy tính cơ bản	4	2	2	
3	Chương III. Xử lý văn bản cơ bản	15	3	12	
4	Chương IV. Sử dụng bảng tính cơ bản	9	3	6	
5	Chương V. Sử dụng trình chiếu cơ bản	8	2	6	
6	Chương VI. Sử dụng Internet cơ bản	4	2	2	
7	Kiểm tra	1			1
	Tổng cộng	**45**	**15**	**29**	**1**

2. Nội dung chi tiết

Chương I. HIỂU BIẾT VỀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về máy tính, phần mềm, biểu diễn thông tin trong máy tính;

- Nhận biết được các thiết bị phần cứng, phần mềm hệ thống, phần mềm ứng dụng.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về máy tính

2.1.1. Thông tin và xử lý thông tin

2.1.1.1. Thông tin

2.1.1.2. Dữ liệu

2.1.1.3. Xử lý thông tin

2.1.2. Phần cứng

2.1.2.1. Đơn vị xử lý trung tâm

2.1.2.2. Thiết bị nhập

2.1.2.3. Thiết bị xuất

2.1.2.4. Bộ nhớ và thiết bị lưu trữ

2.2. Phần mềm

2.2.1. Phần mềm hệ thống

2.2.2. Phần mềm ứng dụng

2.2.3. Một số phần mềm ứng dụng thông dụng

2.2.4. Phần mềm nguồn mở

2.3. Biểu diễn thông tin trong máy tính

2.3.1. Biểu diễn thông tin trong máy tính

2.3.2. Đơn vị thông tin và dung lượng bộ nhớ

Chương II. SỬ DỤNG MÁY TÍNH CƠ BẢN

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày sơ lược được một số kiến thức cơ bản về hệ điều hành Windows, phần mềm tiện ích, tiếng Việt trong máy tính, máy in;

- Khởi động, tắt được máy tính, máy in theo đúng quy trình. Tạo và xóa được thư mục, tập tin; sử dụng được một số phần mềm tiện ích thông dụng.

2. Nội dung

2.1. Làm việc với hệ điều hành

2.1.1. Windows là gì?

2.1.2. Khởi động và thoát khỏi Windows

2.1.3. Desktop

2.1.4. Thanh tác vụ (Taskbar)

2.1.5. Menu Start

2.1.6. Khởi động và thoát khỏi một ứng dụng

2.1.7. Chuyển đổi giữa các cửa sổ ứng dụng

2.1.8. Thu nhỏ một cửa sổ, đóng cửa sổ một ứng dụng

2.1.9. Sử dụng chuột

2.2. Quản lý thư mục và tập tin

2.2.1. Khái niệm thư mục và tập tin

2.2.2. Xem thông tin, di chuyển, tạo đường tắt đến nơi lưu trữ thư mục và tập tin

2.2.3. Tạo, đổi tên tập tin và thư mục, thay đổi trạng thái và hiển thị thông tin về tập tin

2.2.4. Chọn, sao chép, di chuyển tập tin và thư mục

2.2.5. Xóa, khôi phục tập tin và thư mục

2.2.6. Tìm kiếm tập tin và thư mục

2.3. Một số phần mềm tiện ích

2.3.1. Phần mềm nén, giải nén tập tin

2.3.2. Phần mềm diệt virus

2.4. Sử dụng tiếng Việt

2.4.1. Các bộ mã tiếng Việt

2.4.2. Cách thức nhập tiếng Việt

2.4.3. Chọn phần mềm nhập tiếng Việt

2.5. Sử dụng máy in

2.5.1. Lựa chọn máy in

2.5.2. In

Chương III. XỬ LÝ VĂN BẢN CƠ BẢN

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày sơ lược được một số kiến thức cơ bản về văn bản và xử lý văn bản, sử dụng phần mềm Microsoft Word trong soạn thảo văn bản;
- Sử dụng được phần mềm soạn thảo Microsoft Word để soạn thảo được văn bản đơn giản theo mẫu, in được văn bản.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm văn bản và xử lý văn bản

2.1.1. Khái niệm văn bản

2.1.2. Khái niệm xử lý văn bản

2.2. Sử dụng Microsoft Word

2.2.1. Giới thiệu Microsoft Word

2.2.1.1. Mở, đóng Microsoft Word

2.2.1.2. Giới thiệu giao diện Microsoft Word

2.2.2. Thao tác với tập tin Microsoft Word

2.2.2.1. Mở một tập tin có sẵn

2.2.2.2. Tạo một tập tin mới

2.2.2.3. Lưu tập tin

2.2.2.4. Đóng tập tin

2.2.3. Định dạng văn bản

2.2.3.1. Định dạng văn bản (Text)

2.2.3.2. Định dạng đoạn văn

2.2.3.2.1. Định dạng đoạn (Paragraph)

2.2.3.2.2. Định dạng Bullets, Numbering

2.2.3.2.3. Thiết lập điểm dừng (Tab)

2.2.3.2.4. Định dạng khung và nền (Borders and Shading)

2.2.3.3. Kiểu dáng (Style)

2.2.3.4. Chèn (Insert) các đối tượng vào văn bản

2.2.3.4.1. Bảng (Table)

2.2.3.4.2. Chèn hình ảnh (Picture)

2.2.3.4.3. Chèn chữ nghệ thuật (WordArt)

2.2.3.4.4. Chèn ký tự đặc biệt

2.2.3.4.5. Chèn đối tượng Shapes

2.2.3.5. Hộp văn bản (Textbox)

2.2.3.6. Tạo tiêu đề trang (Header & Footer)

2.2.4. In văn bản

Chương IV. SỬ DỤNG BẢNG TÍNH CƠ BẢN

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày sơ lược được một số kiến thức cơ bản về bảng tính, trang tính; về sử dụng phần mềm Microsoft Excel;

- Sử dụng được phần mềm Microsoft Excel để tạo bảng tính, trang tính; nhập và định dạng dữ liệu; sử dụng các biểu thức toán học, các hàm cơ bản để tính toán các bài toán đơn giản.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về bảng tính (Workbook)

2.2.1. Khái niệm bảng tính

2.2.2. Các bước xây dựng bảng tính thông thường

2.2. Sử dụng Microsoft Excel

2.2.1. Làm việc với phần mềm Microsoft Excel

2.2.1.1. Mở, đóng phần mềm

2.2.1.2. Giao diện Microsoft Excel

2.2.2. Thao tác trên tập tin bảng tính

2.2.2.1. Mở tập tin bảng tính

2.2.2.2. Lưu bảng tính

2.2.2.3. Đóng bảng tính

2.3. Thao tác với ô

2.3.1. Các kiểu dữ liệu

2.3.2. Cách nhập dữ liệu

2.3.3. Chỉnh sửa dữ liệu

2.3.3.1. Xóa dữ liệu

2.3.3.2. Khôi phục dữ liệu

2.4. Làm việc với trang tính (Worksheet)

2.4.1. Dòng và cột

2.4.1.1. Thêm dòng và cột

2.4.1.2. Xoá dòng và cột

2.4.1.3. Hiệu chỉnh kích thước ô, dòng, cột

2.4.2. Trang tính

2.4.2.1. Tạo, xóa, di chuyển, sao chép các trang tính

2.4.2.2. Thay đổi tên trang tính

2.4.2.3. Mở nhiều trang tính

2.4.2.4. Tính toán trên nhiều trang tính

2.5. Biểu thức và hàm

2.5.1. Biểu thức số học

2.5.1.1. Khái niệm biểu thức số học

2.5.1.2. Tạo biểu thức số học đơn giản

2.5.1.3. Các lỗi thường gặp

2.5.2. Hàm

2.5.2.1. Khái niệm hàm, cú pháp hàm, cách nhập hàm

2.5.2.2. Toán tử so sánh =, < , >

2.5.2.3. Các hàm cơ bản (SUM, AVERAGE, MIN, MAX, COUNT, COUNTA, ROUND)

2.5.2.4. Hàm điều kiện IF

2.5.2.5. Các hàm ngày (DAY, MONTH, YEAR)

2.5.2.6. Các hàm tìm kiếm (VLOOKUP, HLOOKUP)

2.6. Định dạng ô, dãy ô

2.6.1. Định dạng kiểu số, ngày, tiền tệ

2.6.2. Định dạng văn bản

2.6.3. Căn chỉnh, hiệu ứng viền

2.7. Kết xuất và phân phối trang tính, bảng tính

2.7.1. Trình bày trang tính để in

2.7.2. Kiểm tra và in

2.7.3. Phân phối trang tính

Chương V. SỬ DỤNG TRÌNH CHIẾU CƠ BẢN

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày sơ lược được một số kiến thức cơ bản về sử dụng máy tính và phần mềm Microsoft PowerPoint trong việc thiết kế và trình chiếu thông tin;

- Sử dụng được phần mềm trình chiếu Microsoft PowerPoint để soạn thảo nội dung, thiết kế và trình chiếu một số nội dung đơn giản.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về bài thuyết trình

2.1.1. Khái niệm bài thuyết trình

2.1.2. Các bước cơ bản để tạo một bài thuyết trình

2.2. Sử dụng phần mềm Microsoft PowerPoint

2.2.1. Các thao tác tạo trình chiếu cơ bản

2.2.1.1. Giới thiệu Microsoft PowerPoint

2.2.1.2. Tạo một bài thuyết trình cơ bản

2.2.1.3. Các thao tác trên slide

2.2.1.4. Chèn Picture

2.2.1.5. Chèn Shapes, WordArt và Textbox

2.2.1.6. Chèn Table, Chart, SmartArt

2.2.2. Hiệu ứng, trình chiếu và in bài thuyết trình

2.2.2.1. Tạo các hiệu ứng hoạt hình cho đối tượng

2.2.2.2. Tạo các hiệu ứng chuyển slide

2.2.2.3. Cách thực hiện một trình diễn

2.2.2.4. Lặp lại trình diễn

2.2.2.5. In bài thuyết trình

Chương VI. SỬ DỤNG INTERNET CƠ BẢN

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày sơ lược được một số kiến thức cơ bản về Internet, WWW (World Wide Web), các thao tác với thư điện tử;
- Sử dụng được các thao tác đơn giản trong trình duyệt Web, nhận và soạn thảo trả lời thư điện tử; tìm kiếm thông tin.
- Nhận biết và thực hiện được các biện pháp an toàn bảo mật thông tin khi sử dụng các thiết bị, trang thông tin liên quan đến Internet.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về Internet

2.1.1. Tổng quan về Internet

2.1.2. Dịch vụ WWW (World Wide Web)

2.2. Khai thác và sử dụng Internet

2.2.1. Sử dụng trình duyệt Web

2.2.3. Thư điện tử (Email)

2.2.3. Tìm kiếm thông tin (Search)

2.2.4. Bảo mật khi làm việc với Internet

2.3. Kiến thức cơ bản về an toàn và bảo mật thông tin trên mạng

2.3.1. Nguồn gốc các nguy cơ đối với việc đảm bảo an toàn dữ liệu và thông tin

2.3.2. Tác dụng và hạn chế chung của phần mềm diệt virus, phần mềm an ninh mạng

2.3.3. An toàn thông tin khi sử dụng các loại thiết bị di động và máy tính trên internet

2.3.4. An toàn khi sử dụng mạng xã hội

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn/nhà xưởng

- Phòng máy tính có cấu hình phù hợp (đảm bảo mỗi sinh viên 1 máy). Phòng được trang bị hệ thống đèn đủ ánh sáng và máy điều hòa.

- Bàn, ghế cho sinh viên (mỗi bàn đặt 1 bộ máy tính).

- Bàn ghế giáo viên, bảng, máy chiếu, bút bảng.

2. Trang thiết bị máy móc

- Máy tính cài hệ điều hành Windows, Microsoft Office (Microsoft Word, Microsoft Excel, Microsoft PowerPoint), phần mềm tiện ích và có kết nối Internet.

- Các thiết bị phần cứng máy tính gồm: Mainboard, CPU, Ram, Ổ cứng, Card màn hình, Card âm thanh, Card mạng, Vỏ máy tính, Nguồn máy tính, Màn hình, Bàn phím, Chuột, Loa.

- Có một máy server quản lý toàn bộ máy con có kết nối mạng LAN và một máy cho giáo viên.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Giáo trình, bài giảng, hệ thống bài tập, tài liệu tham khảo.

4. Các điều kiện khác

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trang bị phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

VI. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập

Việc miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học được thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH. Ngoài ra, Hiệu trưởng quy định cụ thể và quyết định miễn trừ học tập môn học như sau:

- Miễn trừ học tập môn học đối với người học có:

+ Chứng chỉ chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc Chứng chỉ chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nâng cao theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông;

+ Chứng chỉ công nghệ thông tin của tổ chức nước ngoài sử dụng ở Việt Nam đáp ứng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc Chứng chỉ chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nâng cao theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông;

- Người học là đối tượng tuyển sinh hệ tốt nghiệp trung học cơ sở bắt buộc học toàn bộ chương trình môn học này. Người học đã có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, Hiệu trưởng xem xét, quyết định cho người học được miễn học những nội dung đã được học ở chương trình trung học phổ thông.

Tài liệu tham khảo

1. Quyết định số 392/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Chương trình mục tiêu phát triển công nghiệp công nghệ thông tin đến 2020, tầm nhìn 2025".

2. Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 31/10/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án "Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, hoạt động dạy và học nghề đến năm 2020".

3. Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

4. Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/06/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin.

5. Thông tư số 44/2017/TT-BTTTT ngày 29/12/2017 của của Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định về việc công nhận chứng chỉ công nghệ thông tin của tổ chức nước ngoài sử dụng ở Việt Nam đáp ứng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin

6. Nguyễn Đăng Tỵ, Hồ Thị Phương Nga, Giáo trình Tin học Đại cương, NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2015.

7. Huyền Trang, Sử dụng Internet an toàn, NXB Phụ nữ, 2014.

8. Phạm Phương Hoa, Phạm Quang Hiển, Giáo trình thực hành Microsoft Word, NXB Thanh Niên, 2016.

9. Phạm Phương Hoa, Phạm Quang Hiển, Giáo trình thực hành Excel, NXB Thanh Niên, 2017.

10. Joan Lambert and Curtis Frye, Microsoft Office 2016 Step by Step 1st Edition, Microsoft, 2015.

11. Peter Weverka, Office 2016 All-In-One For Dummies 1st Edition, John Wiley & Sons, 2016./.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2019/TT-BLĐTBXH ngày 17 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Tên môn học: Tiếng Anh 1

Mã môn học: MH 06

Thời gian thực hiện: 45 giờ **(**Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành, thảo luận, bài tập: 28 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

gồm 2 học phần

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Môn học Tiếng Anh 1 là một môn học được tách ra từ môn Tiếng Anh trong chương trình môn học ngoại ngữ bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp. Môn tiếng Anh 1 thực hiện từ bài 1 đến bài 4 trong chương trình

2. Tính chất: Chương trình môn học Tiếng Anh bao gồm các kiến thức, kỹ năng sử dụng Tiếng Anh cơ bản trong đời sống, học tập và hoạt động nghề nghiệp phù hợp với trình độ được đào tạo.

II. Mục tiêu môn học

1. Về kiến thức

Nhận biết và giải thích được các cấu trúc ngữ pháp cơ bản về thành phần của câu, cách sử dụng thì hiện tại và quá khứ, phân loại danh từ, đại từ và tính từ; nhận biết được các từ vựng về giới thiệu bản thân và người khác, các hoạt động hàng ngày, sở thích, địa điểm, thực phẩm và đồ uống, các sự kiện đặc biệt và kỳ nghỉ.

2. Về kỹ năng

a) Kỹ năng nghe: Theo dõi và hiểu được lời nói khi được diễn đạt chậm, rõ ràng, có khoảng ngừng để kịp thu nhận các thông tin về các chủ đề liên quan đến thành viên gia đình, các hoạt động giải trí trong thời gian rảnh rỗi, vị trí đồ vật trong nhà, các loại thức ăn và đồ uống phổ biến.

b) Kỹ năng nói: Đưa ra và hồi đáp các nhận định đơn giản liên quan đến các chủ đề rất quen thuộc như tự giới thiệu bản thân, gia đình, nghề nghiệp, trình bày sở thích, đặt câu hỏi về số lượng, trình bày về những ngày lễ hoặc sự kiện đặc biệt, du lịch, các hoạt động hàng ngày và các sở thích.

c) Kỹ năng đọc: Đọc hiểu các đoạn văn bản ngắn và đơn giản về các chủ đề thông qua các bài đọc có liên quan đến giới thiệu bạn bè, các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, nơi chốn, các món ăn và thức uống phổ biến.

d) Kỹ năng viết: Viết được những cụm từ, câu ngắn về bản thân, gia đình, trường lớp, nơi làm việc, sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, mô tả nhà ở, thức ăn và đồ uống.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Nhận thức được tầm quan trọng của ngoại ngữ nói chung và Tiếng Anh nói riêng, có trách nhiệm trong việc sử dụng tiếng Anh trong đời sống, học tập và nghề nghiệp;

- Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng tiếng Anh vào học tập, lao động và các hoạt động khác.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên đơn vị bài học	Tổng số	Thời gian (giờ)		
			Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: Gia đình và bạn bè (Family and friends)	9	3	6	
2	Bài 2: Thời gian rảnh rỗi (Leisure time)	9	3	6	
3	Bài 3: Địa điểm (Places)	9	3	6	
4	Bài 4: Các loại thực phẩm và đồ uống (Food and drink)	9	3	6	
5	Ôn tập và kiểm tra (Consolidation & test)	9	3	4	2
	Tổng cộng	**45**	**15**	**28**	**2**

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1. GIA ĐÌNH VÀ BẠN BÈ (FAMILY AND FRIENDS)

1. Mục tiêu

- Nhận biết các động từ thông dụng và từ vựng về gia đình;

- Nhận biết và sử dụng được thì hiện tại đơn, tính từ sở hữu, đại từ và đại từ chỉ định;

- Nghe và trả lời câu hỏi về đề tài gia đình;

- Nói về bản thân và gia đình;

- Đọc hiểu bài đọc và trả lời câu hỏi về gia đình;

- Viết đoạn văn giới thiệu bản thân.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Gia đình;

2.1.2. Nghề nghiệp;

2.1.3. Các động từ thông dụng và các hoạt động.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Động từ “to be”;

2.2.2. Tính từ sở hữu;

2.2.3. Đại từ và đại từ chỉ định;

2.2.4. Thì hiện tại đơn.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về thông tin cá nhân và gia đình;

2.3.2. Bài tập True/False.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Giới thiệu bản thân và gia đình;

2.4.2. Hỏi và trả lời.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: My friend Minh;

2.5.2. Bài tập trắc nghiệm;

2.5.3. Bài tập True/False.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn giới thiệu bản thân (tối thiểu 50 từ).

Bài 2. THỜI GIAN RẢNH RỖI (LEISURE TIME)

1. Mục tiêu

- Nhận biết và đặt ví dụ với các trạng từ chỉ tần suất (Adverbs of frequency), động từ khiếm khuyết can/can't và câu hỏi với How often…?;
- Sử dụng các từ vựng về sở thích, thể thao và hoạt động lúc rảnh rỗi;
- Nghe các cá nhân giới thiệu sở thích và trả lời câu hỏi;
- Trình bày về sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi;
- Đọc hiểu bài đọc và trả lời câu hỏi về sở thích trong thời gian rảnh rỗi;
- Viết về các hoạt động yêu thích trong thời gian rảnh rỗi.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Các môn thể thao;

2.1.2. Các hoạt động trong thời gian rãnh rỗi.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Trạng từ chỉ tần suất;

2.2.2. Động từ khiếm khuyết Can/can't;

2.2.3. Cấu trúc How often...?.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe các cá nhân giới thiệu sở thích và trả lời câu hỏi;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án chính xác;

2.3.3. Bài tập nghe và kết hợp đúng đối tượng và hoạt động.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Trình bày về sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi;

2.4.2. Phỏng vấn một người bạn trong lớp.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: What does she usually do on Saturdays?;

2.5.2. Đọc và trả lời câu hỏi;

2.5.3. Bài tập trắc nghiệm;

2.5.4. Bài tập True/False.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết về các hoạt động yêu thích trong thời gian rảnh rỗi (tối thiểu 50 từ).

Bài 3. ĐỊA ĐIỂM (PLACES)

1. Mục tiêu

- Nhận biết và đặt ví dụ với There is/there are, giới từ chỉ nơi chốn và các từ vựng về vật dụng trong nhà, các địa điểm phổ biến và các tính từ phổ biến;
- Nghe và trả lời câu hỏi về vị trí các vật dụng trong nhà;
- Hỏi đường và chỉ đường;
- Đọc hiểu bài đọc giới thiệu về thành phố và các địa điểm nổi bật;
- Viết đoạn văn ngắn giới thiệu về quê hương của bạn.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Các địa điểm trong thành phố;

2.1.2. Các tính từ thông dụng;

2.1.3. Các đồ vật trong nhà;

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Cấu trúc There is/ There are;

2.2.2. Giới từ chỉ nơi chốn.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về vị trí các vật dụng trong nhà;

2.3.2. Bài tập nghe và chọn đáp án chính xác.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Mô tả vị trí các đồ vật và nơi chốn trong hình ảnh;

2.4.2. Bài tập điền hoàn chỉnh bảng câu hỏi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: Da Nang City - a worth-living city in Viet Nam;

2.5.2. Bài tập đọc và trả lời câu hỏi.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả một căn phòng trong nhà bạn (tối thiểu 50 từ).

Bài 4. CÁC LOẠI THỰC PHẨM VÀ ĐỒ UỐNG (FOOD AND DRINK)

1. Mục tiêu

- Nhận biết và đặt ví dụ với danh từ đếm được và không đếm được (Countable and uncountable nouns), cấu trúc How much/how many, động từ khiếm khuyết Should / shouldn't, cấu trúc Would like và các từ vựng về các loại thức ăn và đồ uống;
- Nghe và trả lời câu hỏi về các loại thức ăn, đồ uống;
- Hỏi về số lượng;
- Đọc hiểu một số thức ăn và đồ uống trong thực đơn;
- Viết đoạn văn ngắn nêu những việc nên làm và không nên làm để có sức khỏe tốt.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

Các loại thực phẩm và đồ uống.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Danh từ đếm được và không đếm được;

2.2.2. Cấu trúc How much/ How many;

2.2.3. Cấu trúc Should/ Shouldn't;

2.2.4. Cấu trúc Would like.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về các loại thức ăn, đồ uống;

2.3.2. Bài tập True/False;

2.3.3. Bài tập trắc nghiệm.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Hỏi về số lượng trong mua sắm;

2.4.2. Bài tập điền hoàn chỉnh câu với ***much*** hoặc ***many***;

2.4.3. Bài tập lựa chọn đáp án đúng;

2.4.4. Bài tập sửa lỗi câu.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: A restaurant menu;

2.5.2. Bài tập phân loại từ vựng;

2.5.3. Bài tập True/False.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn nêu những việc nên làm và không nên làm để có sức khỏe tốt (tối thiểu 50 từ).

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn/nhà xưởng

- Phòng học được trang bị hệ thống đèn đủ ánh sáng;
- Bàn, ghế rời cho từng sinh viên;
- Bàn ghế giáo viên, bảng, máy chiếu, phấn (hoặc bút bảng).

2. Trang thiết bị máy móc

Máy chiếu, hệ thống âm thanh.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

Giáo viên sử dụng giáo trình dùng chung và tham khảo các tài liệu giảng dạy khác hỗ trợ bài giảng.

4. Các điều kiện khác

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trang bị phòng học nghe nhìn và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học hoặc một số nội dung của môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

1.1. Kiến thức: Các kiến thức về từ vựng và cấu trúc ngữ pháp theo từng chủ đề liên quan trong chương trình.

1.2. Về kỹ năng:

- Kỹ năng nghe: Nghe và xác định thông tin về gia đình, bạn bè, các hoạt động hàng ngày và trong các sự kiện đặc biệt, vị trí và nơi chốn, và các sở thích theo yêu cầu.

- Kỹ năng nói: Tự giới thiệu về bản thân, gia đình, công việc, sở thích và các hoạt động hàng ngày và trong các sự kiện đặc biệt theo yêu cầu.

- Kỹ năng đọc: Đọc hiểu đại ý và thông tin chi tiết của các bài đọc ngắn theo yêu cầu.

- Kỹ năng viết: Viết câu và đoạn văn ngắn về các chủ đề khác nhau theo yêu cầu.

1.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Làm việc độc lập hoặc theo nhóm.

2. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ.

Phương pháp đánh giá sẽ dựa theo đặc thù ngành, nghề đào tạo và điều kiện của từng đơn vị giáo dục, có thể kết hợp kiểm tra nghe, nói và tự luận.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học

Môn học Tiếng Anh là một trong các môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp. Tùy theo đặc thù của các ngành, nghề đào tạo, các trường lựa chọn môn học Tiếng Anh hoặc môn học ngoại ngữ khác theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để giảng dạy.

Người học là đối tượng tuyển sinh hệ tốt nghiệp trung học cơ sở bắt buộc học toàn bộ chương trình môn học này. Người học là đối tượng tuyển sinh hệ tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc đã được cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình trung học phổ thông hoặc đã thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông, Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào chương trình này và chương trình học trung học phổ thông mà người học đã hoàn thành để xem xét, quyết định điều chỉnh chương trình môn học cho phù hợp, bảo đảm đạt được mục tiêu và chuẩn đầu ra của môn học.

2. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học

a) Miễn học, miễn thi kết thúc môn học Tiếng Anh

Người học được miễn học, miễn thi kết thúc môn học Tiếng Anh trong các trường hợp sau:

- Có chứng chỉ Tiếng Anh Bậc 1 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

- Có chứng chỉ Tiếng Anh tương đương cấp độ A1 trở lên theo Khung tham chiếu chung Châu Âu do các tổ chức nước ngoài cấp.

b) Bảo lưu, công nhận kết quả học tập

Thực hiện theo quy định tại Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

c) Người học có nhu cầu được miễn trừ, bảo lưu kết quả môn học phải có đơn đề nghị hiệu trưởng xem xét, quyết định khi nhập học và trước mỗi kỳ thi.

3. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Đối với giáo viên: Giáo viên vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; chú trọng phương pháp giao tiếp trong giảng dạy; áp dụng đa dạng các kỹ thuật dạy học; lấy người học làm trung tâm; tổ chức các hoạt động nghe, nói, đọc và viết sinh động nhằm tăng cường sự tham gia của người học; tổ chức các hoạt động đa dạng với sự hỗ trợ của các học liệu, giáo cụ trực quan sinh động phục vụ mục tiêu bài học.

- Đối với người học: Quan sát, hoạt động nhóm, thao tác theo hướng dẫn của giáo viên và làm bài tập về nhà.

- Khuyến khích việc tổ chức dạy và học trực tuyến môn học, kết hợp với các phần mềm tự học trực tuyến nhằm nâng cao chất lượng dạy và học.

- Bên cạnh việc học 90 giờ trên lớp, giáo viên nên xây dựng nội dung và mục tiêu tự học thêm 110 giờ cho người học thông qua hệ thống bài tập bổ sung, phần mềm hoặc ứng dụng tiếng Anh hỗ trợ tự học, tài liệu tham khảo khác nhằm giúp người học đạt năng lực A1 theo quy định sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp.

4. Tài liệu tham khảo

1. Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

2. Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

3. Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp và cao đẳng.

4. Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

5. Tim Falla and Paul A. Davies, Solutions Elementary (02nd edition), Oxford University Press, 2012.

6. Miles Craven, Breakthrough Plus 1, MacMillan Education, 2013.

7. Herbert Puchta and Jeff Stranks, More! 1, Cambridge University Press, 2008.

8. Jack C. Richards, Tactics for Listening (02nd edition), Oxford University Press, 2015.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2019/TT-BLĐTBXH ngày 17 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Tên môn học: Tiếng Anh 2

Mã môn học: MH 07

Thời gian thực hiện: 45 giờ **(**Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành, thảo luận, bài tập: 28 giờ; Kiểm tra: 2 giờ). Từ bài 5 đến hết bài 8

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Môn học Tiếng Anh 2 là môn học tiếp theo của môn học tiếng Anh 1. Được thực hiện từ bài 5 đến bài 8 trong chương trình đào tạo môn tiếng Anh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

2. Tính chất: Chương trình môn học Tiếng Anh bao gồm các kiến thức, kỹ năng sử dụng Tiếng Anh cơ bản trong đời sống, học tập và hoạt động nghề nghiệp phù hợp với trình độ được đào tạo.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong chương trình ở trình độ trung cấp, người học đạt được trình độ năng lực Tiếng Anh Bậc 1 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, cụ thể:

1. Về kiến thức

Nhận biết và giải thích được các cấu trúc ngữ pháp cơ bản về thành phần của câu, cách sử dụng thì hiện tại và quá khứ, phân loại danh từ, đại từ và tính từ; nhận biết được các từ vựng về giới thiệu bản thân và người khác, các hoạt động hàng ngày, sở thích, địa điểm, thực phẩm và đồ uống, các sự kiện đặc biệt và kỳ nghỉ.

2. Về kỹ năng

a) Kỹ năng nghe: Theo dõi và hiểu được lời nói khi được diễn đạt chậm, rõ ràng, có khoảng ngừng để kịp thu nhận các thông tin về các chủ đề liên quan đến thành viên gia đình, các hoạt động giải trí trong thời gian rảnh rỗi, vị trí đồ vật trong nhà, các loại thức ăn và đồ uống phổ biến, các hoạt động trong các dịp lễ hoặc sự kiện đặc biệt, du lịch, các hoạt động hàng ngày và các sở thích.

b) Kỹ năng nói: Đưa ra và hồi đáp các nhận định đơn giản liên quan đến các chủ đề rất quen thuộc như tự giới thiệu bản thân, gia đình, nghề nghiệp, trình bày sở thích, đặt câu hỏi về số lượng, trình bày về những ngày lễ hoặc sự kiện đặc biệt, du lịch, các hoạt động hàng ngày và các sở thích.

c) Kỹ năng đọc: Đọc hiểu các đoạn văn bản ngắn và đơn giản về các chủ đề thông qua các bài đọc có liên quan đến giới thiệu bạn bè, các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, nơi chốn, các món ăn và thức uống phổ biến, các ngày lễ đặc biệt và kỳ nghỉ, các hoạt động hàng ngày và các sở thích.

d) Kỹ năng viết: Viết được những cụm từ, câu ngắn về bản thân, gia đình, trường lớp, nơi làm việc, sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, mô tả nhà ở, thức ăn và đồ uống, các lễ hội và dịp đặc biệt, các kỳ nghỉ và các sở thích.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Nhận thức được tầm quan trọng của ngoại ngữ nói chung và Tiếng Anh nói riêng, có trách nhiệm trong việc sử dụng tiếng Anh trong đời sống, học tập và nghề nghiệp;

- Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng tiếng Anh vào học tập, lao động và các hoạt động khác.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên đơn vị bài học	Tổng số	Thời gian (giờ)		
			Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài 5: Các sự kiện đặc biệt (Special occasions)	9	3	6	
2	Bài 6: Kỳ nghỉ (Vacation)	9	3	6	
3	Bài 7: Các hoạt động hàng ngày (Activities)	9	3	6	
4	Bài 8: Sở thích (Hobbies and interests)	9	3	6	
5	Ôn tập và kiểm tra (Consolidation & test)	9	3	4	2
	Tổng cộng	**45**	**15**	**28**	**2**

2. Nội dung chi tiết:

Bài 5. CÁC SỰ KIỆN ĐẶC BIỆT (SPECIAL OCCASIONS)

1. Mục tiêu

- Sử dụng thì Present simple và Present continuous, giới từ chỉ thời gian (prepositions of time) và các từ vựng về quần áo, màu sắc, lễ hội và sự kiện đặc biệt và tính từ mô tả ngoại hình;

- Nghe và trả lời câu hỏi về lễ hội và các thông tin có liên quan;

- Thực hành nói về các hoạt động của gia đình trong các lễ hội và sự kiện đặc biệt;

- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi về các hoạt động trong ngày Tết truyền thống Việt Nam;

- Viết đoạn văn ngắn mô tả một lễ hội hoặc sự kiện đặc biệt.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Các ngày lễ quan trọng;

2.1.2. Từ vựng mô tả ngoại hình;

2.1.3. Quần áo và màu sắc.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Thì hiện tại đơn;

2.2.2. Thì hiện tại tiếp diễn;

2.2.3. Giới từ chỉ thời gian.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về lễ hội và các thông tin có liên quan;

2.3.2. Bài tập lựa chọn đáp án đúng;

2.3.3. Thực hành theo cặp đôi;

2.3.4. Bài tập nghe và điền từ vào chỗ trống.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Thực hành nói về các hoạt động của gia đình trong các lễ hội và sự kiện đặc biệt;

2.4.2. Bài tập sắp xếp câu theo trật tự phù hợp;

2.4.3. Thực hành nói với bạn trong lớp.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: Tet holiday;

2.5.2. Bài tập đọc và trả lời câu hỏi;

2.5.3. Thảo luận.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả một lễ hội hoặc sự kiện đặc biệt (tối thiểu 50 từ).

Bài 6. KỲ NGHỈ (VACATION)

1. Mục tiêu

- Sử dụng thì quá khứ đơn (Past simple), các cụm từ chỉ thời gian, các vật dụng và hoạt động liên quan đến kỳ nghỉ, tính từ mô tả nơi chốn và cảm xúc;
- Nghe và trả lời câu hỏi về kỳ nghỉ;
- Thực hành đặt câu hỏi có liên quan đến kỳ nghỉ;
- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi về một chuyến du lịch đã thực hiện;
- Viết đoạn văn ngắn kể về kỳ nghỉ vừa qua của bạn.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Các hoạt động liên quan đến kỳ nghỉ;

2.1.2. Các vật dụng liên quan đến kỳ nghỉ;

2.1.3. Các tính từ mô tả nơi chốn và cảm xúc.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Thì quá khứ đơn;

2.2.2. Dạng quá khứ của động từ To be;

2.2.3. Dạng quá khứ của động từ Can;

2.2.4. Động từ hợp quy tắc.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về kỳ nghỉ;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng;

2.3.3. Bài tập nghe và kết hợp.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Thực hành đặt câu hỏi có liên quan đến kỳ nghỉ;

2.4.2. Bài tập sắp xếp câu theo trật tự phù hợp;

2.4.3. Thực hành với bạn trong lớp.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: My first trip to Hanoi;

2.5.2. Bài tập đọc và trả lời câu hỏi;

2.5.3. Bài tập True/False.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn kể về kỳ nghỉ vừa qua của bạn (tối thiểu 50 từ).

Bài 7. CÁC HOẠT ĐỘNG HÀNG NGÀY (ACTIVITIES)

1. Mục tiêu

- Sử dụng kết hợp thì hiện tại đơn và thì hiện tại tiếp; to infinitive và gerund và từ vựng về các hoạt động hàng ngày; các tính từ chỉ tính cách;
- Nghe và trả lời câu hỏi về đề tài các hoạt động hàng ngày;
- Nói về các hoạt động hàng ngày;
- Đọc hiểu bức thư giới thiệu về một chuyến du lịch;
- Viết đoạn văn mô tả hoạt động đang diễn ra trong một bức tranh.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Các hoạt động hàng ngày;

2.1.2. Tính từ chỉ tính cách.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Kết hợp thì hiện tại đơn và thì hiện tại tiếp diễn;

2.2.2. To infinivive and Gerund.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về đề tài các hoạt động hàng ngày;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng;

2.3.3. Bài tập nghe và trả lời câu hỏi.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Nói về các hoạt động hàng ngày;

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;

2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: A letter;

2.5.2. Bài tập đọc và lựa chọn đáp án đúng.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn mô tả hoạt động đang diễn ra trong một bức tranh (tối thiểu 50 từ).

Bài 8. SỞ THÍCH (HOBBIES AND INTERESTS)

1. Mục tiêu

- Sử dụng kết hợp thì quá khứ đơn (Past simple) và thì quá khứ tiếp diễn (Past continuous) các từ vựng về sở thích, các môn thể thao đi chung với động từ: ***play, go*** và ***do;***

- Nghe các cá nhân nói về sở thích và trả lời câu hỏi;

- Nói về sở thích trong quá khứ và hiện tại;

- Đọc hiểu bài đọc và trả lời câu hỏi về sở thích;

- Viết đoạn văn ngắn mô tả các sở thích của bản thân.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Sở thích;

2.1.2. Cấu trúc Play/go/do+ sport.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Thì quá khứ đơn;

2.2.2. Thì quá khứ tiếp diễn;

2.2.3. Kết hợp thì quá khứ đơn và thì quá khứ tiếp diễn.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe các cá nhân nói về sở thích và trả lời câu hỏi;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Nói về sở thích trong quá khứ và hiện tại;

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: What is a hobby?;

2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả các sở thích của bản thân (tối thiểu 80 từ).

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn/nhà xưởng

- Phòng học được trang bị hệ thống đèn đủ ánh sáng;

- Bàn, ghế rời cho từng sinh viên;

- Bàn ghế giáo viên, bảng, máy chiếu, phấn (hoặc bút bảng).

2. Trang thiết bị máy móc

Máy chiếu, hệ thống âm thanh.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

Giáo viên sử dụng giáo trình dùng chung và tham khảo các tài liệu giảng dạy khác hỗ trợ bài giảng.

4. Các điều kiện khác

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trang bị phòng học nghe nhìn và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học hoặc một số nội dung của môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

1.1. Kiến thức: Các kiến thức về từ vựng và cấu trúc ngữ pháp theo từng chủ đề liên quan trong chương trình.

1.2. Về kỹ năng:

- Kỹ năng nghe: Nghe và xác định thông tin về gia đình, bạn bè, các hoạt động hàng ngày và trong các sự kiện đặc biệt, vị trí và nơi chốn, và các sở thích theo yêu cầu.

- Kỹ năng nói: Tự giới thiệu về bản thân, gia đình, công việc, sở thích và các hoạt động hàng ngày và trong các sự kiện đặc biệt theo yêu cầu.

- Kỹ năng đọc: Đọc hiểu đại ý và thông tin chi tiết của các bài đọc ngắn theo yêu cầu.

- Kỹ năng viết: Viết câu và đoạn văn ngắn về các chủ đề khác nhau theo yêu cầu.

1.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Làm việc độc lập hoặc theo nhóm.

2. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ.

Phương pháp đánh giá sẽ dựa theo đặc thù ngành, nghề đào tạo và điều kiện của từng đơn vị giáo dục, có thể kết hợp kiểm tra nghe, nói và tự luận.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học

Môn học Tiếng Anh là một trong các môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp. Tùy theo đặc thù của các ngành, nghề đào tạo, các trường lựa chọn môn học Tiếng Anh hoặc môn học ngoại ngữ khác theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để giảng dạy.

Người học là đối tượng tuyển sinh hệ tốt nghiệp trung học cơ sở bắt buộc học toàn bộ chương trình môn học này. Người học là đối tượng tuyển sinh hệ tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc đã được cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình trung học phổ thông hoặc đã thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông, Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào chương trình này và chương trình học trung học phổ thông mà người học đã hoàn thành để xem xét, quyết định điều chỉnh chương trình môn học cho phù hợp, bảo đảm đạt được mục tiêu và chuẩn đầu ra của môn học.

2. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học

a) Miễn học, miễn thi kết thúc môn học Tiếng Anh

Người học được miễn học, miễn thi kết thúc môn học Tiếng Anh trong các trường hợp sau:

- Có chứng chỉ Tiếng Anh Bậc 1 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

- Có chứng chỉ Tiếng Anh tương đương cấp độ A1 trở lên theo Khung tham chiếu chung Châu Âu do các tổ chức nước ngoài cấp.

b) Bảo lưu, công nhận kết quả học tập

Thực hiện theo quy định tại Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

c) Người học có nhu cầu được miễn trừ, bảo lưu kết quả môn học phải có đơn đề nghị hiệu trưởng xem xét, quyết định khi nhập học và trước mỗi kỳ thi.

3. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Đối với giáo viên: Giáo viên vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; chú trọng phương pháp giao tiếp trong giảng dạy; áp dụng đa dạng các kỹ thuật dạy học; lấy người học làm trung tâm; tổ chức các hoạt động nghe, nói, đọc và viết sinh động nhằm tăng cường sự tham gia của người học; tổ chức các hoạt động đa dạng với sự hỗ trợ của các học liệu, giáo cụ trực quan sinh động phục vụ mục tiêu bài học.

- Đối với người học: Quan sát, hoạt động nhóm, thao tác theo hướng dẫn của giáo viên và làm bài tập về nhà.

- Khuyến khích việc tổ chức dạy và học trực tuyến môn học, kết hợp với các phần mềm tự học trực tuyến nhằm nâng cao chất lượng dạy và học.

- Bên cạnh việc học 90 giờ trên lớp, giáo viên nên xây dựng nội dung và mục tiêu tự học thêm 110 giờ cho người học thông qua hệ thống bài tập bổ sung, phần mềm hoặc ứng dụng tiếng Anh hỗ trợ tự học, tài liệu tham khảo khác nhằm giúp người học đạt năng lực A1 theo quy định sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp.

4. Tài liệu tham khảo

1. Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

2. Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

3. Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp và cao đẳng.

4. Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

5. Tim Falla and Paul A. Davies, Solutions Elementary (02nd edition), Oxford University Press, 2012.

6. Miles Craven, Breakthrough Plus 1, MacMillan Education, 2013.

7. Herbert Puchta and Jeff Stranks, More! 1, Cambridge University Press, 2008.

8. Jack C. Richards, Tactics for Listening (02nd edition), Oxford University Press, 2015.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: VẼ KỸ THUẬT CĂN BẢN

Mã số môn học: MH 08

Thời gian môn học: 45 giờ; (Lý thuyết: 20 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 23 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC:

- Vị trí của môn học: Môn học được bố trí sau các môn học và mô đun chung.
- Tính chất của môn học: Là môn học cơ sở ngành bắt buộc.

II. MỤC TIÊU MÔN HỌC:

- Trình bày được vai trò của vẽ kỹ thuật
- Thực hiện được phép chiếu lên các mặt phẳng vuông góc, cách tạo hình cắt mặt cắt.
- Mô tả được cách sử dụng hình chiếu, mặt cắt, hình cắt để thể hiện các bản vẽ xây dưng, cơ khí
- Biết cách khởi tạo và lưu bản vẽ trong Autocad.
- Dựng được hình chiếu, hình cắt, mặt cắt của một số hình đơn giản.
- Phân loại được các bản vẽ xây dựng, cơ khí
- Dựng được mặt cắt của một số chi tiết đơn giản trong xây dưng, cơ khí
- Tạo được một bản vẽ đơn giản trong Autocad
- Cẩn thận, tự giác trong học tập.

III. NỘI DUNG MÔN HỌC:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành bài tập	Kiểm tra
I	**Chương 1. Tổng quan về vẽ kỹ thuật** 1. Cách thể hiện đối tượng trong bản vẽ 2. Dụng cụ vẽ, nét vẽ, chữ viết, đường ghi kích thước	6	3	3	
II	**Chương 2. Phép chiếu** 1. Định nghĩa phép chiếu 2. Biểu diễn vật thể trên mặt chiếu.	12	4	8	

	3. Biểu diễn vật thể qua hình chiếu 4. Biểu diễn vật thể qua hình chiếu xuyên tâm				
III	**Chương 3. Hình cắt, mặt cắt** 1. Định nghĩa hình cắt mặt cắt, 2. Vai trò của hình cắt mặt cắt 3. Cách vẽ hình cắt mặt cắt.	9	4	4	1
IV	**Chương 4. Vẽ kỹ thuật trong xây dựng** 1. Cách tổ chức bản vẽ kiến trúc 2. Các thành phần bản vẽ kết cấu	3	2	1	
V	**Chương 5. Vẽ kỹ thuật trong cơ khí** 1. Thể hiện chi tiết cơ khí bằng phương pháp 3 hình chiếu 2. Giới thiệu các chi tiết cơ khí thường gặp	6	3	3	
VI	**Chương 6. Giới thiệu phần mềm tự động thiết kế** 1. Sơ lược về lịch sử phát triển 2. Giới thiệu giao diện phần mềm 3. Cách khởi tạo và lưu một bản vẽ 4. Một số lệnh cơ bản	9	4	4	1
Tổng số		**45**	**20**	**23**	**2**

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1 : **Tổng quan về vẽ kỹ thuật** *Thời gian: 6 giờ*

Mục tiêu:

- Mô tả được cách thể hiện đối tượng trong bản vẽ
- Chuẩn bị được các loại dụng cụ vẽ
- Nhận biết được các loại nét vẽ, chữ viết và các đường kích thước trong bản vẽ.

Nội dung:

1. Cách thể hiện đối tượng trong bản vẽ
2. Dụng cụ, nét vẽ, chữ viết, đường ghi kích thước

Chương 2**: Phép chiếu**

Thời gian: 12 giờ

Mục tiêu:

- Trình bày được định nghĩa các phép chiếu
- Biểu diễn được vật thể trên 3 mặt phẳng chiếu
- Biểu diễn được vật thể bằng hình chiếu trục đo
- Biểu diễn được vật thể bằng hình chiếu xuyên tâm
- Cẩn thận, tỷ mỷ, chính xác

Nội dung:

1. Định nghĩa phép chiếu
   - Biểu diễn vật thể qua phép chiếu
   - Hình chiếu vuông góc,
   - Hình chiếu trục đo,
   - Phương pháp chiếu xuyên tâm
   - Hình chiếu đứng, hình chiếu bên,
   - Hình chiếu trục đo, bản vẽ phối cảnh
2. Biểu diễn vật thể trên 3 mặt phẳng chiếu
3. Biểu diễn vật thế qua hình chiếu trục đo
4. Biểu diễn vật thể qua hình chiếu xuyên tâm

Chương 3**: Hình cắt, mặt cắt** *Thời gian: 9 giờ*

Mục tiêu:

- Trình bày được khái niệm về hình cắt, mặt cắt
- Mô tả được vai trò của hình cắt, mặt cắt
- Vẽ được hình cắt, mặt cắt của các chi tiết
- Cẩn thận, tỷ mỷ, chính xác

Nội dung:

1. Khái niệm
2. Vai trò của hình cắt mặt cắt
3. Cách vẽ hình cắt, mặt cắt

Chương 4: **Vẽ kỹ thuật trong xây dựng** *Thời gian: 3 giờ*

Mục tiêu :

- Mô tả được bản vẽ phối cảnh, Bản vẽ mặt bằng, Bản vẽ mặt đứng, Bản vẽ mặt cắt và các bản vẽ chi tiết khác
- Trình bày được bản vẽ mặt bằng kết cấu, chi tiết thép sàn, chi tiết dầm, cột, vách và chi tiết khác

Nội dung:

1. Cách tổ chức bản vẽ trong vẽ kiến trúc
   - Bản vẽ phối cảnh

- Bản vẽ mặt bằng
- Bản vẽ mặt đứng
- Bản vẽ mặt cắt
- Bản vẽ chi tiết khác

2. Các thành phần bản vẽ kết cấu
- Bản vẽ mặt bằng kết cấu
- Bản vẽ chi tiết thép sàn
- Bản vẽ chi tiết dầm, cột, vách
- Các bản vẽ chi tiết khác

Chương 5 : **Vẽ kỹ thuật trong cơ khí** *Thời gian: 06 giờ*

Mục tiêu:

- Mô tả được cách biểu diễn chi tiết cơ khí bằng các bản vẽ kỹ thuật;
- Biểu diễn được các chi tiết cơ khí thường gặp;
- Cẩn thận, tỷ mỷ, chính xác.

Nội dung:

1. Biểu diễn chi tiết cơ khí bằng hình chiếu
2. Giới thiệu các chi tiết cơ khí thường gặp
- Các chi tiết có ren,
- Biểu diễn mối ghép hàn, dán
- Biểu diễn bánh răng và lò xo
- Biểu diễn ở lăn và vòng bi

Chương 6 : **Giới thiệu các phần mềm tự động thiết kế** *Thời gian: 9 giờ*

Mục tiêu:

- Mô tả được các giao diện một số phần mềm tự động hoá thiết kế.
- Tạo được bản vẽ và lưu lại được bản vẽ.

Nội dung:

1. Sơ lược về quá trình phát triển
2. Giới thiệu giao diện phần mềm
3. Cách khởi tạo một bản vẽ và cách lưu bản vẽ
4. Sử dụng một số lệnh cơ bản

IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC:

1. Phòng học chuyên môn hóa, nhà xưởng: Phòng LAB
2. Trang thiết bị máy móc:
- Máy chiếu Projector

- Máy tính có cài đặt phần mềm: Hệ điều hành WINDOWS, Phần mềm Autocad

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Các loại giấy vẽ A4, A3, A1...
- Bút vẽ, thước kẻ, compa
- Phấn, bảng đen
- Các slide bài giảng
- Các bản vẽ mẫu

4. Các điều kiện khác:

- Các slide bài giảng
- Các bản vẽ mẫu

V. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ:

1. Nội dung:

Về kiến thức:

- Trình bày được vai trò của vẽ kỹ thuật
- Thực hiện được phép chiếu lên các mặt phẳng vuông góc, cách tạo hình cắt mặt cắt.
- Mô tả được cách sử dụng hình chiếu, mặt cắt, hình cắt để thể hiện các bản vẽ xây dưng, cơ khí
- Biết cách khởi tạo và lưu bản vẽ trong Autocad.

Về kỹ năng:

- Dựng hình chiếu, hình cắt, mặt cắt của một số hình đơn giản.
- Phân loại các bản vẽ xây dựng, cơ khí
- Dựng mặt cắt của một số chi tiết đơn giản trong xây dưng, cơ khí
- Tạo một bản vẽ đơn giản trong Autocad

Về thái độ: Cẩn thận, tự giác trong học tập.

2. Phương pháp: Đánh giá qua bài kiểm tra viết (hoặc thực hành).

VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ cao đẳng nghề Thiết kế đồ họa.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học: Tập trung vào những kiến thức cơ bản, định hướng cho sự phát triển của người học trong công việc sau này.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Giáo viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào nội dung của từng bài học chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học để đảm bảo chất lượng giảng dạy.

4. Tài liệu tham khảo:

- Trần Đức Quế, Nguyễn Văn Tuấn, Giáo trình vẽ kỹ thuật, NXB. Giáo dục.

- Trần Đức Quế, Nguyễn Văn Tuấn, Vẽ kỹ thuật theo tiêu chuẩn quốc tế, NXB. Nhà xuất bản Bách Khoa.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: AN TOÀN VÀ VỆ SINH CÔNG NGHIỆP

Mã số môn học: MH 09

Thời gian môn học: 15 giờ; (Lý thuyết: 14 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 0 giờ; Kiểm tra: 01 giờ)

I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC:

- Vị trí của môn học: Môn học được bố trí sau khi học xong các môn học và mô đun chung, trước các môn học và mô đun đào tạo chuyên môn nghề.
- Tính chất của môn học: Là môn học lý thuyết cơ sở bắt buộc

II. MỤC TIÊU MÔN HỌC:

Về kiến thức:

- Trình bày được các nhân tố ảnh hưởng sức khoẻ người lao động
- Sử dụng được các thiết bị bảo hộ lao động.
- Trình bày được chính sách bảo hộ lao động.
- Mô tả được cách bảo vệ và phòng chống bệnh nghề nghiệp
- Phân tích được các yếu tố và nguyên nhân gây ra tai nạn
- Vận dụng tốt các biện pháp chủ yếu của kỹ thuật an toàn
- Trình bày được các nguyên tắc an toàn về điện và vật liệu in.
- Sơ cứu được khi bị điện giật và bị dị ứng do hóa chất vật liệu in gây ra.

Về kỹ năng:

- Sử dụng thành thạo các thiết bị bảo hộ lao động.
- Bảo quản được các thiết bị mạng
- Sơ cứu khi bị điện giật và bị dị ứng do hóa chất vật liệu in.
- Vận dụng tốt các biện pháp chủ yếu của kỹ thuật an toàn

Về thái độ:

- Cẩn thận, tự giác, chính xác.
- Rèn luyện kỹ năng tổ chức và thực hiện qui trình vệ sinh các trang thiết bị cũng như kỹ năng sử dụng thiết bị an toàn lao động, kỹ năng đảm bảo an toàn trong lao động nghề nghiệp.

III. NỘI DUNG MÔN HỌC:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành bài tập	Kiểm tra
I.	**Bảo hộ lao động**	3	3		

1	Mục tiêu ý nghĩa, tính chất của công tác Bảo hộ lao động				
2	Mội dung công tác bảo hộ lao động				
II.	**Vệ sinh lao động trong sản xuất**	3	3		
1	Mục tiêu ý nghĩa				
2	Những nhân tố ảnh hưởng đến sức khoẻ công nhân				
3	Cách bảo vệ và phòng chống bệnh nghề nghiệp				
4	Cấp cứu khi bị nhiễm độc, bỏng				
III.	**Kỹ thuật an toàn**	3	3		
1	Định nghĩa				
2	Các yếu tố và nguyên nhân gây tai nạn				
3	Những biện pháp của kỹ thuật an toàn				
4	Cấp cứu khi bị chấn thương				
IV.	**Kỹ thuật an toàn điện và các vật liệu in công nghiệp**	6	5		1
1	Điện và thiết bị điện				
2	Biện pháp an toàn khi sử dụng điện				
3	Cấp cứu người bị điện giật				
4	An toàn với mực in và vật liệu in công nghiệp				
5	Bảo quản thiết bị				
Cộng		**15**	**14**	**0**	**1**

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: **Bảo hộ lao động**

Thời gian: 3 giờ

Mục tiêu:

- Giới thiệu được các thiết bị bảo hộ lao động và chính sách bảo hộ lao động.
- Liệt kê được các thiết bị bảo hộ lao động và chính sách bảo hộ lao động.

Nội dung:

1. Các thiết bị bảo hộ lao động

2. Chính sách bảo hộ lao động

Chương 2: Vệ sinh lao động trong sản xuất *Thời gian: 3 giờ*

Mục tiêu:

- Trình bày được các nhân tố ảnh hưởng sức khoẻ người lao động; cách bảo vệ và phòng chống bệnh nghề nghiệp.
- Vận dụng được vào thực tế nghề nghiệp

Nội dung:

1. Mục đích ý nghĩa
2. Những nhân tố ảnh hưởng
3. Phòng chống bệnh nghề nghiệp
4. Cấp cứu khi bị nhiễm độc, bỏng

Chương 3: Kỹ thuật an toàn *Thời gian: 03 giờ*

Mục tiêu:

- Trình bày được các yếu tố và nguyên nhân gây ra tai nạn;
- Mô tả được các biện pháp đảm bảo an toàn
- Vận dụng được trong thực tế nghề nghiệp

Nội dung:

1. Định nghĩa
2. Yếu tố gây tai nạn
3. Biện pháp an toàn
4. Cấp cứu khi bị chấn thương

Chương 4: **Kỹ thuật an toàn điện và vật liệu in công nghiệp**

Thời gian: 6 giờ

Mục tiêu:

- Trình bày được các nguyên tắc an toàn về điện;
- Mô tả được các biện pháp an toàn khi sử dụng điện;
- Sơ cứu được khi bị điện giật;
- Bảo quản được thiết bị và các loại vật liệu in.

Nội dung:

1. Giới thiệu cơ bản về an toàn điện
2. Biện pháp an toàn sử dụng điện
3. Cấp cứu người bị điện giật
4. An toàn với vật liệu in
5. Bảo quản thiết bị in

IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học lý thuyết.

2. Trang thiết bị máy móc: Maý chiếu, máy tính

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Giấy A4, các loại giấy
- Bộ tranh bằng giấy phim trong dùng để hướng dẫn sơ cứu.
- Tài liệu hướng dẫn môn học An toàn và vệ sinh công nghiệp.
- Tài liệu hướng dẫn bài học và bài tập thực hành môn An toàn và vệ sinh công nghiệp
- Giáo trình Môn học An toàn và vệ sinh công nghiệp.
- Các hình vẽ

4. Các điều kiện khác:

Cho người học tham quan, thực tế về an toàn và vệ sinh công nghiệp

V. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ:

1. Nội dung:

Về kiến thức:

- Trình bày được các nhân tố ảnh hưởng sức khoẻ người lao động
- Sử dụng được các thiết bị bảo hộ lao động.
- Trình bày được chính sách bảo hộ lao động.
- Mô tả được cách bảo vệ và phòng chống bệnh nghề nghiệp
- Phân tích được các yếu tố và nguyên nhân gây ra tai nạn
- Vận dụng tốt các biện pháp chủ yếu của kỹ thuật an toàn
- Trình bày được các nguyên tắc an toàn về điện và vật liệu in.
- Sơ cứu được khi bị điện giật và bị dị ứng do hóa chất vật liệu in gây ra.

Về kỹ năng:

- Sử dụng thành thạo các thiết bị bảo hộ lao động.
- Bảo quản được các thiết bị mạng
- Sơ cứu khi bị điện giật và bị dị ứng do hóa chất vật liệu in.
- Vận dụng tốt các biện pháp chủ yếu của kỹ thuật an toàn

Về thái độ:

- Cẩn thận, tự giác, chính xác.

2. Phương pháp: Đánh giá qua bài kiểm tra viết (hoặc thực hành)

VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng nghề Thiết kế đồ họa.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Sử dụng thành thạo các thiết bị bảo hộ lao động.
- Sơ cứu khi bị điện giật và bị dị ứng do hóa chất vật liệu in gây ra.

- Vận dụng tốt các biện pháp chủ yếu của kỹ thuật an toàn
- Các phần này người học phải được thực hành thuần thục

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Giáo viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào nội dung của từng bài học chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học để đảm bảo chất lượng giảng dạy.

4. Tài liệu tham khảo:

- Võ quốc Tấn, Tổ chức sản xuất, ĐH Công nghiệp Tp HCM
- Nguyễn thế Đạt, An toàn lao động, Vụ Trung học chuyên nghiệp dạy nghề, 2004
- Nguyễn Thế Đạt, An toàn lao động, NXB. Nhà xuất bản giáo dục, 2006
- http://www.chemall/forum

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

(Kèm theo Quyết định số ...../QĐ-CĐCT, ngày...../..../202 của Hiệu trưởng)

Tên môn học: MẠNG MÁY TÍNH

Mã môn học: MH 12

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ (Lý thuyết: 27 giờ, Thực hành, thảo luận, bài tập, kiểm tra: 30 giờ; K.tra: 3 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

1. Vị trí: Môn học được bố trí học sau các môn học chung

2. Tính chất: Là môn học cơ sở, môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành Thiết kế đồ họa

II. Mục tiêu của môn học:

1. Về kiến thức:

- Mô tả được mô hình mạng OSI, TCP/IP, các kỹ thuật mạng LANs, WANs, các chuẩn IEEE và các dịch vụ mạng Internet;
- Phân biệt được các thiết bị mạng như repeater, hubs, switches, routers, brigde…;
- Nhận biết được về an toàn mạng máy tính.

2. Về kỹ năng:

- Cấu hình được một số thiết bị mạng
- Thiết kế xây dựng được mạng LAN.

3. Thái độ, chuyên cần

- Tích cực chủ động trong học tập;
- Cẩn thận, tỷ mỷ, chính xác.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	kiểm tra
1	**Chương 1: Tổng quan về mạng máy tính** 1.1. Giới thiệu chung 1.2. Lịch sử phát triển 1.3. Một số khái niệm cơ bản về mạng 1.4. Kiến trúc mạng 1.5. Hệ điều hành mạng 1.6. Địa chỉ mạng 1.7. Các thành phần cơ bản của mạng	6	4	2	

	1.8. Phân loại mạng				
2	**Chương 2: Kiến trúc phân tầng và mô hình osi** 2.1. Giới thiệu chung 2.2. Kiến trúc đa tầng 2.3. Mô hình tham chiếu OSI 2.3.1. Mô hình OSI 2.3.2. Các giao thức chuẩn trong mô hình OSI 2.3.3. Vai trò và chức năng chủ yếu các tầng 2.4. Giới thiệu một số kiến trúc mạng khác	12	5	4	1
3	**Chương 3: Mạng cục bộ lan** 3.1. Giới thiệu chung 3.2. Những kỹ thuật của mạng cục bộ 3.2.1. Một số Topo phổ biến 3.2.2. Môi trường truyền tin 3.2.3. Các phương thức truy nhập đường truyền 3.3. Chuẩn hóa mạng cục bộ (IEEE) 3.3.1. Ethernet và chuẩn IEEE 802 3.3.2. Một số chuẩn mạng cục bộ khác	12	6	7	1
4	**Chương 4: Kiến trúc công nghệ mạng lan** 4.1. Kiến trúc mạng(Topology) 4.2. Mạng tuyến (Bus) 4.3. Mạng sao (Star) 4.4. Mạng vòng(Ring) 4.5. Mạng kết hợp(star ring) 4.6. Ethernet 4.7. FDDI	15	6	9	
5	**Chương 5: Mô hình tcp/ip và mạng internet** 5.1. Mô hình TCP/IP 5.1.1. Mô hình kiến trúc TCP/IP 5.1.2. Vai trò và chức năng các tầng 5.1.3. Phân mảnh và đóng gói dữ liệu 5.2. Các giao thức cơ bản của mô hình TCP/IP 5.3. Mạng Internet 5.3.1. Giới thiệu chung về mạng Internet 5.3.2. Cấu trúc mạng Internet 5.3.3. Công nghệ kết nối mạng Internet 5.3.4. Một số dịch vụ cơ bản trên mạng Internet	15	6	8	1

	Cộng	**60**	**27**	**30**	**3**

2. Nội dung chi tiết

Chương 1. Tổng quan về mạng máy tính ***Thời gian: 06 giờ***

Mục tiêu :

- Trình bày được về lịch sử, phân loại, mô hình mạng máy tính, các ứng dụng của mạng máy tính và cách truyền dữ liệu ;
- Mô tả được các kiến trúc mạng, các thành phần cơ bản của mạng.
- Tích cực chủ động trong học tập;

Nội dung :

1.1. Giới thiệu chung

1.2. Lịch sử phát triển

1.3. Một số khái niệm cơ bản về mạng

1.4. Kiến trúc mạng

1.5. Hệ điều hành mạng

1.6. Địa chỉ mạng

1.7. Các thành phần cơ bản của mạng

Chương 2. Kiến trúc phân tầng và mô hình OSI *Thời gian: 12 giờ*

Mục tiêu:

- Trình bày được mô hình OSI;
- Mô tả được mô hình tham chiếu, kiến trúc đa tầng, các giao thức chuẩn trong mô hình OSI, vai trò chủ yếu của các tầng trong mô hình;
- Phân biệt được một số kiến trúc mạng khác.

Nội dung:

2.1. Giới thiệu chung

2.2. Kiến trúc đa tầng

2.3. Mô hình tham chiếu OSI

2.3.1. Mô hình OSI

2.3.2. Các giao thức chuẩn trong mô hình OSI

2.3.3. Vai trò và chức năng chủ yếu các tầng

2.4. Giới thiệu một số kiến trúc mạng khác

Chương 3. Mạng cục bộ lan *Thời gian: 12 giờ*

Mục tiêu:

- Trình bày được mạng cục bộ, bộ chuẩn 802.3, 802.3u, 802.3z;
- Phân biệt được bộ chuẩn 802.3, 802.3u, 802.3z;
- Thiết kế được mạng Lan;
- Cẩn thận, tỷ mỷ, chính xác

Nội dung :

3.1. Giới thiệu chung

3.2. Những kỹ thuật của mạng cục bộ

3.2.1. Một số Topo phổ biến

3.2.2. Môi trường truyền tin

3. 2.3. Các phương thức truy nhập đường truyền

3. 3. Chuẩn hóa mạng cục bộ (IEEE)

3.3.1. Ethernet và chuẩn IEEE 802

Chương 4. Kiến trúc công nghệ mạng lan *Thời gian: 15 giờ*

Mục tiêu:

- Mô tả được kiến trúc mạng Topology, mạng tuyến, mạng sao, mạng vòng, mạng kết hợp;
- Phân biệt được kiến trúc mạng Topology, mạng tuyến, mạng sao, mạng vòng, mạng kết hợp.
- Chính xác, tỷ mỷ, cẩn thận.

Nội dung :

4.1. Kiến trúc mạng(Topology)

4.2. Mạng tuyến (Bus)

4.3. Mạng sao (Star)

4.4. Mạng vòng(Ring)

4.5. Mạng kết hợp(star ring)

4.6. Ethernet

4.7. FDDI

Chương 5. Mô hình TCP/IP và mạng internet *Thời gian: 15 giờ*

Mục tiêu:

- Trình bày được về mạng Internet, các mô hình TCP/IP, các giao thức cơ bản của mô hình TCP, cách phân mảnh đóng gói dữ liệu;
- Phân biệt được các mô hình TCP/IP, các giao thức cơ bản của mô hình TCP, cách phân mảnh đóng gói dữ liệu;
- Tích cực, chủ động trong học tập.

Nội dung :

5.1. Mô hình TCP/IP

5.1.1. Mô hình kiến trúc TCP/IP

5.1.2. Vai trò và chức năng các tầng

5.1.3. Phân mảnh và đóng gói dữ liệu

5.2. Các giao thức cơ bản của mô hình TCP/IP

5.3. Mạng Internet

5.3.1. Giới thiệu chung về mạng Internet

5.3.2. Cấu trúc mạng Internet

5.3.3. Công nghệ kết nối mạng Internet

5.3.4. Một số dịch vụ cơ bản trên mạng Internet

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn/nhà xưởng: Phòng học lý thuyết

2. Trang thiết bị máy móc: máy tính, máy chiếu, loa, míc

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Chương trình môn học, giáo trình, tài liệu tham khảo, giáo án

4. Các điều kiện khác: không

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung đánh giá:

- Kiến trúc phân tầng và mô hình OSI ;
- Mạng cục bộ lan - Kiến trúc công nghệ mạng lan ;
- Mô hình TCP/IP và mạng internet.
- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Cẩn thận, tinh thần tự giác trong học tập làm đủ bài tập, tham gia sôi nổi các buổi thảo luận.

2. Phương pháp đánh giá:

* *Kiểm tra thường xuyên, định kỳ:*

- Điểm kiểm tra thường xuyên *(hệ số 1),* điểm kiểm tra định kỳ *(hệ số 2).*
- Hình thức kiểm tra: do giáo viên dạy môn học quyết định

* *Thi kết thúc môn học:*

- Hình thức thi: Tự luận/ trắc nghiệm/thực hành trên máy; Thời gian 60-90 phút
- Điều kiện được thi kết thúc môn học:

+ Tham dự ít nhất 70% thời gian học lý thuyết và đầy đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập và các yêu cầu của môn học được quy định trong chương trình môn học;

+ Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10;

* *Điểm môn học*: bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học có trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1.* Phạm *vi áp dụng môn học: Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng

2.* Hướng *dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Giáo viên sử dụng các phương pháp dạy học tích cực, tăng cường thảo luận, đối thoại kết hợp nhiều phương pháp hiện đại.
- Đối với người học: Sinh viên phải ghi chép, nghe giảng, thảo luận nhóm, làm bài tập

3. Những trọng tâm cần chú ý: không

4. Tài liệu tham khảo

[1]. Computer Networks, A.S. Tanenbaum, 4rd ed., Prentice-Hall, 2002
[2]. Ethernet Network, 4th Edition, John Wiley & Son, LTD
[3]. TCP/IP Network Documentation (ebooks)
[4]. TCP/IP Service e-books
[5]. Các RFC liên quan, www.RFC.org

5. Ghi chú và giải thích (nếu có): không

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

(Kèm theo Quyết định số ...../QĐ-CĐCT, ngày...../..../202... của Hiệu trưởng)

Tên mô đun: KỸ THUẬT LẬP TRÌNH

Mã mô đun: MĐ 10

Thời gian thực hiện mô đun: 90 giờ (Lý thuyết: 30 giờ, Thực hành, thảo luận, bài tập, kiểm tra: 57 giờ; K.tra: 3 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

1. Vị trí: Mô đun được bố trí học sau các môn cơ sở ngành

2. Tính chất*:* Là mô đun bắt buộc trong chương trình đào tạo

II. Mục tiêu của mô đun:

1. Về kiến thức:

- Trình bày được khái niệm về lập trình, ngôn ngữ lập trình;
- Mô tả được các tiêu chuẩn đánh giá một ngôn ngữ lập trình;
- Trình bày được khái niệm về các đối tượng dữ liệu trong lập trình C; về kiểu dữ liệu có cấu trúc; mảng một chiều, mảng hai chiều; chuỗi ký tự (String); kiểu con trỏ, kiểu tập tin.

2. Về kỹ năng:

- Sử dụng thành thạo các cấu trúc điều khiển (rẽ nhánh, vòng lặp), các kiểu dữ liệu chuẩn, các kiểu dữ liệu tự định nghĩa, các hàm nhập xuất cơ bản, các khai báo - để viết những chương trình nhỏ với cấu trúc đơn giản;
- Xử lý được những lối thường mắc trong lập trình.

3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

- Cẩn thận, tỷ mỷ, chính xác;
- Chủ động trong việc phối hợp nhóm khi lập trình.

III. Nội dung mô đun:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	kiểm tra
	Bài 1: Tổng quan 1.1. Tổng quan 1.2. Khái niệm về ngôn ngữ lập trình 1.3. Vai trò của ngôn ngữ lập trình 1.4. Lợi ích của việc nghiên cứu NNLT 1.5. Các tiêu chuẩn đánh giá một ngôn ngữ lập trình tốt	6	4	2	

	Bài 2: Kiểu dữ liệu 2.1. Tổng quan 2.2. Đối tượng dữ liệu 2.3. Biến và hằng 2.4. Kiểu dữ liệu 2.5. Sự khai báo 2.6. Kiểm tra kiểu và biến đổi kiểu 2.7. Chuyển đổi kiểu 2.8. Gán và khởi tạo	18	5	13	
	Bài 3: Kiểu dữ liệu có cấu trúc – câu lệnh 3.1. Kiểu cấu trúc 3.1.1 Định nghĩa kiểu dữ liệu có cấu trúc 3.1.2 Khai báo kiểu dữ liệu có cấu trúc 3.1.3 Khởi tạo 3.1.3 Gán giá trị 3.1.4 Các kiểu dữ liệu có cấu trúc - Kiểu mảng - Kiểu chuỗi ký tự - Kiểu con trỏ - Kiểu tập tin 3.2. Các câu lệnh 3.2.1 Lệnh đơn 3.2.2 Lệnh ghép 3.2.3 Câu lệnh điều kiện 3.2.4 Câu lệnh vòng lặp 3.3 Bài tập	18	6	11	1
	Bài 4: Kiểu mảng 4.1. Mảng 1 chiều 4.1.1 Khái niệm mảng 1 chiều 4.1.2 Khai báo mảng 1 chiều 4.1.3 Nhập/Xuất mảng 1 chiều 4.2 Mảng 2 chiều 4.2.1 Khái niệm 4.2.2 Khai báo 4.2.3 Nhập/Xuất mảng 2 chiều 4.3 Một số thuật toán sử dụng mảng 4.4 Bài tập luyện tập	18	5	12	1

	Bài 5: Chuỗi ký tự 5.1 Khái niệm 5.2 Cách khai báo chuỗi 5.3 Nhập xuất chuỗi 5.3 Một số thao tác trên chuỗi 5.4 Bài tập luyện tập	12	5	7	
	Bài 6: Kiểu con trỏ - tập tin 6.1. Kiểu con trỏ 6.1.1 Khái niệm 6.1.2 Cách sử dụng con trỏ 6.2. Kiểu tập tin 6.2.1 Khái niệm 6.2.2 Các hàm sử dụng cho tập tin 6.2.3 Các hàm nhập xuất theo kiểu nhị phân 6.2.4 Các hàm nhập xuất theo kiểu tập tin	18	5	12	1
	Cộng	**90**	**30**	**57**	**3**

2. Nội dung chi tiết

2. Nội dung chi tiết

BÀI 1. Tổng quan *Thời gian: 06 giờ (LT:04 giờ, TH: 2 giờ)*

1. Mục tiêu:

- Trình bày được khái niệm về lập trình, ngôn ngữ lập trình;
- Mô tả được các tiêu chuẩn đánh giá một ngôn ngữ lập trình.

2. Nội dung:

2.1. Tổng quan

2.2. Khái niệm về ngôn ngữ lập trình

2.3. Vai trò của ngôn ngữ lập trình

2.4. Lợi ích của việc nghiên cứu NNLT

2.5. Các tiêu chuẩn đánh giá một ngôn ngữ lập trình tốt

Bài 2. Kiểu dữ liệu *Thời gian 18 giờ (LT:05 giờ, TH: 13 giờ)*

1. Mục tiêu:

- Trình bày được khái niệm về các đối tượng dữ liệu trong lập trình C, cách khai báo đối tượng dữ liệu, cách khai báo với hằng, biến, các kiểu dữ liệu, cách kiểm tra và biến đổi các kiểu dữ liệu;
- Khai báo được các đối tượng dữ liệu trong lập trình C, đối tượng dữ liệu, khai báo với hằng, biến, các kiểu dữ liệu, cách kiểm tra và biến đổi các kiểu dữ liệu;
- Chủ động, sáng tạo, tích cực trong học tập.

2. Nội dung:

2.1. Tổng quan

2.2. Đối tượng dữ liệu

2.3. Biến và hằng

2.4. Kiểu dữ liệu

2.5. Sự khai báo

2.6. Kiểm tra kiểu và biến đổi kiểu

2.7. Chuyển đổi kiểu

2.8. Gán và khởi tạo

Bài 3. Kiểu dữ liệu có cấu trúc – câu lệnh

Thời gian: 18 giờ (LT:06 giờ, TH: 11 giờ; K.tra: 1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được khái niệm cơ bản về kiểu dữ liệu có cấu trúc, các cách cài đặt CTDL, con trỏ, chuỗi, tập hợp, tập tin, câu lệnh…
- Khai báo được kiểu dữ liệu có cấu trúc;
- Viết được các chương trình đơn giản;
- Cẩn thận, tỷ mỷ, chính xác.

2. Nội dung:

2.1. Kiểu cấu trúc

2.1.1 Định nghĩa kiểu dữ liệu có cấu trúc

2.1.2 Khai báo kiểu dữ liệu có cấu trúc

2.1.3 Khởi tạo

2.1.3 Gán giá trị

2.1.4 Các kiểu dữ liệu có cấu trúc

- Kiểu mảng
- Kiểu chuỗi ký tự
- Kiểu con trỏ
- Kiểu tập tin

2.2. Các câu lệnh

2.2.1. Lệnh đơn

2.2.2. Lệnh ghép

2.2.3. Câu lệnh điều kiện

2.2.4. Câu lệnh vòng lặp

2.3. Bài tập

Bài 4. Kiểu mảng *Thời gian: 18 giờ (LT:05 giờ, TH: 12 giờ; K.tra: 1 giờ)*

1. Mục tiêu:

- Trình bày được khái niệm mảng một chiều, mảng hai chiều;

- Khai báo được mảng một chiều, mảng hai chiều;
- Viết được các chương trình đơn giản;
- Cẩn thận, tỷ mỷ, chính xác.

2. Nội dung:

4.1. Mảng 1 chiều

4.1.1 Khái niệm mảng 1 chiều

4.1.2 Khai báo mảng 1 chiều

4.1.3 Nhập/Xuất mảng 1 chiều

4.2 Mảng 2 chiều

4.2.1 Khái niệm

4.2.2 Khai báo

4.2.3 Nhập/Xuất mảng 2 chiều

4.3 Một số thuật toán sử dụng mảng

4.4 Bài tập luyện tập

Bài 5. Chuỗi ký tự

Thời gian 12 giờ (LT:05 giờ, TH: 7 giờ)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được khái niệm chuỗi ký tự (String);
- Viết được các chương trình với chuỗi và thực hiện một số thao tác trên chuỗi, định dạng chuỗi. …;
- Cẩn thận, tỷ mỷ, chính xác.

2. Nội dung:

2.1 Khái niệm

2.2 Cách khai báo chuỗi

2.3 Nhập xuất chuỗi

2.3 Một số thao tác trên chuỗi

2.4 Bài tập luyện tập

Bài 6. Kiểu con trỏ - tập tin

Thời gian: 18 giờ (LT:05 giờ, TH: 12 giờ; K.tra: 1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được khái niệm kiểu con trỏ, kiểu tập tin;
- Vận dụng được kiểu con trỏ, kiểu tập tin trong quá trình lập trình;
- Viết được các chương trình đơn giản;
- Cẩn thận, tỷ mỷ, chính xác.

2. Nội dung:

2.1. Kiểu con trỏ

2.1.1 Khái niệm

2.1.2 Cách sử dụng con trỏ

2.2. Kiểu tập tin

2.2.1 Khái niệm

2.2.2 Các hàm sử dụng cho tập tin

2.2.3 Các hàm nhập xuất theo kiểu nhị phân

2.2.4 Các hàm nhập xuất theo kiểu tập tin

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Phòng học chuyên môn/nhà xưởng: 01 phòng học

2. Trang thiết bị máy móc: máy tính, máy chiếu, loa, míc

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Chương trình mô đun, giáo trình, tài liệu tham khảo, giáo án

4. Các điều kiện khác: không

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung đánh giá:

- Kiểu dữ liệu;
- Kiểu dữ liệu có cấu trúc – câu lệnh;
- Kiểu mảng;
- Chuỗi ký tự;
- Kiểu con trỏ - tập tin.
- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Cẩn thận, tinh thần tự giác trong học tập làm đủ bài tập, tham gia sôi nổi các buổi thảo luận.

2. Phương pháp đánh giá:

* *Kiểm tra thường xuyên, định kỳ:*

- Điểm kiểm tra thường xuyên *(hệ số 1),* điểm kiểm tra định kỳ *(hệ số 2).*
- Hình thức kiểm tra: do giáo viên dạy mô đun quyết định

* *Thi kết thúc mô đun:*

- Hình thức thi: thực hành trên máy; Thời gian 60-90 phút
- Điều kiện được thi kết thúc mô đun:

+ Tham dự ít nhất 70% thời gian học lý thuyết và đầy đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập và các yêu cầu của mô đun, mô-đun được quy định trong chương trình mô-đun;

+ Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10;

* *Điểm mô-đun*: bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc mô-đun có trọng số 0,6;

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun: Chương trình mô đun được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng ngành Thiết kế đồ họa

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Giáo viên sử dụng các phương pháp dạy học tích cực, tăng cường thảo luận, đối thoại kết hợp nhiều phương pháp hiện đại.

- Đối với người học: Sinh viên phải ghi chép, nghe giảng, thảo luận nhóm, làm bài tập

3. Những trọng tâm cần chú ý: không

4. Tài liệu tham khảo

[1]. *Các khái niệm cơ bản của lập trình* -Trung tâm khoa học tự nhiên và công nghệ Quốc gia.

[2]. Ngôn *ngữ lập trình* - Đại học Mở- NXB Thanh niên, 2006

[3]. *Ngôn ngữ lập trình C, C++*- NXB Tiền Phong, 2012

5. Ghi chú và giải thích (nếu có): không

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

(Kèm theo Quyết định số ...../QĐ-CĐCT, ngày...../..../2020 của Hiệu trưởng)

Tên mô đun: ĐỒ HỌA ỨNG DỤNG

Mã mô đun: MĐ 11

Thời gian thực hiện mô đun: 90 giờ (Lý thuyết: 30 giờ, Thực hành, thảo luận, bài tập: 57 giờ; kiểm tra: 3 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

1. Vị trí: Là mô đun bắt buộc trong chương trình dạy nghề trình độ Cao đẳng.

2. Tính chất: Là mô đun chuyên ngành xây dựng cho SV hệ Cao đẳng chính quy, phù hợp với trình độ và chương trình đào tạo.

II. Mục tiêu của mô đun:

1. Về kiến thức:

- Trình bày khái niệm về phần mềm CorelDraw.
- Trình bày cách sử dụng phần mềm trong việc thiết kế mẫu, logo, bao bì, quảng cáo, trình bày các trang sách…
- Trình bày công cụ tô màu bao gồm tô màu đồng nhất, tô màu chuyển sắc, tô màu theo mẫu tô.
- Trình bày các hiệu ứng trong Corel và sử dụng các hiệu ứng trong các mẫu thiết kế của Corel.
- Trình bày các bước in ấn, định kích thước, vị trí, thứ tự và hướng in của nội dung in ấn.

2. Về kỹ năng:

- Làm việc và thao tác được với các công cụ của phần mềm đồ họa
- Thiết kế được các sản phẩm do người dùng yêu cầu cũng như phát huy được khả năng sáng tạo trong quá trình thiết kế.

3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

- Chăm chỉ, tỷ mỷ, sáng tạo trong học tập.
- Chủ động trong việc phối hợp nhóm.

III. Nội dung mô đun:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

STT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/thảo luận/bài tập/	kiểm tra
1	**Bài 1**	12	5	7	

STT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/thảo luận/bài tập/	kiểm tra
	Giới thiệu – Khởi động – Các thao tác về FILE 1.1. Khái niệm CorelDraw 1.2. Khởi động CorelDraw 1.3. Các thành phần của màn hình CorelDraw 1.4. Các thao tác về tập tin 1.5. Định dạng trang giấy trong CoreDraw				
2	**Bài 2** **Công cụ tạo hình** 2.1. Thao tác chọn – Phóng to, thu nhỏ đối tượng 2.2. Công cụ vẽ đối tượng cơ bản 2.3. Công cụ vẽ đối tượng tự do 2.4. Nhóm công cụ sắp xếp đối tượng 2.5. Các lệnh trong nhóm shaping	30	10	19	1
3	**Bài 3** **Công cụ màu tô và đường viền** 3.1. Công cụ màu tô 3.2. Công cụ tô màu Interactive Fill Tool 3.3. Công cụ tô màu Mesh Fill 3.4. Công cụ tô màu Smart Fill Tool	18	5	13	
4	**Bài 4** **Công cụ TEXT và những hiệu ứng trong CORELDRAW** 4.1. Công cụ văn bản 4.2. Giới thiệu hai loại văn bản Artistic – Paragraph 4.3. Các lệnh thuộc menu Text 4.4. Hiệu ứng trong Corel 4.4.1. Hiệu ứng Bitmap	24	8	15	1

STT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/thảo luận/bài tập/	kiểm tra
	4.4.2. Hiệu ứng Envelope, Powerclip và Distortion 4.4.3. Hiệu ứng Blend và Contour 4.4.4. Hiệu ứng Lens và Transparency 4.4.5. Hiệu ứng extrude và dropshadow				
5	**Bài 5** **Kết xuất hình ảnh trong CORELDRAW** 5.1. Nhập các file 5.2. Xuất các file 5.3. In ấn	6	2	3	1
	Cộng	**90**	**30**	**57**	**03**

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: Giới thiệu – Khởi động – Các thao tác về FILE

Thời gian 12 giờ (LT:05 giờ, TH: 07 giờ)

1. Mục tiêu:

- Trình bày về phần mềm đồ họa, công dụng của phần mềm, cách thức cài đặt phần mềm trên máy tính.
- Chỉ ra các thành phần của màn hình CorelDraw và thao tác trên tập tin và trang giấy của CorelDraw

2. Nội dung:

1.1. Khái niệm CorelDraw

1.2. Khởi động CorelDraw

1.3. Các thành phần của màn hình CorelDraw

1.4. Các thao tác về tập tin

1.5. Định dạng trang giấy trong CoreDraw

Bài 2: Công cụ tạo hình

Thời gian 30 giờ (LT:10 giờ, TH:19 giờ, KT:1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Trình bày các nhóm công cụ, cách sử dụng công cụ chọn, hiệu chỉnh các

đối tượng trong Corel

- Trình bày cách vẽ các đối tượng cơ bản (hình chữ nhật, hình vuông, hình tròn…) và các đối tượng tự do. Trình bày các thuộc tính của các đối tượng.

- Mô tả cách sắp xếp các đối tượng.

2. Nội dung:

2.1. Thao tác chọn – Phóng to, thu nhỏ đối tượng

2.2. Công cụ vẽ đối tượng cơ bản

2.3. Công cụ vẽ đối tượng tự do

2.4. Nhóm công cụ sắp xếp đối tượng

2.5. Các lệnh trong nhóm shaping

Bài 3: Công cụ màu tô và đường viền

Thời gian 18 giờ (LT: 05 giờ, TH:13 giờ)

1. Mục tiêu:

- Phân biệt các mô hình màu trong thiết kế đồ họa (mô hình HSB, mô hình RGB, mô hình CMYK)

- Trình bày công cụ tô màu bao gồm tô màu đồng nhất, tô màu chuyển sắc, tô màu theo mẫu tô.

- Trình bày công cụ tô màu theo lưới.

- Mô tả các công cụ vẽ đường viền và tô màu cho đường viền cho các đối tượng trong Corel.

2 Nội dung:

3.1. Công cụ màu tô

3.2. Công cụ tô màu Interactive Fill Tool

3.3. Công cụ tô màu Mesh Fill

3.4. Công cụ tô màu Smart Fill Tool

Bài 4: Công cụ TEXT và những hiệu ứng trong CORELDRAW

Thời gian 24 giờ (LT:08 giờ, TH:15 giờ, KT:1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Phân biệt giữa hai loại văn bản Artistic và Paragraph

- Trình bày cách sử dụng công cụ Text và các thao tác định dạng Text.

- Trình bày các hiệu ứng trong Corel và sử dụng các hiệu ứng trong các mẫu thiết kế của Corel.

2. Nội dung:

4.1. Công cụ văn bản

4.2. Giới thiệu hai loại văn bản Artistic – Paragraph

4.3. Các lệnh thuộc menu Text

4.4. Hiệu ứng trong Corel

4.4.1. Hiệu ứng Bitmap

4.4.2. Hiệu ứng Envelope, Powerclip và Distortion

4.4.3. Hiệu ứng Blend và Contour

4.4.4. Hiệu ứng Lens và Transparency

4.4.5. Hiệu ứng extrude và dropshadow

Bài 5: Kết xuất hình ảnh trong CORELDRAW

Thời gian 06 giờ (LT:02 giờ, TH:03 giờ, KT: 01 giờ)

1. Mục tiêu:

- Trình bày cách nhập/ xuất tập tin trong Corel.
- Trình bày các bước in ấn, định kích thước, vị trí, thứ tự và hướng in của nội dung in ấn.

2. Nội dung:

5.1. Nhập các file

5.2. Xuất các file

5.3. In ấn

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Phòng học chuyên môn/nhà xưởng: 01 phòng học

2. Trang thiết bị máy móc: máy tính, máy chiếu, loa, míc

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Bài trình mô đun, giáo trình, tài liệu tham khảo, giáo án

4. Các điều kiện khác: không

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung đánh giá:

- Các thao tác với tập tin trong phần mềm Corel
- Các thao tác xử lý các công cụ tạo hình
- Các thao tác xử lý các công cụ tô màu, chữ, hiệu ứng
- Xử lý nội dung được in ấn trong Corel
- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Cẩn thận, tinh thần tự giác trong học tập làm đủ bài tập, tham gia sôi nổi các buổi thảo luận.

2. Phương pháp đánh giá:

* *Kiểm tra thường xuyên, định kỳ:*

- Điểm kiểm tra thường xuyên *(hệ số 1),* điểm kiểm tra định kỳ *(hệ số 2).*
- Hình thức kiểm tra: do giáo viên dạy mô đun quyết định

* *Thi kết thúc mô đun:*

- Hình thức thi: thực hành trên máy; Thời gian 60-90 phút
- Điều kiện được thi kết thúc mô đun:

+ Tham dự ít nhất 70% thời gian học lý thuyết và đầy đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập và các yêu cầu của mô đun, mô-đun được quy định trong chương trình mô đun, mô-đun;

+ Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10;

* *Điểm mô-đun*: bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc mô-đun có trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun: Chương trình mô đun được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Giáo viên sử dụng các phương pháp dạy học tích cực, tăng cường thảo luận, đối thoại kết hợp nhiều phương pháp hiện đại.

- Đối với người học: Sinh viên phải ghi chép, nghe giảng, thảo luận nhóm, làm bài tập

3. Những trọng tâm cần chú ý: không

4. Tài liệu tham khảo

[1] - Phạm Phương Hoa – Phùng Thị Nguyệt, Giáo trình thực hành thiết kế mẫu – Tự học CorelDraw X4 bằng hình ảnh, NXB Hồng Đức, 2010.

[2] - Hướng dẫn sử dụng CorelDRAW X3, NXB Giao thông vận tải, 2008.

[3] - Giáo trình CorelDraw – Tác giả Nguyễn Thị Phương Lan – Nhà xuất bản Đại học Quốc Gia TP. Hồ Chí Minh

5. Ghi chú và giải thích (nếu có): không

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

(Kèm theo Quyết định số ...../QĐ-CĐCT, ngày...../..../2020 của Hiệu trưởng)

Tên mô đun: CẤU TRÚC DỮ LIỆU VÀ GIẢI THUẬT

Mã mô đun: MĐ 12

Thời gian thực hiện mô đun: 90 giờ (Lý thuyết: 30 giờ, Thực hành, thảo luận, bài tập, kiểm tra: 57 giờ; K.tra: 3 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

1. Vị trí: mô đun được bố trí học sau các mô đun chung

2. Tính chất: Là mô đun cơ sở, mô đun bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành Thiết kế đồ họa

II. Mục tiêu của mô đun:

1. Về kiến thức:

- Giải thích được vai trò của cấu trúc dữ liệu và giải thuật trong việc thiết kế chương trình;
- Trình bày được các giải thuật tìm kiếm, sắp xếp cơ bản trên mảng một chiều, danh sách liên kết đơn, hàng đợi, ngăn xếp, cây nhị phân tìm kiếm.

2. Về kỹ năng:

- Tính toán và đánh giá được độ phức tạp của giải thuật;
- Cài đặt được các giải thuật và minh họa giải thuật bằng ngôn ngữ C/ C++;
- Tìm kiếm tài liệu, làm việc theo nhóm và thuyết trình

3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

- Cẩn thận, tỷ mỷ, chính xác;
- Chủ động trong việc phối hợp nhóm khi lập trình.

III. Nội dung mô đun:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	kiểm tra
	Bài 1 :Phân tích, thiết kế giải thuật 1.1. Giải thuật và ngôn ngữ diễn đạt giải thuật 1.2. Các bước cơ bản để giải quyết tập bài toán 1.3. Chiến lược thiết kế giải thuật 1.4. Phân tích giải thuật độ phức tạp thời gian và độ phức tạp tính toán	6	2	4	
	Bài 2 : Giải thuật đệ quy	18	5	12	1

	2.1. Khái niệm về đệ qui 2.2. Thiết kế giải thuật đệ qui 2.3. Đệ qui và qui nạp toán học 2.4. Bài tập				
	Bài 3 :Mảng và danh sách tuyến tính 3.1 Các khái niệm mảng và danh sách tuyến tính 3.2 Cấu trúc dữ liệu lưu trữ của mảng 3.3. Cấu trúc lưu trữ kế tiếp của danh sách tuyến tính 3.4. Danh sách kiểu ngăn xếp (Stack) 3.5. Danh sách kiểu hàng đợi (Queue) 3.6. Bài tập	18	6	11	1
	Bài 4: Cây 4.1.Định nghĩa và khái niệm 4.2. Cây nhị phân 4.3. Duyệt cây 4.4. Cây tổng quát 4.5 Bài tập	18	5	13	
	Bài 5: Các giải thuật sắp xếp & tìm kiếm 5.1. Một số phương pháp sắp xếp đơn giản 5.2. Sắp xếp kiểu phân đoạn (Quicksort) 5.3. Sắp xếp kiểu vun đống (Heapsort) 5.4. Sắp xếp kiểu hoà trộn (Mergesort) 5.5. Nhận xét, đánh giá 5.6. Tìm kiếm tuần tự 5.7. Tìm kiếm nhị phân 5.8. Cây nhị phân tìm kiếm 5.9. Nhận xét, đánh giá 5.10. Bài tập	18	7	10	1
	Bài 6: Đồ thị 6.1 Các khái niệm cơ bản 6.2 Biểu diễn đồ thị trên máy tính	12	5	7	
	Cộng	**90**	**30**	**57**	**3**

2. Nội dung chi tiết

Bài 1. Phân tích, thiết kế giải thuật *Thời gian: 6 giờ*

*** Mục tiêu:**

- Trình bày được khái niệm về giải thuật, ngôn ngữ diễn đạt giải thuật;
- Mô tả được các bước giải quyết bài toán và phân tích độ phức tạp của giải thuật;
- Tích cực, sáng tạo trong học tập.

*** Nội dung**

1.1. Giải thuật và ngôn ngữ diễn đạt giải thuật

1.2. Các bước cơ bản để giải quyết tập bài toán

1.3. Chiến lược thiết kế giải thuật

1.4. Phân tích giải thuật độ phức tạp thời gian

Bài 2. Giải thuật đệ quy *Thời gian: 18 giờ*

*** Mục tiêu:**

- Trình bày được khái niệm về đệ quy, quy nạp trong toán học;
- Thiết kế được giải thuật đệ qui;
- Tích cực, sáng tạo trong học tập.

*** Nội dung**

2.1. Khái niệm về đệ qui

2.2. Thiết kế giải thuật đệ qui

2.2.1. Bài toán tháp Hà Nội

2.2.2. Áp dụng giải thuật đệ qui cho bài toán sắp xếp

2.3. Đệ qui và qui nạp toán học

Bài 3. Mảng và danh sách tuyến tính *Thời gian: 18 giờ*

*** Mục tiêu:**

- Trình bày được khái niệm về mảng, cấu trúc mảng, danh sách tuyến tính;
- Tính toán và đánh giá được độ phức tạp của giải thuật;
- Cài đặt được các giải thuật và minh họa giải thuật bằng ngôn ngữ C/ C++;

*** Nội dung**

3.1. Các khái niệm mảng và danh sách tuyến tính

3.1.1. Khái niệm mảng

3.1.2. Cấu trúc lưu trữ của mảng

3.1.2.1. Mảng một chiều

3.1.2.2. Mảng hai chiều

3.1.3. Danh sách tuyến tính

3.2. Cấu trúc dữ liệu lưu trữ của mảng

3.3. Cấu trúc lưu trữ kế tiếp của danh sách tuyến tính

3.4. Danh sách kiểu ngăn xếp (Stack)

3.5. Danh sách kiểu hàng đợi (Queue)

3.6. Bài tập

Bài 4. Cây *Thời gian: 18 giờ*

*** Mục tiêu:**

- Trình bày được khái niệm về cây, các phép toán trên cây, duyệt cây, cây nhị phân & cây nhị phân tổng quát;
- Sử dụng được cây nhị phân, cây tổng quát khi lập trình;
- Cẩn thận, tỷ mỷ, linh hoạt.

*** Nội dung**

4.1. Định nghĩa và khái niệm

4.2. Cây nhị phân

4.2.1. Định nghĩa, tính chất

4.2.2. Biểu diễn cây nhị phân

4.2.3. Phép duyệt

4.3. Cây tổng quát

4.3.1. Biểu diễn

4.3.2. Phép duyệt

4.4. Bài tập

Bài 5. Các giải thuật sắp xếp & tìm kiếm

Thời gian: 18 giờ

*** Mục tiêu:**

- Mô tả được một số phương pháp sắp xếp đơn giản;
- Sắp xếp được theo kiểu phân đoạn (Quicksort), kiểu vun đống (Heapsort), kiểu hoà trộn (Mergesort);
- Sử dụng được phép tìm kiếm tuần tự, tìm kiếm nhị phân;
- Cẩn thận, tỷ mỷ, chính xác.

*** Nội dung**

5.1. Một số phương pháp sắp xếp đơn giản

5.2. Sắp xếp kiểu phân đoạn (Quicksort)

5.3. Sắp xếp kiểu vun đống (Heapsort)

5.4. Sắp xếp kiểu hoà trộn (Mergesort)

5.5. Tìm kiếm tuần tự

5.6. Tìm kiếm nhị phân

5.7. Cây nhị phân tìm kiếm

5.8. Bài tập

Bài 6. Đồ thị *Thời gian 12 giờ*

*** Mục tiêu:**

- Trình bày được khái niệm đồ thị trong lập trình;
- Giải được các bài toán tìm đường đi ngắn nhất cho mạng và thiết bị mạng;

- Biểu diễn được đồ thị thành ma trận;

- Chính xác, tỷ mỷ, linh hoạt.

*** Nội dung**

6.1. Các khái niệm cơ bản

6.2. Biểu diễn đồ thị trên máy tính

6.3. Bài tập

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Phòng học chuyên môn/nhà xưởng: 01 phòng học

2. Trang thiết bị máy móc: máy tính, máy chiếu, loa, míc

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Chương trình mô đun, giáo trình, tài liệu tham khảo, giáo án

4. Các điều kiện khác: không

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung đánh giá:

- Giải thuật đệ quy;
- Mảng và danh sách tuyến tính;
- Cây;
- Các giải thuật sắp xếp & tìm kiếm.
- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Cẩn thận, tinh thần tự giác trong học tập làm đủ bài tập, tham gia sôi nổi các buổi thảo luận.

2. Phương pháp đánh giá:

** Kiểm tra thường xuyên, định kỳ:*

- Điểm kiểm tra thường xuyên *(hệ số 1),* điểm kiểm tra định kỳ *(hệ số 2).*
- Hình thức kiểm tra: do giáo viên dạy mô đun quyết định

** Thi kết thúc mô đun:*

- Hình thức thi: Tự luận/ trắc nghiệm/thực hành trên máy; Thời gian 60-90 phút
- Điều kiện được thi kết thúc mô đun:

+ Tham dự ít nhất 70% thời gian học lý thuyết và đầy đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập và các yêu cầu của mô đun, mô-đun được quy định trong chương trình mô-đun;

+ Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10;

* *Điểm mô-đun*: bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc mô đun, mô-đun có trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun: Chương trình mô đun được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng và trung cấp chuyên ngành Thiết kế đồ họa

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Giáo viên sử dụng các phương pháp dạy học tích cực, tăng cường thảo luận, đối thoại kết hợp nhiều phương pháp hiện đại.

- Đối với người học: Sinh viên phải ghi chép, nghe giảng, thảo luận nhóm, làm bài tập

3. Những trọng tâm cần chú ý: không

4. Tài liệu tham khảo

[1]. Đỗ Xuân Lôi - *Cấu trúc dữ liệu và giải thuật* - Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, 2001

[2]. Nguyễn Xuân Huy - *Thuật toán* - Nhà xuất bản Thống kê, 1988

[3]. Robert Sedgewick - *Algorithms Bản dịch tiếng Việt*- Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, 214

[4]. Nicklaus Wirth - *Algorithms+Data structure = Program* - Bản dịch tiếng Việt, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, 2006

5. Ghi chú và giải thích (nếu có): không

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

(Kèm theo Quyết định số ...../QĐ-CĐCT, ngày...../..../2020 của Hiệu trưởng)

Tên môn học: KIẾN TRÚC MÁY TÍNH

Mã môn học: MH 13

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ (Lý thuyết: 27 giờ, Thực hành, thảo luận, bài tập: 30 giờ; K.tra: 3 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

1.Vị trí: Được thực hiện sau khi học xong các môn chung

2. Tính chất*:* Là môn học cơ sở ngành trong chương trình đào tạo chuyên ngành Thiết kế đồ họa

II. Mục tiêu của môn học:

1. Về kiến thức*:*

- Trình bày được cấu tạo và nguyên lý hoạt động của máy tính;
- Phân loại được máy tính, các thế hệ máy tính;
- Trình bày được khái niệm về kiến trúc RISC, ngôn ngữ cấp cao và ngôn ngữ;
- Trình bày được cấu trúc của bộ xử lý trung tâm: tổ chức, chức năng và nguyên lý hoạt động của các bộ phận bên trong bộ xử lý;
- Trình bày được chức năng và nguyên lý hoạt động của các loại bộ nhớ máy tính;
- Phân biệt được các loại bộ nhớ, các cấp bộ nhớ; - Mô tả được các thiết bị ngoại vi: đĩa từ, thẻ nhớ các thành phần và hệ thống liên kết.

2. Về kỹ năng:

- Vận dụng các phương pháp đảm bảo an toàn dữ liệu trên thiết bị lưu trữ ngoài;
- Giải thích được về kiến trúc máy tính, tập lệnh và các kiểu định vị cơ bản;
- Vận dụng được một số kỹ thuật để xử lý thông tin, tập lệnh.

3. Thái độ, chuyên cần

- Cẩn thận, chính xác, tỷ mỷ.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Tên chương, mục	Thời gian (tiết)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thựchành thảo luận bài tập	kiểm tra
	Chương 1: Đại cương 1.1. Các thế hệ máy tính 1.2. Phân loại máy tính	6	4	2	

	1.3. Ứng dụng thực tiễn 1.4 Thông tin và sự mã hóa thông tin				
	Chương 2: Kiến trúc và phần mềm bộ xử lý 2.1. Thành phần cơ bản của máy một máy tính 2.2 Định nghĩa kiến trúc máy tính 2.3 Các kiểu thi hành một lệnh 2.4 Kiểu kiến trúc thanh ghi 2.5 Tập lệnh	12	5	6	1
	Chương 3: Tổ chức bộ xử lý 3.1 Nhiệm vụ của bộ vi xử lý 3.2 Cấu trúc cơ bản của bộ vi xử lý (8086-8088) 3.3 Tập lệnh của CPU 3.4 Hoạt động của bộ vi xử lý	12	6	6	
	Chương 4 : Các cấp bộ nhớ 4.1 Các loại bộ nhớ 4.2 Các cấp bộ nhớ 4.3 Vận hành của cache 4.4 Hiệu quả của cache 4.5 Cache duy nhất hay cache riêng lẻ 4.6 Các mức cache 4.7 Bộ nhớ trong 4.8 Bộ nhớ ảo	15	6	8	1
	Chương 5: Thiết bị Nhập – xuất data 5.1 Dẫn nhập 5.2 Đĩa từ 5.3 Đĩa quang 5.4 Các loại thẻ nhớ 5.5 Băng từ 5.6 BUS nối ngoại vi vào bộ xử lý và bộ nhớ trong 5.7 Các chuẩn về Bus 5.8 Một số an toàn dữ liệu trong việc lưu trữ thông tin đĩa từ	15	6	8	1
	Cộng	**60**	**27**	**30**	**3**

*** Nội dung chi tiết**

Chương 1. Đại cương *Thời gian: 06 giờ*

* **Mục tiêu:**

- Trình bày được cấu tạo và nguyên lý hoạt động của máy tính;
- Phân loại được máy tính, các thế hệ máy tính;
- Mô tả được thông tin và sự mã hóa thông tin.

* **Nội dung:**

1.1 Các thế hệ máy tính

1.2 Phân loại máy tính

1.3 Ứng dụng thực tiễn

1.4 Thông tin và sự mã hóa thông tin

Chương 2 . Kiến trúc và phần mềm bộ xử lý *Thời gian: 12 giờ*

* **Mục tiêu:**

- Mô tả được các thành phần cơ bản của một hệ thống máy tính;
- Giải thích được về kiến trúc máy tính, tập lệnh và các kiểu định vị cơ bản;
- Trình bày được khái niệm về kiến trúc RISC, ngôn ngữ cấp cao và ngôn ngữ máy.

* **Nội dung:**

2.1. Thành phần cơ bản của máy một máy tính

2.2. Định nghĩa kiến trúc máy tính

2.3. Các kiểu thi hành một lệnh

2.4. Kiểu kiến trúc thanh ghi

2.5 .Tập lệnh

Chương 3. Tổ chức bộ xử lý *Thời gian: 12 giờ*

* **Mục tiêu:**

- Trình bày được cấu trúc của bộ xử lý trung tâm: tổ chức, chức năng và nguyên lý hoạt động của các bộ phận bên trong bộ xử lý;
- Vận dụng được một số kỹ thuật để xử lý thông tin, tập lệnh.

* **Nội dung**:

3.1 Nhiệm vụ của bộ vi xử lý

3.2 Cấu trúc cơ bản của bộ vi xử lý (8086-8088)

3.3 Tập lệnh của CPU

3.4 Hoạt động của bộ vi xử lý

Chương 4. Các cấp bộ nhớ *Thời gian: 15 giờ*

* **Mục tiêu:**

- Trình bày được chức năng và nguyên lý hoạt động của các loại bộ nhớ máy tính;
- Phân biệt được các loại bộ nhớ, các cấp bộ nhớ;
- Cẩn thận, chính xác, tỷ mỷ.

* **Nội dung**:

4.1. Các loại bộ nhớ

4.2. Các cấp bộ nhớ

4.3. Xác suất truy nhập dữ liệu trong bộ nhớ trong

4.4. Vận hành của cache

4.5. Hiệu quả của cache

4.6. Cache duy nhất hay cache riêng lẻ

4.7. Các mức cache

4.8. Bộ nhớ trong

4.9. Bộ nhớ ảo

4.10. Bảo vệ các tiến trình bằng cách dùng bộ nhớ ảo

Chương 5. Thiết bị Nhập – Xuất data *Thời gian: 15 giờ*

*** Mục tiêu:**

- Mô tả được các thiết bị ngoại vi: đĩa từ, thẻ nhớ các thành phần và hệ thống liên kết;
- Vận dụng các phương pháp đảm bảo an toàn dữ liệu trên thiết bị lưu trữ ngoài.

*** Nội dung:**

5.1. Thiết bị nhập dữ liệu

5.2 Dẫn nhập

5.3 Đĩa từ

5.4. Đĩa quang

5.5. Các loại thẻ nhớ

5.6. Băng từ

5.7. BUS nối ngoại vi vào bộ xử lý và bộ nhớ trong

5.8. Các chuẩn về Bus

5.9. Một số an toàn dữ liệu trong việc lưu trữ thông tin đĩa từ

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn/nhà xưởng: phòng học lý thuyết
2. Trang thiết bị: máy tính, máy chiếu, loa, míc
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Chương trình môn học, giáo trình, tài liệu tham khảo, giáo án
4. Các điều kiện khác: Không

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến trúc và phần mềm bộ xử lý
- Tổ chức bộ xử lý;
- Các cấp bộ nhớ;
- Nhập – Xuất.

2. Phương pháp đánh giá:

** Kiểm tra thường xuyên, định kỳ:*

- Điểm kiểm tra *thường* xuyên *(hệ số 1),* điểm kiểm tra định kỳ *(hệ số 2).*
- Hình thức kiểm *tra*: do giáo viên dạy môn học quyết định

** Thi kết thúc môn học:*

- Hình thức thi: Tự luận/ trắc nghiệm/thực hành trên máy; Thời gian 60-90 phút
- Điều kiện *được* thi kết thúc môn học:

+ Tham dự ít nhất 70% thời gian học lý thuyết và đầy đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập và các yêu cầu của môn học, mô-đun được quy định trong chương trình môn học, mô-đun;

+ Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10;

* *Điểm môn học, mô-đun*: bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học, mô-đun có trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng và trung cấp chuyên ngành Thiết kế đồ họa

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Giáo viên sử dụng các phương pháp dạy học tích cực, tăng cường thảo luận, đối thoại kết hợp nhiều phương pháp hiện đại.
- Đối với *người* học: Sinh viên phải ghi chép, nghe giảng, thảo luận nhóm, làm bài tập

3. Những trọng tâm cần chú ý: không

4. Tài liệu tham khảo

[1]. *Nguyễn* Đức Toàn; Giáo trình cấu trúc máy tính; NXB Hà Nội; 2005

[*2]. Ngô Diên Tập; Giáo trình vi xử lý và cấu trúc máy tính; NXB Giáo dục; 2007*

[3]. Computer Architecture: A Quantitative Approach, A. Patterson and J. Hennesy,

Morgan Kaufmann Publishers, 2nd Edition, 1996.

[4]. Computer Organization and Design:The Hardware/Software Interface, Patterson

and Hennessy, Second Edition (internet-http://engronline.ee.memphis.edu)

5. Ghi chú và giải thích (nếu có): không

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

(Kèm theo Quyết định số ...../QĐ-CĐCT, ngày...../..../2020 của Hiệu trưởng)

Tên mô đun: CƠ SỞ DỮ LIỆU

Mã mô đun: MĐ 14

Thời gian thực hiện mô đun: 60 giờ (Lý thuyết: 30 giờ, Thực hành, thảo luận, bài tập: 28 giờ; kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

1. Vị trí: Mô đun được bố trí học sau các mô đun chung

2. Tính chất: Là mô đun cơ sở trong chương trình đào tạo ngành Thiết kế đồ họa

II. Mục tiêu của mô đun:

1. Về kiến thức:

- Trình bày được các phép toán trên tập hợp, phép toán đại số quan hệ, các phép toán quan hệ bổ sung;
- Trình bày sự dư thừa thông tin trong mô hình quan hệ,
- Mô tả được các kiến thức cơ bản về phụ thuộc hàm, bao đóng, khóa để chuẩn hóa lược đồ quan hệ,
- Trình bày được các khái cơ bản về hệ quản trị CSDL SQL Server, các thành phần của hệ quản trị, cấu trúc câu lệnh SQL;

2. Về kỹ năng:

- Xây dựng mô hình liên kết thực thể và chuyển đổi được mô hình ER sang mô hình quan hệ;
- Vận dụng được các phép toán vào mô hình quan hệ;
- Xây dựng được mô hình quan hệ trong đó các lược đồ quan hệ đảm bảo tối thiểu hóa sự dư thừa thông tin
- Xây dựng được cơ sở dữ liệu trên hệ quản trị SQL server;
- Thực hiện được các thao tác quản trị CSDL;

3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

- Cẩn thận, chính xác, tỷ mỷ;
- Tích cực, chủ động trong học tập.

III. Nội dung mô đun:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)

		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/thảo luận//bài tập/	kiểm tra
	Bài 1: Các khái niệm cơ bản 1.1. Dữ liệu và Cơ sở dữ liệu 1.2. Hệ quản trị cơ sở dữ liệu 1.3. Mô hình dữ liệu 1.4. Con người trong hệ cơ sở dữ liệu 1.5. Mô hình liên kết thực thể 1.6. Mô hình quan hệ	6	4	2	
	Bài 2: Các phép toán đại số quan hệ 2.1. Các phép toán đại số tập hợp 2.2. Các phép toán đại số quan hệ 2.3. Các phép toán quan hệ bổ sung	12	6	6	
	Bài 3: Chuẩn hóa mô hình quan hệ 3.1. Sự dư thừa thông tin 3.2. Phụ thuộc hàm 3.3. Hệ tiên đề Amstrong 3.4. Bao đóng và thuật toán tìm bao đóng 3.5. Khóa và các thuật toán tìm khóa 3.6. Các dạng chuẩn và chuẩn hóa mô hình quan hệ 3.7. Tách kết nối không mất thông tin	18	10	7	1
	Bài 4: Hệ quản trị SQLSERVER và ngôn ngữ SQL 4.1. Giới thiệu về hệ quản trị SQLServer 4.2. Cấu trúc cơ sở dữ liệu 4.3. Tạo cơ sở dữ liệu bằng công cụ SQLServer 4.4. Tạo cơ sở dữ liệu bằng lệnh 4.5. Quản trị cơ sở dữ liệu trên SQLServer 4.6. Truy vấn dữ liệu	24	10	13	1
	Cộng	**60**	**30**	**28**	**2**

2. Nội dung chi tiết

Bài 1. Các khái niệm cơ bản Thời gian 06 giờ

*** Mục tiêu**:

- Trình bày được kiến trúc chung của một hệ cơ sở dữ liệu; hệ quản trị cơ sở dữ liệu;
- Mô tả được mô hình liên kết thực thể, cách thức xây dựng mô hình liên kết thực thể từ bài toán trong thực tế;
- Xây dựng mô hình liên kết thực thể và chuyển đổi được mô hình ER sang mô hình quan hệ;
- Chủ động, linh hoạt trong học tập.

*** Nội dung:**

1.1. Dữ liệu và cơ sở dữ liệu

1.1.1. Định nghĩa cơ sở dữ liệu

1.2.2. Các tính chất của một cơ sở dữ liệu

1.2. Hệ quản trị cơ sở dữ liệu

1.2.1. Định nghĩa hệ quản trị cơ sở dữ liệu

1.2.2. Các chức năng của một hệ quản trị cơ sở dữ liệu

1.2.3. Kiến trúc của hệ quản trị CSDL

1.3. Mô hình cơ sở dữ liệu

1.4. Con người trong hệ cơ sở dữ liệu

1.5. Mô hình liên kết thực thể

1.5.1. Các khái niệm cơ bản

1.5.2. Xây dựng mô hình liên kết thực thể

1.6. Mô hình quan hệ

1. 6.1. Các khái niệm cơ bản

1.6.2. Chuyển đổi mô hình ER sang mô hình quan hệ

Bài 2. Các phép toán đại số quan hệ Thời gian 12 giờ

*** Mục tiêu:**

- Trình bày được các phép toán trên tập hợp, phép toán đại số quan hệ, các phép toán quan hệ bổ sung;
- Vận dụng được các phép toán vào mô hình quan hệ;
- Chủ động, linh hoạt, sáng tạo.

*** Nội dung:**

2.1. Các phép toán lý thuyết tập hợp

2.1.1. Phép hợp

2.1.2. Phép giao

2.1.3. Phép trừ

2.2. Các phép toán đại số quan hệ

2.2.1. Phép chọn

2.2.2. Phép chiếu

2.2.3. Phép tích đề các

2.2.4. Phép nối

2.2.5. Phép chia

2.3. Các phép toán quan hệ bổ sung

2.3.1. Các hàm nhóm và các phép nhóm

2.3.2. Các phép toán nối ngoài

Bài 3. Chuẩn hóa mô hình quan hệ Thời gian 18 giờ

*** Mục tiêu:**

- Trình bày sự dư thừa thông tin trong mô hình quan hệ,
- Mô tả được các kiến thức cơ bản về phụ thuộc hàm, bao đóng, khóa để chuẩn hóa lược đồ quan hệ,
- Xây dựng được mô hình quan hệ trong đó các lược đồ quan hệ đảm bảo tối thiểu hóa sự dư thừa thông tin
- Chính xác, tỉ mỷ.

*** Nội dung:**

3.1. Sự dư thừa thông tin

3.2. Phụ thuộc hàm

3.2.1. Định nghĩa

3.2.2. Các tính chất của phụ thuộc hàm

3.3. Hệ tiên đề Amstrong

3.4. Bao đóng và thuật toán tìm bao đóng

3.5. Khóa và các thuật toán tìm khóa

3.6. Các dạng chuẩn và chuẩn hóa mô hình quan hệ

3.6.1. Dạng chuẩn 1NF và chuẩn hóa về 1NF

3.6.2. Dạng chuẩn 2NF và chuẩn hóa về 2NF

3.6.3. Dạng chuẩn 3NF và chuẩn hóa về 3NF

3.7. Tách kết nối không mất thông tin

3.7. 1. Khái niệm tách kết nối không mất thông tin

3.7. 2. Kiểm tra tính tách kết nối không mất thông tin

Bài 4. Hệ quản trị SQLSERVER và ngôn ngữ SQL Thời gian 24 giờ

*** Mục tiêu:**

- Trình bày được các khái cơ bản về hệ quản trị CSDL SQL Server, các thành phần của hệ quản trị, cấu trúc câu lệnh SQL;
- Xây dựng được cơ sở dữ liệu trên hệ quản trị SQL server;
- Thực hiện được các thao tác quản trị CSDL;
- Chủ động, linh hoạt, sáng tạo.

*** Nội dung:**

4.1. Giới thiệu về hệ quản trị SQLServer

4.2. Cấu trúc cơ sở dữ liệu

4.3. Tạo cơ sở dữ liệu bằng công cụ SQLServer

4.4. Tạo cơ sở dữ liệu bằng lệnh

4.4.1. Giới thiệu ngôn ngữ SQL

4.4.2. Các câu lệnh định nghĩa dữ liệu

4.4.3. Các câu lệnh thao tác dữ liệu

4.5. Quản trị cơ sở dữ liệu trên SQLServer

4.5.1. Chế độ bảo mật

4.5.2. Quản trị người dùng

4.5.3. Quản trị xuất, nhập, sao lưu, phục hồi dữ liệu

4.6. Truy vấn dữ liệu

4.6.1. Truy vấn đơn giản

4.6.2. Truy vấn lồng nhau

4.6.3. Truy vấn sử dụng hàm tính toán, gom nhóm

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung đánh giá:

- Trình bày các khái niệm về CSDL
- Các phép toán đại số quan hệ
- Cách chuẩn hóa mô hình quan hệ
- Mô tả và trình bày hệ quản trị CSDL
- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Cẩn thận, tinh thần tự giác trong học tập làm đủ bài tập, tham gia sôi nổi các buổi thảo luận.

2. Phương pháp đánh giá:

* *Kiểm tra thường xuyên, định kỳ:*

- Điểm kiểm tra thường xuyên *(hệ số 1),* điểm kiểm tra định kỳ *(hệ số 2).*
- Hình thức kiểm tra: do giáo viên dạy mô đun quyết định

* *Thi kết thúc mô đun:*

- Hình thức thi: Tự luận/ trắc nghiệm/thực hành trên máy; Thời gian 60-90 phút
- Điều kiện được thi kết thúc mô đun:

+ Tham dự ít nhất 70% thời gian học lý thuyết và đầy đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập và các yêu cầu của mô đun, mô-đun được quy định trong chương trình mô-đun;

+ Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10;

* *Điểm mô-đun*: bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc mô đun, mô-đun có trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun: Chương trình mô đun được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng và trung cấp chuyên ngành Thiết kế đồ họa

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Giáo viên sử dụng các phương pháp dạy học tích cực, tăng cường thảo luận, đối thoại kết hợp nhiều phương pháp hiện đại.

- Đối với người học: Sinh viên phải ghi chép, nghe giảng, thảo luận nhóm, làm bài tập

3. Những trọng tâm cần chú ý: không

4. Tài liệu tham khảo

[1]. Phạm Quang Trung,Tài liệu học tập Cơ sở dữ liệu, Trường CĐCN Việt Đức

[2]. Lê Tiến Vương, Nhập môn cơ sở dữ liệu

[3]. Nguyễn Tuệ, Giáo trình nhập môn hệ CSDL, Giáo dục, 2007

[4]. Dejan Sunderic, SQL Server 2005 Stored Procedure Programming in T-SQL & .NET, McGraw-Hill, 2006

5. Ghi chú và giải thích (nếu có): không

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: MỸ THUẬT CƠ BẢN
Mã số môn học: MH 15
Thời gian môn học: 90 giờ; (Lý thuyết: 30 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 57 giờ; Kiểm tra: 03 giờ)

I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT MÔN HỌC:

- Vị trí của môn học: Môn học được bố trí sau các môn học chung và các môn học cơ sở về đồ hoạ.
- Tính chất của môn học: Là môn học chuyên ngành bắt buộc.

II. MỤC TIÊU MÔN HỌC:

- Trình bày được các khái niệm về hình và thể hiện hình trong mỹ thuật
- Mô tả được các nguyên tắc tổ chức hình
- Trình bày được đặc tính của đường trong mỹ thuật;
- Mô tả được phương pháp xác định đường trong tác phẩm mỹ thuật;
- Trình bày được khái niệm về hình dạng của các đối tượng đồ họa;
- Mô tả được nguyên tắc thiết kế hình dạng;
- Trình bày được các mối quan hệ về mức độ tác động của các yếu tố trong tác phẩm mỹ thuật;
- Thể hiện được mức độ tác động của các yếu tố trong tác phẩm mỹ thuật;
- Nhận biết được mức độ của các yếu tố trong tác phẩm mỹ thuật;
- Liệt kê được các mẫu chất liệu trong tác phẩm mỹ thuật;
- Mô tả được đặc điểm, tính chất, phạm vi ứng dụng của các loại chất liệu; mối quan hệ giữa chất liệu và không gian.
- Mô tả các đặc tính của màu sắc, dải màu trong mỹ thuật;
- Trình bày được phương pháp cân đối màu trong tác phẩm nghệ thuật;Pha trộn được màu;
- Trình bày được vai trò của ánh sáng và cách bố trí ánh sáng trong mỹ thuật;
- Trình bày được khái niệm về các đối tượng 3D và mỹ thuật 3D.
- Mô tả được thành phần của tác phẩm 3D;
- Sáng tạo, linh hoạt khi vận dụng vào nghề nghiệp.

III. NỘI DUNG MÔN HỌC:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian

		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành bài tập	Kiểm tra
I.	**Chương 1. Giới thiệu về mỹ thuật** 1. Các yêu cầu mỹ thuật 2. Các đối tượng mỹ thuật	9	4	3	0
II.	**Chương 2. Hình** 1. Hình và thể hiện hình 2. Các nguyên tắc tổ chức hình	9	3	6	
III.	**Chương 3. Đường** 1. Đặc tính của đường 2. Đường và các thành phần mỹ thuật 3. Thể hiện đường	9	3	5	1
IV.	**Chương 4. Hình dạng** 1. Xác định dạng 2. Nguyên tắc thiết kế dạng 3. Dạng và nội dung	9	3	6	
V.	**Chương 5. Mức độ** 1. Mối quan hệ về mức độ 2. Thể hiện mức độ 3. Giá trị của mức độ	9	3	6	
VI.	**Chương 6.** Chất liệu 1. Các mẫu chất liệu 2. Chất liệu và không gian	9	2	6	1
VII.	**Chương 7. Màu sắc** 1. Đặc tính của màu và cân đối màu 2. Ánh sáng	9	3	6	
VIII.	**Chương 8. Không gian** 1. Nhận thức không gian 2. Dạng chính của không gian 3. Thuộc tính của không gian 4. Không gian và các yếu tố mỹ thuật	9	3	6	
IX.	**Chương 9. Nghệ thuật 3 chiều** 1. Điêu khắc 2. Thành phần của tác phẩm 3 chiều	9	3	6	

X.	**Chương 10. Nội dung và phong cách** 1. Một số mốc lịch sử mỹ thuật 2. Sáng tác nghệ thuật	9	3	5	1
Tổng cộng		**90**	**30**	**57**	**3**

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: **Giới thiệu về mỹ thuật** *Thời gian: 09 giờ*

Mục tiêu:

- Trình bày được các yêu cầu về mỹ thuật
- Mô tả được các đối tượng của mỹ thuật

Nội dung:

1. Các yêu cầu mỹ thuật

2. Các đối tượng mỹ thuật

Chương 2: Hình *Thời gian: 09 giờ*

Mục tiêu:

- Trình bày được các khái niệm về hình và thể hiện hình trong mỹ thuật
- Mô tả được các nguyên tắc tổ chức hình

Nội dung:

1. Hình và thể hiện hình

2. Các nguyên tắc tổ chức hình

Chương 3: **Đường** *Thời gian: 09 giờ*

Mục tiêu:

- Trình bày được đặc tính của đường trong mỹ thuật;
- Mô tả được phương pháp xác định đường trong tác phẩm mỹ thuật;
- Vận dụng được vào thực tế nghề nghiệp.

Nội dung:

1. Đặc tính của đường
2. Đường và các thành phần mỹ thuật
3. Thể hiện đường

Chương 4: Hình dạng

Thời gian: 09 giờ

Mục tiêu:

- Trình bày được khái niệm về hình dạng của các đối tượng đồ họa;
- Mô tả được nguyên tắc thiết kế hình dạng;
- Vận dụng được vào thực tế nghề nghiệp.

Nội dung:

1. Xác định hình dạng
2. Nguyên tắc thiết kế hình dạng
3. Hình Dạng và nội dung

Chương 5: Mức độ

Thời gian: 09 giờ

Mục tiêu:

- Trình bày được các mối quan hệ về mức độ tác động của các yếu tố trong tác phẩm mỹ thuật;
- Thể hiện được mức độ tác động của các yếu tố trong tác phẩm mỹ thuật;
- Nhận biết được mức độ của các yếu tố trong tác phẩm mỹ thuật;

Nội dung:

1. Mối quan hệ về mức độ
2. Thể hiện mức độ
3. Giá trị của mức độ

Chương 6: Chất liệu

Thời gian: 09 giờ

Mục tiêu:

- Liệt kê được các mẫu chất liệu trong tác phẩm mỹ thuật;
- Mô tả được đặc điểm, tính chất, phạm vi ứng dụng của các loại chất liệu;
- Trình bày được mối quan hệ giữa chất liệu và không gian.

Nội dung:

1. Các mẫu chất liệu
2. Chất liệu và không gian

Chương 7: Màu sắc

Thời gian: 09 giờ

Mục tiêu:

- Mô tả các đặc tính của màu sắc, dải màu trong mỹ thuật;
- Trình bày được phương pháp cân đối màu trong tác phẩm nghệ thuật;
- Pha trộn được màu;
- Trình bày được vai trò của ánh sáng và cách bố trí ánh sáng trong mỹ thuật.
- Vận dụng được trong thực hành nghề nghiệp.

Trang bị các kiến thức cơ bản về màu sắc, dải màu và kỹ thuật pha trộn màu.

Nội dung:

1. Đặc tính của màu và cân đối màu
2. Anh sáng

Chương 8: Không gian

Thời gian: 09 giờ

Mục tiêu:

- Trình bày được khái niệm về khối và không gian trong tác phẩm mỹ thuật.
- Vận dụng được trong thực hành nghề nghiệp.

Nội dung:

1. Nhận thức không gian
2. Dạng chính của không gian
3. Thuộc tính của không gian
4. Không gian và các yếu tố mỹ thuật khác

Chương 9: Nghệ thuật 3 chiều *Thời gian: 9 giờ*

Mục tiêu:

- Trình bày được khái niệm về các đối tượng 3D và mỹ thuật 3D.
- Mô tả được thành phần của tác phẩm 3D;
- Sáng tạo, linh hoạt khi vận dụng vào nghề nghiệp.

Nội dung:

1. Điêu khắc
2. Thành phần của tác phẩm 3D

Chương 10: Nội dung và phong cách *Thời gian: 9 giờ*

Mục tiêu:

- Trình bày được một số khuynh hướng, phong cách sáng tác mỹ thuật;
- Mô tả được phong cách sáng tác nghệ thuật trong mỹ thuật.

Nội dung:

1. Một số mốc lịch sử mỹ thuật
2. Sáng tác nghệ thuật

IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng LAB
2. Trang thiết bị máy móc:

- Máy chiếu Projector
- Máy tính được cài đặt Phần mềm: phần mềm PaintShop PRO; phần mềm vẽ 3D.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Phấn, bảng đen
- Slide, đĩa CD-ROM
- Các loại giấy A4, A3, A1...
- Các hình vẽ

4. Các điều kiện khác:

V. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ:

1. Nội dung:

Về kiến thức:

- Các yếu tố trong tác phẩm mỹ thuật
- Không gian mỹ thuật

Về kỹ năng:

- Nhận biết tác phẩm mỹ thuật
- Sáng tác

Về thái độ: Cẩn thận, tự giác trong học tập.

2. Phương pháp: Được đánh giá qua bài kiểm tra viết hoặc thực hành

VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ cao đẳng nghề Thiết kế đồ họa.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Cần rèn luyện kĩ năng tạo hình, bố cục tác phẩm mỹ thuật;
- Giáo dục thẩm mĩ;

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Kiến thức về tạo hình và mỹ thuật;
- Y tưởng sáng tạo

4. Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Quân, Ngôn ngữ của hình và màu sắc, NXB. Văn hoá và thông tin, 2006
- Otto G. Ocvirk, et al., Art Fundamentals: theory and practice, NXB. McGraw-Hill, 2002
- Đỗ Trung Tuấn, Giao diện tương tác người-máy, NXB, Khoa học Kĩ thuật, 2006
- Tay Vaughan, Multimedia. Making it work, Osborne McGrawHill Ed., 1998
- Elaine England, Andy Finney, Managing Multimedia, Addison Wesley Ed., 2 ed., 1999

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: CƠ SỞ KĨ THUẬT ĐỒ HOẠ
Mã số môn học: MH 16
Thời gian môn học: 90 giờ; (Lý thuyết: 30 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 57 giờ; Kiểm tra: 3 giờ)

I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT MÔN HỌC:

- Vị trí của môn học: Môn học được bố trí sau các môn học chung;
- Tính chất của môn học: Là môn học chuyên ngành bắt buộc.

II. MỤC TIÊU MÔN HỌC:

- Trình bày được tổng quan về thuật toán vẽ và tô các đường cơ bản;
- Mô tả được về hệ tọa độ;
- Phân biệt và vận dụng được thuật toán vẽ đoạn thẳng, vẽ đường tròn;
- Trình bày được tổng quan về thuật toán tô màu;
- Mô tả được các không gian màu;
- Vận dụng được thuật toán tô màu vào thực hành nghề nghiệp;
- Mô tả được phép biến đổi tịnh tiến, biến đổi tỷ lệ... trong đồ họa 2D;
- Kết hợp được các phép biến đổi trong đồ họa 2D;
- Trình bày được các Các định nghĩa trong Windowing;
- Mô tả được các thuật toán Clipping;
- Biến đổi được cửa sổ sang vùng quan sát.
- Trình bày được các phép chiếu song song, phép chiếu phối cảnh;
- Thực hiện được phép biến đổi hệ tọa độ quan sát;
- Cài đặt được các thao tác quan sát, phần cứng;
- Lập trình để xem được ảnh 3D.

III. NỘI DUNG MÔN HỌC:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành bài tập	Kiểm tra

I.	**Chương 1. Thuật toán vẽ và tô các đường cơ bản** 1. 1 Tổng quan 1. 2. Hệ toạ độ 1. 3. Thuật toán vẽ đoạn thẳng 1. 4. Thuật toán vẽ đường tròn	9	5	4	
II.	**Chương 2. Các thuật toán tô màu** 2. 1. Tổng quan 2. 2. Các không gian màu 2. 3. Các thuật toán tô màu.	9	4	5	
III.	**Chương 3. Phép biến đổi trong đồ hoạ 2D** 3. 1. Phép tịnh tiến 3. 2. Phép biến đổi tỷ lệ 3. 3. Phép quay 3. 4. Phép đối xứng. 3. 5. Phép biến dạng 3. 6. Phép biến đổi Affine ngược 3. 7. Kết hợp các phép biến đổi	18	5	12	1
IV.	**Chương 4. Windowing và clipping** 4. 1. Các định nghĩa về Windowing 4. 2. Các thuật toán Clipping. 4. 3. Biến đổi cửa sổ sang vùng quan sát	9	3	6	
V.	**Chương 5. Đồ hoạ 3D** 5. 1. Giới thiệu đồ hoạ 3D 5. 2. Biểu diễn đối tượng 3D 5. 3. Các phép biến đổi 3D	18	5	12	1
VI.	**Chương 6. Quan sát ảnh 3D** 6. 1. Các phép chiếu 6. 2. Biến đổi hệ toạ độ quan sát 6. 3. Cài đặt các thao tác quan sát 6. 4. Cài đặt phần cứng. 6. 5. Lập trình xem ảnh 3D	18	5	13	

VII.	**Chương 7. Khử các mặt khuất và đường khuất** 7. 1. Khử các mặt nằm sau 7. 2. Phương pháp phân chia vùng 7. 3. Khử các đường bị che khuất.	9	3	5	1
Tổng cộng		**90**	**30**	**57**	**3**

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Thuật toán vẽ và tô các đường cơ bản *Thời gian: 09 giờ*

Mục tiêu:

- Trình bày được tổng quan về thuật toán vẽ và tô các đường cơ bản;
- Mô tả được về hệ tọa độ;
- Phân biệt và vận dụng được thuật toán vẽ đoạn thẳng, vẽ đường tròn;
- Cẩn thận, tỷ mỷ, chính xác.

Nội dung:

1 Tổng quan

2. Hệ toạ độ

3. Thuật toán vẽ đoạn thẳng
   - Thuật toán DDA
   - Thuật toán Bresenham

4. Thuật toán vẽ đường tròn
   - Thuật toán đơn giản
   - Thuật toán MidPoint
   - Vẽ đường tròn bằng thuật toán Bresenham
   - Thuật toán vẽ Ellipse
   - Vẽ đường conics và một số đường cong khác
   - Vẽ đa giác

Chương 2: Các thuật toán tô màu *Thời gian: 09 giờ*

Mục tiêu:

- Trình bày được tổng quan về thuật toán tô màu;
- Mô tả được các không gian màu;
- Vận dụng được thuật toán tô màu vào thực hành nghề nghiệp;
- Cẩn thận, tỷ mỷ, chính xác.

Nội dung:

1. Tổng quan

2. Các không gian màu
   - Không gian màu RGB

- Không gian màu CMY
- Không gian màu HSV

3. Các thuật toán tô màu
   - Tô đơn giản
   - Tô màu theo dòng quét
   - Phương pháp tô màu dựa theo đường biên

Chương 3: Phép biến đổi trong đồ hoạ 2D *Thời gian: 18 giờ*

Mục tiêu:

- Mô tả được phép biến đổi tịnh tiến, biến đổi tỷ lệ... trong đồ họa 2D;
- Kết hợp được các phép biến đổi trong đồ họa 2D.

Nội dung:

1. Phép tịnh tiến
2. Phép biến đổi tỷ lệ
3. Phép quay
4. Phép đối xứng.
5. Phép biến dạng
6. Phép biến đổi Affine ngược
7. Kết hợp các phép biến đổi

Chương 4: Windowing và clipping *Thời gian: 09 giờ*

Mục tiêu:

- Trình bày được các Các định nghĩa trong Windowing;
- Mô tả được các thuật toán Clipping;
- Biến đổi được cửa sổ sang vùng quan sát.

Nội dung:

1. Các định nghĩa trong Windowing
2. Các thuật toán Clipping.
3. Biến đổi cửa sổ sang vùng quan sát

Chương 5: Đồ hoạ 3D *Thời gian: 18 giờ*

Mục tiêu:

- Giới thiệu được về đồ họa 3D;
- Biểu diễn được đối tượng 3D;
- Thực hiện được các phép biến đổi 3D;
- Cẩn thận, tỷ mỷ, chính xác.

Nội dung:

1. Giới thiệu đồ hoạ 3D
2. Biểu diễn đối tượng 3D
3. Các phép biến đổi 3D

Chương 6: Quan sát ảnh 3D *Thời gian: 18 giờ*

Mục tiêu:

- Trình bày được các phép chiếu song song, phép chiếu phối cảnh;
- Thực hiện được phép biến đổi hệ tọa độ quan sát;
- Cài đặt được các thao tác quan sát, phần cứng;
- Lập trình để xem được ảnh 3D.

Nội dung:

1. Các phép chiếu
- Các phép chiếu song song
- Các phép chiếu phối cảnh.
2. Biến đổi hệ toạ độ quan sát
- Xác định mặt phẳng quan sát
- Không gian quan sát
- Clipping.
3. Cài đặt các thao tác quan sát
4. Cài đặt phần cứng
5. Lập trình xem ảnh 3D

Chương 7: Khử các mặt khuất và đường khuất *Thời gian: 09 giờ*

Mục tiêu:

- Trình bày được phương pháp khử các mặt nằm sau, phân chia vùng, khử các đường bị che khuất;
- Vận dụng được trong thực hành nghề nghiệp.

Nội dung:

1. Khử các mặt nằm sau
2. Phương pháp phân chia vùng

3. Khử các đường bị che khuất.

IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng LAB
2. Trang thiết bị máy móc:
   - Máy chiếu Projector
   - Máy tính
   - Phần mềm: Phần mềm vẽ 2D/ 3D; Phần mềm dựng hình 3D
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:
   - Một số khối 3D
   - Bộ nhớ đệm dung lượng lớn
   - Phấn, bảng đen
4. Các điều kiện khác:

V. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ:

1. Nội dung:

Về kiến thức:
   - Đồ hoạ 2D
   - Đồ hoạ 3D
   - Các thuật toán kẻ, vẽ, tô màu

Về kỹ năng:
   - Tạo hình 2D/ 3D
   - Thể hiện thuật toán

Về thái độ: Cẩn thận, tự giác trong học tập.

2. Phương pháp: Được đánh giá qua bài kiểm tra viết, trắc nghiệm hoặc thực hành.

VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ cao đẳng nghề Thiết kế đồ họa.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:
   - Cần rèn luyện kĩ năng tạo hình 2D/ 3D
   - Bố cục hình, khối

3. Những trọng tâm cần chú ý:
   - Kiến thức về tạo hình;
   - Một số phép biến đổi sử dụng trong đồ họa;
   - Thuật toán xử lí đồ hoạ

4. Tài liệu tham khảo:

- Donald Hearn, M. Pauline Baker; Computer Graphics; Prentice-Hall, Inc., Englewood Cliffs, New Jersey, 1986.

- Vũ Mạnh Tường, Dương Anh Đức, Trần Đan Thư, Lý Quốc Ngọc. Giáo trình Nhập môn đồ hoạ và xử lý ảnh, 1995.
- VERA B. ANAND, Đồ hoạ máy tính và Mô hình hoá hình học. Nhà xuất bản Thành Phố Hồ Chí Minh, 2000.
- Foley, Van Darn, Feiner, Hughes, Phillips. Introduction à L'Infographie, 1995.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: NGUYÊN LÝ TẠO HÌNH
Mã số môn học: MH 17
Thời gian môn học: 90 giờ; (Lý thuyết: 30 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 57 giờ; Kiểm tra: 03 giờ)

I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT MÔN HỌC:

- Vị trí của môn học: Môn học được bố trí sau khi người học học xong các môn học chung và trước các môn học và mô đun nghề bắt buộc.
- Tính chất của môn học: Là môn học chuyên ngành bắt buộc

II. MỤC TIÊU MÔN HỌC:

- Mô tả được vai trò của thị giác trong thiết kế đồ họa;
- Trình bày được đặc điểm của cảm quan thị giác;
- Trình bày được tỷ lệ nhịp điệu trong thiên nhiên;
- Phân biệt được các loại tỷ lệ;
- Trình bày được khái niệm về tương phản và tương tự trong tạo hình;
- Vận dụng được độ tương phản và tương tự trong tạo hình
- Trình bày được các định nghĩa về các khối tam giác, hộp, cầu và quả trứng;
- Mô tả được không gian trong tạo hình;
- Vận dụng được cấu trúc lập thể và phép tạo hình thái trong đồ họa.

III. NỘI DUNG MÔN HỌC:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành bài tập	Kiểm tra
1	**Chương I. Một số đặc điểm của cảm quan thị giác** 1. Vai trò của thị giác trong thiết kế đồ họa 2. Lực thị giác 3. Cường độ lực thị giác 4. Cấu trúc ẩn của thị giác trên mặt phẳng 5. Trường nhìn của mắt 6. Cân giác	18	6	12	

	7. Hình dạng thị giác 8. Chuyển động thị giác				
2	**Chương II. Tỷ lệ** 1. Tỷ lệ nhịp điệu trong thiên nhiên 2. Các loại tỷ lệ 3. Nhịp điệu	18	6	11	1
3	**Chương III. Tương phản và tương tự** 1. Tương phản 2. Tương tự	15	3	12	
4	**Chương IV. Điểm, nét và diện** 1. Điểm, nét, diện trong tạo hình 2. Hiệu quả rung 3. Hiệu quả ảo 4. Nét 5. Hình phẳng	18	6	11	1
5	**Chương V. Khối và không gian** 1. Các định nghĩa 2. Khối đa diện đều 3. Khối đa diện bán đều 4. Đa giác hoá mặt cầu 5. Không gian trong tạo hình 6. Cấu trúc lập thể và phép tạo hình thái	21	9	11	1
Tổng cộng		**90**	**30**	**57**	**3**

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Một số đặc điểm của cảm quan thị giác *Thời gian: 18 giờ*

Mục tiêu:

- Mô tả được vai trò của thị giác trong thiết kế đồ họa;
- Trình bày được đặc điểm của cảm quan thị giác;

Nội dung:

1. Vai trò của thị giác trong thiết kế đồ họa
2. Lực thị giác
3. Cường độ lực thị giác
4. Cấu trúc ẩn của thị giác trên mặt phẳng
5. Trường nhìn của mắt
6. Cân giác

7. Hình dạng thị giác
8. Chuyển động thị giác

Chương 2: Tỷ lệ *Thời gian: 18 giờ*

Mục tiêu:

- Trình bày được tỷ lệ nhịp điệu trong thiên nhiên;
- Phân biệt được các loại tỷ lệ;
- Vận dụng được trong nghề nghiệp.

Nội dung:

1. Tỷ lệ nhịp điệu trong thiên nhiên
2. Các loại tỷ lệ
3. Nhịp điệu

Chương 3: Tương phản và tương tự *Thời gian: 15 giờ*

Mục tiêu:

- Trình bày được khái niệm về tương phản và tương tự trong tạo hình;
- Vận dụng được độ tương phản và tương tự trong tạo hính
- Sáng tạo, chủ động trong nghề nghiệp.

Nội dung:

1. Tương phản
2. Tương tự

Chương 4: Điểm, nét, diện *Thời gian: 18 giờ*

Mục tiêu:

- Trình bày được khái niệm về điểm, nét, diện trong tạo hình;
- Mô tả được về hiệu quả rung, hiệu quả ảo;
- Xử lý được với điểm, đường, cạnh và khối.

Nội dung:

1. Điểm, nét, diện trong tạo hình
2. Hiệu quả rung
3. Hiệu quả ảo
4. Nét
5. Hình phẳng

Chương 5: Khối và không gian *Thời gian: 21 giờ*

Mục tiêu:

- Trình bày được các định nghĩa về các khối tam giác, hộp, cầu và quả trứng;
- Mô tả được không gian trong tạo hình;
- Vận dụng được cấu trúc lập thể và phép tạo hình thái trong đồ họa.

Nội dung:

1. Các định nghĩa
2. Khối đa diện đều
3. Khối đa diện bán đều
4. Đa giác hoá mặt cầu
5. Không gian trong tạo hình
6. Cấu trúc lập thể và phép tạo hình thái

IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC:

1. Phòng học chuyên môn hóa, nhà xưởng: Phòng LAB

2. Trang thiết bị máy móc:

- Máy chiếu Projector
- Máy tính được trang bị phần mềm: Phần mềm PaintShop PRO; Phần mềm dựng hình 3D thể hiện khối

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Slide, đĩa CD-ROM
- Giấy vẽ hình hoạ
- Phấn, bảng đen

4. Các điều kiện khác:

- Các slide bài giảng
- Hướng dẫn sử dụng phần mềm vẽ, dựng hình.

V. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ:

1. Nội dung:

- Mô tả được vai trò của thị giác trong thiết kế đồ họa;
- Trình bày được đặc điểm của cảm quan thị giác;
- Trình bày được tỷ lệ nhịp điệu trong thiên nhiên;
- Phân biệt được các loại tỷ lệ;
- Trình bày được khái niệm về tương phản và tương tự trong tạo hình;
- Vận dụng được độ tương phản và tương tự trong tạo hính
- Trình bày được các định nghĩa về các khối tam giác, hộp, cầu và quả trứng;
- Mô tả được không gian trong tạo hình;
- Vận dụng được cấu trúc lập thể và phép tạo hình thái trong đồ họa.

2. Phương pháp: Đánh giá thông qua bài kiểm tra viết hoặc thực hành.

VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ cao đẳng nghề Thiết kế đồ họa.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

Cần rèn luyện kĩ năng tạo hình và kiến thức thẩm mĩ;

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Kiến thức về tạo hình;

4. Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Luận, Design thị giác, NXB. Mỹ thuật Hà Nội, 1990
- Đặng Đức Quang, Cơ sở tạo hình kiến trúc, NXB. Xây dựng Hà Nội 1999
- Robert E. Stinson, Philip R. Wigg, Robert O. Bone, David L.. Cayton, Otto G. Ocvirk, Art Fundamentals: Theory and Practice, NXB. McGraw-Hill, 1997

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: TẠO CÁC BẢN VẼ KỸ THUẬT CƠ BẢN
Mã số mô đun: MĐ 18
Thời gian mô đun: 60 giờ; (Lý thuyết: 20 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 38 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔ ĐUN:

- Vị trí của mô đun: Mô đun thuộc phần chuyên môn nghề, sau khi người học đã học xong mô đun "Vẽ kỹ thuật cơ bản"
- Tính chất của mô đun: Là mô đun chuyên ngành.

II. MỤC TIÊU MÔ ĐUN:

- Giới thiệu được ứng dụng phần mềm trong vẽ kỹ thuật ;
- Khởi động được phần mềm và nhận diện được giao diện màn hình của phần mềm ;
- Phân biệt được các hệ toạ độ sử dụng trong trong phần mềm và phương pháp nhập toạ độ trong phần mềm;
- Trình bày được phương pháp tạo một bản vẽ và lưu lại bản vẽ; thoát khỏi phần mềm; Thiết lập một số thông số về đơn vị và vùng vẽ; cách bật tắt chế độ bắt điểm, cách lựa chọn loại bắt điểm; bật chế độ trực giao khi cần vẽ thẳng, vẽ vuông góc;
- Ghi nhớ được các lệnh vẽ cơ bản;
- Sử dụng được các lệnh cơ bản để vẽ; để sửa, cắt, xoá đối tượng; thay đổi vùng nhìn và xem thuộc tính, xem diện tích khi vẽ;
- Mô tả được cách quay đối tượng vẽ; Cách kéo giãn đối tượng vẽ; Cách thay đổi kích thước đối tượng theo tỉ lệ;
- Trình bày được các lệnh sao chép đối tượng, lệnh tạo đối tượng đối xứng đối tượng khác qua một trục đối xứng, lệnh tạo đối tượng song song với đối tượng trước ;
- Thiết lập được thông số bản vẽ;
- Tạo được bản vẽ, in được bản vẽ ra đúng tỉ lệ; Tạo được chữ viết và kích thước in ra đúng khổ quy định;
- Linh hoạt, sáng tạo khi vận dụng.

III. NỘI DUNG MÔ ĐUN:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra

1	Các kiến thức cơ bản	3	2	1	
2	Cách thiết lập bản vẽ cơ bản	9	2	7	
3	Các lệnh vẽ cơ bản	9	2	6	1
4	Cách biến đổi hình	3	1	2	
5	Cách sao chép đối tượng vẽ.	3	2	1	
6	Tạo kiểu nét vẽ	3	2	1	
7	Làm việc với lớp	6	1	5	
8	Ghi kích thước và tô mẫu vật liệu	6	2	3	1
9	Ghi và hiệu chỉnh văn bản	6	1	5	
10	Khối và chèn khối	3	1	2	
11	Thay đổi hệ trục toạ độ vẽ	3	1	2	
12	Thiết lập thông số bản vẽ	3	2	1	
13	In bản vẽ	3	1	2	
Tổng		**60**	**20**	**38**	**2**

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Các kiến thức cơ bản

Thời gian: 3 giờ

Mục tiêu:

- Giới thiệu được ứng dụng phần mềm trong vẽ kỹ thuật ;
- Khởi động được phần mềm và nhận diện được giao diện màn hình của phần mềm ;
- Phân biệt được các hệ toạ độ sử dụng trong trong phần mềm và phương pháp nhập toạ độ trong phần mềm;
- Linh hoạt, sáng tạo khi vận dụng.

Nội dung:

1. Giới thiệu ứng dụng phần mềm trong vẽ kỹ thuật
2. Khởi động phần mềm
3. Giao diện màn hình của phần mềm
4. Các hệ toạ độ sử dụng trong trong phần mềm
5. Các loại toạ độ và phương pháp nhập toạ độ

Bài 2: Các lệnh thiết lập bản vẽ cơ bản *Thời gian: 9 giờ*

Mục tiêu:

- Trình bày được phương pháp tạo một bản vẽ và lưu lại bản vẽ; thoát khỏi phần mềm; Thiết lập một số thông số về đơn vị và vùng vẽ; cách bật tắt chế độ bắt điểm, cách lựa chọn loại bắt điểm; bật chế độ trực giao khi cần vẽ thẳng, vẽ vuông góc;
- Vận dụng được trong thực hành;
- Chủ động, linh hoạt, sáng tạo trong học tập.

Nội dung:

1. Cách tạo một bản vẽ mới
2. Cách mở file bản vẽ
3. Cách lưu lại bản vẽ
4. Cách lưu lại bản vẽ với tên khác
5. Cách thoát khỏi phần mềm
6. Cách đặt đơn vị cho bản vẽ
7. Cách đặt và điều chỉnh vùng vẽ
8. Cách thiết lập kiểu bắt điểm.
9. Các phím nóng của phần mềm bật tắt nhanh các chức năng hỗ trợ

Bài 3: Các lệnh vẽ cơ bản *Thời gian: 9 giờ*

Mục tiêu:

- Ghi nhớ được các lệnh vẽ cơ bản;
- Sử dụng được các lệnh cơ bản để vẽ; để sửa, cắt, xoá đối tượng; thay đổi vùng nhìn và xem thuộc tính, xem diện tích khi vẽ;
- Chủ động, sáng tạo trong học tập.

Nội dung:

1. Vẽ đường thẳng
2. Vẽ đường tròn
3. Vẽ hình chữ nhật:
4 Vẽ cung tròn
5. Vẽ elip, cung elip.
6. Vẽ đa tuyến
7. Vẽ đường cong
8. Cách xoá đối tượng
9. Cách di chuyển đối tượng
10. Cách cắt đối tượng
11. Cách kéo dài đối tượng đến đường biên xác định
12. Cách bo mép trong đối tượng
13. Cách phong to thu nhỏ vùng nhìn
14. Cách di chuyển vùng nhìn

15. Cách xác định điện tích chu vi
16. Cách xem thuộc tính đối tượng

Bài 4: Cách biến đổi hình *Thời gian: 3 giờ*

Mục tiêu:

- Mô tả được cách quay đối tượng vẽ; Cách kéo giãn đối tượng vẽ; Cách thay đổi kích thước đối tượng theo tỉ lệ;
- Vận dụng thành thạo các lệnh để hoàn thành bản vẽ theo yêu cầu;
- Linh hoạt, sáng tạo trong học tập.

Nội dung:

1. Cách quay đối tượng
2. Cách kéo giãn đối tượng vẽ
3. Cách thay đổi kích thước đối tượng theo tỉ lệ

Bài 5: Cách sao chép đối tượng *Thời gian: 3 giờ*

Mục tiêu:

- Trình bày được các lệnh sao chép đối tượng, lệnh tạo đối tượng đối xứng đối tượng khác qua một trục đối xứng, lệnh tạo đối tượng song song với đối tượng trước;
- Vận dụng được các lệnh để hoàn thành bản vẽ theo yêu cầu;
- Linh hoạt, sáng tạo trong học tập.

Nội dung:

1. Cách sao chép đối tượng
2. Cách tạo đối tượng đối xứng đối tượng khác qua một trục đối xứng.
3. Cách tạo đối tượng song song với đối tượng trước

Bài 6: Tạo kiểu nét vẽ *Thời gian: 3 giờ*

Mục tiêu :

- Mô tả được cách mở hộp quản lý các loại nét vẽ; Cách nạp các nét vẽ và hiệu chỉnh tỉ lệ nét vẽ;
- Vận dụng được trong quá trình tạo lập bản vẽ.

Nội dung:

1. Cách mở hộp quản lý các loại nét vẽ
2. Cách nạp các nét vẽ
3. Hiệu chỉnh tỉ lệ nét vẽ

Bài 7: Làm việc với lớp *Thời gian: 6 giờ*

Mục tiêu:

- Định nghĩa được về lớp và sự cần thiết của việc làm việc với lớp;
- Mô tả cách bật bảng quản lý lớp;
- Tạo được một lớp mới, thay đổi các thông số của lớp về màu sắc, nét vẽ;
- Vận dụng được vào thực tế nghề nghiệp.

Nội dung:

1. Định nghĩa lớp và sự cần thiết của việc làm việc với lớp
2. Cách bật bảng quản lý lớp
3. Tạo một lớp mới, thay đổi các thông số của lớp về màu sắc, nét vẽ
4. Cách đặt lớp cho một đối tượng
5. Cách xác định xem đối tượng thuộc lớp nào
7. Cách tắt lớp
8. Cách hiện riêng một số lớp
9. Cách khôi phục lại tất cả các lớp

Bài 8: Ghi kích thước và tô mẫu vật liệu *Thời gian: 6 giờ*

Mục tiêu:

- Trình bày được thành phần của đường kích thước;
- Ghi được kích thước và biết cách tô mẫu vật liệu trên bản vẽ;

Nội dung:

1. Các thành phần của đường kích thước
2. Tạo các kiểu kích thước
3. Cách ghi kích thước
4. Tô mẫu vật liệu
5. Hiệu chỉnh kích thước vật liệu

Bài 9: Ghi và hiệu chỉnh văn bản *Thời gian: 6 giờ*

Mục tiêu:

- Mô tả được cách ghi và hiệu chỉnh văn bản;
- Ghi và hiệu chỉnh được văn bản đúng yêu cầu.

Nội dung:

1. Trình tự ghi và hiểu chỉnh văn bản.
2. Tạo kiểu chữ.
3. Cách tạo dòng chữ đơn.
4. Cách tạo đoạn văn bản.
5. Chỉnh sửa văn bản.

Bài 10: Khối và chèn khối *Thời gian: 3 giờ*

Mục tiêu:

- Mô tả được cách tạo khối, phá khối, tạo khối có thuộc tính trong bản vẽ;
- Vận dụng được để thiết kế bản vẽ.

Nội dung:

1. Tạo khối trong bản vẽ
2. Cách phá khối.
3. Tạo khối có thuộc tính.
4. Chèn một khối
5. Ghi khối thành file

Bài 11: Thay đổi hệ trục toạ độ vẽ *Thời gian: 3 giờ*

Mục tiêu:

- Mô tả được chức năng, lợi ích của việc đổi trục;
- Sử dụng được các cách đổi trục thường dùng khi thiết kế bản vẽ.

Nội dung:

1. Lợi ích của việc đổi trục
2. Các dạng đổi trục thường dùng

Bài 12: Thiết lập thông số bản vẽ *Thời gian: 3 giờ*

Mục tiêu :

- Thiết lập được thông số bản vẽ;
- Tạo được bản vẽ, in được bản vẽ ra đúng tỉ lệ; Tạo được chữ viết và kích thước in ra đúng khổ quy định.

Nội dung:

1. Xác định khổ giấy sẽ in ra
2. Xác định tỷ lệ của bản vẽ
3. Xác định kích cỡ của chữ viết và đường ghi kích thước trên cơ sở tỷ lệ của bản vẽ để khi in ra chữ đạt đúng tiêu chuẩn

Bài 13: In bản vẽ *Thời gian: 3 giờ*

Mục tiêu:

- Mô tả được cách xem và in bản vẽ
- Xem và in được bản vẽ

Nội dung:

1. Trình tự in 1 bản vẽ
2. Các thiết lập in khác

IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔ ĐUN:

1. Phòng học chuyên môn hóa, nhà xưởng: Phòng LAB

2. Trang thiết bị máy móc:

- Máy chiếu Projector
- Máy tính có cài đặt phần mềm: Hệ điều hành WINDOWS, Phần mềm vẽ kỹ thuật.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Phấn, bảng đen

4. Các điều kiện khác:

- Các slide bài giảng
- Các bản vẽ mẫu

V. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ:

1. Nội dung:

Về kiến thức:

- Trình bày được các chức năng của phần mềm vẽ kỹ thuật
- Mô tả được các công cụ trong giao diện của phần mềm.
- Mô tả được chức năng các lệnh cơ bản trong phần mềm.

Về kỹ năng:

- Tạo được bản vẽ bằng phầm mềm vẽ kỹ thuật.
- Sử dụng được thành thạo các lệnh vẽ.

Về thái độ:

- Cẩn thận, tự giác trong học tập.

2. Phương pháp: Đánh giá qua bài kiểm tra viết hoặc thực hành

VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔ ĐUN:

1. Phạm vi áp dụng mô đun: Chương trình mô đun được sử dụng để giảng dạy cho trình độ cao đẳng nghề Thiết kế đồ họa

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:

Tập trung vào những kiến thức cơ bản, định hướng cho sự phát triển của người học trong công việc sau này.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Giáo viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào nội dung của từng bài học chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học để đảm bảo chất lượng giảng dạy.

4. Tài liệu tham khảo:

- Công ty Hài hoà, Vẽ kỹ thuật với Autocad, 2002,
- Nguyễn Hữu Lộc, Autocad 2008 cơ sở thiết kế 2 chiều, NXB. Tổng hợp HCM, 2008
- Bùi Việt Thái, Giáo trình Autocad 2004, Vẽ kỹ thuật 2 dành cho người học các ngành kiến trúc, xây dựng, NXB. Bách khoa Đà Nẵng, 2004
- Lư Đức Hào, Trần Việt An, Thực hành thiết kế bản vẽ kiến trúc trong Autocad, Nhà xuất bản giao thông vận tải, 2007

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: TẠO HÌNH 2D VÀ 3D
Mã số mô đun: MĐ 19
Thời gian mô đun: 60 giờ (Lý thuyết: 20 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 38 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT MÔ ĐUN

- Vị trí của mô đun: Mô đun được bố trí sau khi học xong các môn học và mô đun liên quan đến đồ hoạ; Là mô đun chuyên ngành để rèn luyện kỹ thuật các tạo sản phẩm đồ hoạ.
- Tính chất của mô đun: Là mô đun chuyên ngành bắt buộc.

II. MỤC TIÊU MÔ ĐUN

- Trình bày được các thành phần trong đồ hoạ 2D;
- Phân biệt được các hệ màu, tổ hợp màu;
- Lựa chọn được màu phù hợp khi tạo hình sản phẩm.
- Phân tích được đối tượng 2D và quy trình tạo một đối tượng 2D;
- Trình bày được nguyên tắc và cơ sở đánh giá sản phẩm đồ họa 2D;
- Lập được quy trình và yêu cầu đánh giá sản phẩm 2D;
- Nhận biết được các khuynh hướng đánh giá sản phẩm.
- Định nghĩa được lý thuyết cơ bản về ảnh 3D;
- Mô tả được phương pháp mô hình hóa ảnh 3D;
- Thành thạo kỹ thuật Rendering ảnh 3D;
- Phân tích và xác định được các thành phần cơ bản của một đối tượng vật lý;
- Vận dụng được vào thực hành nghề nghiệp.
- Rèn luyện kĩ năng về xây dựng ý tưởng tạo hình khối 2D và 3D.

III. NỘI DUNG MÔ ĐUN

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	**Bài 1. Thiết kế 2 chiều** 1. Đường trong mặt phẳng 2. Các hình cơ bản 3. Kích thước và tỷ lệ	6	2	4	
2	**Bài 2. Màu sắc và tổ hợp màu**	9	3	6	

	1. Xác định màu 2. Tổ hợp màu				
3	**Bài 3. Tổ chức bố cục 2 D** 1. Các yếu tố cơ bản 2. Hiển thị hình ảnh 3. Cân đối bố cục	9	3	6	
4	**Bài 4. Phân tích và đánh giá sản phẩm** 1. Nguyên tắc và cơ sở đánh giá sản phẩm 2. Quy trình và yêu cầu đánh giá sản phẩm 3. Các khuynh hướng đánh giá	9	3	5	1
5	**Bài 5. Tạo sản phẩm theo chủ đề** 1. Đề xuất ý tưởng 2. Phân tích các thành phần của sản phẩm 3. Xác định các kỹ thuật thực hiện 4. Tạo sản phẩm theo các chủ đề: nhà ở, bàn ghế, phòng làm việc, tượng, công viên, …	9	3	6	
6	**Bài 6. Lý thuyết cơ bản về ảnh 3D** 1. Định nghĩa 2. Mô hình hoá ảnh 3D 3. Rendering 4. Xây dựng mô hình ảnh 3D 5. Kỹ thuật rendering ảnh 3D 6. Các khía cạnh và thành phần trong thiết kế ảnh 3D	9	3	6	
7	**Bài 7. Các dạng vật lí của đối tượng** 1. Chất liệu 2. Đường biên 3. Các dạng khối 4. Các đối tượng điêu khắc	9	3	5	1
Tổng cộng		**60**	**20**	**38**	**2**

2. Nội dung chi tiết

Bài 1. Thiết kế 2 D

Thời gian: 06 giờ

Mục tiêu của bài:

- Trình bày được các thành phần trong đồ hoạ 2D;
- Chủ động, sáng tạo trong thực hành nghề nghiệp.

Nội dung của bài:

1. Đường
2. Hình
3. Bề mặt
4. Tỷ lệ

Bài 2. Màu sắc và tổ hợp màu *Thời gian: 09 giờ*

Mục tiêu của bài:

- Phân biệt được các hệ màu, tổ hợp màu;
- Lựa chọn được màu phù hợp khi tạo hình sản phẩm.

Nội dung của bài:

1. Các hệ màu
2. Tổ hợp màu

Bài 3. Tổ chức bố cục 2 D *Thời gian: 09 giờ*

Mục tiêu của bài:

- Phân tích được đối tượng 2D và quy trình tạo một đối tượng 2D;
- Linh hoạt, sáng tạo trong vận dụng.

Nội dung của bài:

1. Phân tích và xác định các thành phần
2. Hiển thị
3. Xác lập tỷ lệ

Bài 4. Phân tích và đánh giá sản phẩm *Thời gian: 09 giờ*

Mục tiêu của bài:

- Trình bày được nguyên tắc và cơ sở đánh giá sản phẩm đồ họa 2D;
- Lập được quy trình và yêu cầu đánh giá sản phẩm 2D;
- Nhận biết được các khuynh hướng đánh giá sản phẩm.

Nội dung của bài:

1. Nguyên tắc và cơ sở đánh giá sản phẩm
2. Quy trình và yêu cầu đánh giá sản phẩm
3. Các khuynh hướng đánh giá

Bài 5. **Tạo sản phẩm theo chủ đề** *Thời gian: 09 giờ*

Mục tiêu của bài:

- Đề xuất được ý tưởng tạo sản phẩm theo chủ đề;
- Phân tích được các thành phần của sản phẩm;
- Xác định được các kỹ thuật cần thực hiện;
- Tạo được sản phẩm theo chủ đề.

Nội dung của bài:

1. Đề xuất ý tưởng
2. Phân tích các thành phần của sản phẩm
3. Xác định các kỹ thuật thực hiện
4. Tạo sản phẩm theo chủ đề: nhà ở, bàn ghế, phòng làm việc, tượng, công viên

Bài 6. Lý thuyết cơ bản về ảnh 3D *Thời gian: 09 giờ*

Mục tiêu của bài:

- Định nghĩa được lý thuyết cơ bản về ảnh 3D;
- Mô tả được phương pháp mô hình hóa ảnh 3D;
- Thành thạo kỹ thuật Rendering ảnh 3D;
- Vận dụng sáng tạo, linh hoạt trong thực hành nghề nghiệp.

Nội dung của bài:

1. Định nghĩa
2. Mô hình hoá ảnh 3D
3. Rendering
4. Xây dựng mô hình hoá ảnh 3D
5. Kỹ thuật Rendering ảnh 3D
6. Các khía cạnh và thành phần trong thiết kế 3D

Bài 7. **Các dạng vật lí của hình** *Thời gian: 09 giờ*

Mục tiêu của bài:

- Phân tích và xác định được các thành phần cơ bản của một đối tượng vật lý;
- Vận dụng được vào thực hành nghề nghiệp.

Nội dung của bài:

1. Chất liệu
2. Đường biên
3. Các dạng khối
4. Các đối tượng điêu khắc

IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

1. Phòng học chuyên môn hóa, nhà xưởng: Phòng LAB

2. Trang thiết bị máy móc:

- Máy chiếu Projector
- Máy tính được trang bị phần mềm: phần mềm vẽ 3D; phần mềm dựng hình 3D

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Slide, đĩa CD-ROM
- Các loại giấy vẽ
- Các hình vẽ mẫu
- Phấn, bảng đen

4. Các điều kiện khác:

V. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

1. Nội dung:

Về kiến thức

- Hình 2 chiều và hình 3 chiều
- Đặc tính của đối tượng 2D và 3D

Về kỹ năng

- Tạo hình 2D;
- Tạo hình 3D

Về thái độ

- Sáng tạo
- Chủ động thực hành.

2. Phương pháp: Đánh giá thông qua bài kiểm tra viết hoặc thực hành.

VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔ ĐUN:

1. Phạm vi áp dụng mô đun: Chương trình mô đun được sử dụng để giảng dạy cho trình độ cao đẳng nghề Thiết kế đồ họa.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun

- Cần rèn luyện kĩ năng tạo hình, bố cục tác phẩm 2D, 3D;
- Giáo dục thẩm mĩ;

3. Những trọng tâm cần chú ý

- Kiến thức về tạo hình;

4. Tài liệu tham khảo

- Erick Vera, et. al., MetaCreations Bryce 4, 6303 Carpinteria Avenue Carpinteria, CA 93013
- Đỗ Trung Tuấn, Giao diện tương tác người-máy, NXB. Khoa học Kĩ thuật, 2006
- John Villamil Casanova, Louis Molina, An interactive guide to Multimedia, QUE E&T Ed., 1998
- Tay Vaughan, Multimedia. Making it work, Osborne McGrawHill Ed., 1998

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: XỬ LÝ ẢNH CƠ BẢN
Mã số mô đun: MĐ 20
Thời gian mô đun: 60 giờ (Lý thuyết: 20 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 38 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT MÔ ĐUN:

- Vị trí của mô đun: Mô đun được bố trí sau khi người học học xong các môn học chung và các môn học cơ sở bắt buộc như "Cơ sở toán cho thiết kế đồ hoạ" và "Nhập môn cấu trúc dữ liệu và giải thuật".
- Tính chất của mô đun: Là mô đun chuyên ngành bắt buộc.

II. MỤC TIÊU MÔ ĐUN:

- Trình bày khái niệm về ảnh số và các thông số cơ bản của ảnh số;
- Mô tả được các hệ màu thông dụng;
- Trình bày được phần mềm xử lý ảnh, tính năng, cách sử dụng và các thao tác cơ bản với file ảnh.
- Giới thiệu được các công cụ để vẽ đường, hình;
- Liệt kê được nhóm công cụ đặt màu, chế độ làm việc, tạo ghi chú, pjongf to, thu nhỏ…;
- Mô tả được thanh công cụ ToolBox sửa hình; các thành phần trên thanh công cụ;
- Mô tả được thanh công cụ ToolBox chỉnh màu; các thành phần trên thanh công cụ;
- Trình bày được các công cụ để mở, sửa, ghi một file ảnh.
- Thao tác thành thạo các vùng trên ảnh.
- Mô tả được về hệ màu, thao tác với vùng chọn để giải quyết bài toán hiệu chỉnh ảnh.
- Thành thạo các thao tác để phục hồi tình trạng ảnh.

III. NỘI DUNG MÔ ĐUN:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Giới thiệu về ảnh số	3	2	1	
2	Sử dụng phần mềm xử lý ảnh	3	1	2	
3	Thanh công cụ Tool Box vẽ hình	3	1	2	

4	Thanh công cụ Tool Box sửa hình	3	1	2	
5	Thanh công cụ Tool Box chỉnh màu	3	1	2	
6	Thao tác với tệp ảnh và vùng	3	1	1	1
7	Lựa chọn vùng và thao tác với vùng	3	1	2	
8	Các lệnh làm việc với vùng	3	1	2	
9	Hiệu chỉnh hình thái ảnh	3	1	2	
10	Hiệu chỉnh màu sắc của ảnh	6	2	4	
11	Sử dụng Palette Player	6	1	4	1
12	Sắp xếp các lớp	3	1	2	
13	Sử dụng lớp tạo hiệu ứng trên ảnh	3	1	2	
14	Sử dụng mặt nạ lớp	3	1	2	
15	Tạo và sử dụng đường trong ảnh	3	1	2	
16	Sử dụng Palette Path	3	1	2	
17	Chuyển đổi hệ màu	3	1	2	
18	Chuyển đổi ảnh xám và phân mức ảnh	3	1	2	
Tổng cộng		**60**	**20**	**38**	**2**

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1. **Giới thiệu về ảnh số**

Thời gian: 3 giờ

Mục tiêu của bài:

- Trình bày khái niệm về ảnh số và các thông số cơ bản của ảnh số;
- Mô tả được các hệ màu thông dụng;
- Linh hoạt, chủ động trong quá trình vận dụng.

Nội dung của bài:

1. Pixel. Ảnh bitmap và ảnh vectơ.
2. Độ phân giải và kích thước ảnh
3. Các hệ màu thông dụng.

Bài 2. **Sử dụng phần mềm xử lý ảnh** *Thời gian: 3 giờ*

Mục tiêu của bài:

- Trình bày được phần mềm xử lý ảnh, tính năng, cách sử dụng và các thao tác cơ bản với file ảnh.
- Vận dụng linh hoạt trong thực tế nghề nghiệp.

Nội dung của bài:

1. Cài đặt và khởi động

2. Các chức năng chính

3. Thanh công cụ và các palette

Bài 3. **Thanh công cụ Tool Box vẽ hình** *Thời gian: 3 giờ*

Mục tiêu của bài:

- Giới thiệu được các công cụ để vẽ đường, hình;
- Liệt kê được nhóm công cụ đặt màu, chế độ làm việc, tạo ghi chú, pjongf to, thu nhỏ…;
- Chủ động, sáng tạo trong học tập.

Nội dung của bài:

1. Nhóm công cụ vẽ điểm, vẽ đường, vẽ hình
2. Nhóm công cụ đặt màu, chế độ làm việc
3. Công cụ tạo ghi chú
4. Phóng to, thu nhỏ
5. Cắt xén

Bài 4. **Thanh công cụ ToolBox sửa hình** *Thời gian: 3 giờ*

Mục tiêu của bài:

- Mô tả được thanh công cụ ToolBox sửa hình; các thành phần trên thanh công cụ;
- Vận dụng sáng tạo trong quá trình thực hành.

Nội dung của bài:

1. Sửa vết bẩn
2. Làm mờ, làm tối, làm sáng
3. Hộp mầu
4. Di chuyển

Bài 5. Thanh công cụ ToolBox chỉnh màu *Thời gian: 3 giờ*

Mục tiêu của bài:

- Mô tả được thanh công cụ ToolBox chỉnh màu; các thành phần trên thanh công cụ;
- Vận dụng sáng tạo trong quá trình thực hành.

Nội dung của bài:

1. Nhóm công cụ chọn màu
2. Nhóm công cụ đặt màu.
3. Lấy mẫu
4. Hộp màu Force Ground

Bài 6. Thao tác với tệp ảnh và vùng *Thời gian: 3 giờ*

Mục tiêu của bài:

- Trình bày được các công cụ để mở, sửa, ghi một file ảnh.
- Thao tác thành thạo các vùng trên ảnh.

Nội dung của bài:

1. Mở, đóng và lưu file ảnh.
2. Hiển thị ảnh trong nhiều cửa sổ
3. Giới thiệu định nghĩa vùng.
4. Lựa chọn vùng bằng các công cụ

Bài 7. **Lựa chọn vùng và thao tác với vùng** *Thời gian: 3 giờ*

Mục tiêu của bài:

- Sử dụng thành thạo các công cụ để thao tác với vùng trên ảnh;
- Sáng tạo, chủ động trong học tập.

Nội dung của bài:

1. Bộ công cụ chọn vùng
2. Các tuỳ chọn của công cụ tạo vùng
3. Hiệu chỉnh vùng chọn

Bài 8. Các lệnh làm việc với vùng

Thời gian: 5 giờ

Mục tiêu của bài:

- Sử dụng thành thạo các lệnh để thao tác với vùng trên ảnh;
- Sáng tạo, chủ động trong học tập.

Nội dung của bài:

1. Các lệnh tạo vùng chọn
2. Biến đổi vùng chọn
3. Lưu xác lập vùng chọn
4. Chỉnh sửa màu và biên vùng chọn

Bài 9. **Hiệu chỉnh hình thái ảnh**

Thời gian: 3 giờ

Mục tiêu của bài:

- Mô tả được về hệ màu, thao tác với vùng chọn để giải quyết bài toán hiệu chỉnh ảnh.
- Thành thạo các thao tác để phục hồi tình trạng ảnh.

Nội dung của bài:

1. Hiệu chỉnh kích thước hình ảnh
2. Hiệu chỉnh Canvas

3. Xoay và lật hình ảnh

4. Xén ảnh

5. Phục hồi trạng thái của ảnh. Các tuỳ chọn của phục hồi trạng thái hình ảnh.

Bài 10. Hiệu chỉnh màu sắc của ảnh *Thời gian: 6 giờ*

Mục tiêu của bài:

- Sử dụng thành thạo các lệnh về hệ màu, thao tác với vùng chọn để giải quyết bài toán hiệu chỉnh màu sắc ảnh;
- Phục hồi được màu sắc của ảnh.

Nội dung của bài:

1. Màu cơ sở và các chế độ trộn màu
2. Bảng chỉnh màu
3. Phục hồi màu của ảnh. Các tuỳ chọn của phục hồi màu ảnh.

Bài 11. **Sử dụng Palette Player**

Thời gian: 6 giờ

Mục tiêu của bài:

- Mô tả được về lớp đối tượng, cách tạo lớp và các thao tác cơ bản với lớp;
- Vận dụng sáng tạo trong quá trình thực hành.

Nội dung của bài:

1. Thao tác cơ bản với Palette Player
2. Các thành phần của Palette Player.
3. Lớp Background

Bài 12. **Sắp xếp các lớp**

Thời gian: 3 giờ

Mục tiêu của bài:

- Mô tả được cách sắp xếp lớp, bố cục lớp và ảnh;
- Vận dụng sáng tạo trong học tập.

Nội dung của bài:

1. Chọn và hiển thị hình ảnh của lớp trong danh sách
2. Thay đổi thứ tự các lớp
3. Các tuỳ chọn của lớp

Bài 13. **Sử dụng lớp tạo hiệu ứng trên ảnh** *Thời gian: 3 giờ*

Mục tiêu của bài:

- Mô tả được cách sử dụng lớp, các kỹ thuật thao tác với lớp và sử dụng chúng tạo các hiệu ứng với ảnh.
- Chủ động, sáng tạo trong học tập.

Nội dung của bài:

1. Cách sử dụng các hiệu ứng lớp
2. Công dụng các hiệu ứng lớp.
3. Biên tập một hiệu ứng lớp riêng
4. Tạo bóng các đối tượng trên ảnh

Bài 14. **Sử dụng mặt nạ lớp**

Thời gian: 3 giờ

Mục tiêu của bài:

- Mô tả được cách sử dụng mặt nạ lớp nhằm tạo các hiệu ứng với ảnh;
- Phối hợp được với các lệnh khác để hoàn thành bức ảnh theo yêu cầu.

Nội dung của bài:

1. Tạo mặt nạ lớp
2. Chỉnh sửa mặt nạ
3. Phối hợp thao tác vùng và mặt nạ
4. Sử dụng Channels

Bài 15. Tạo và sử dụng đường trong ảnh *Thời gian: 3 giờ*

Mục tiêu của bài:

- Trình bày được ý nghĩa, công dụng và cách tạo đường trong ảnh;
- Vận dụng được các công cụ để tạo được đường trong ảnh.

Nội dung của bài:

1. Điểm neo, đường định hướng, điểm hướng và các thông số
2. Các công cụ tạo và hiệu chỉnh đường
3. Sử dụng công cụ Pen
4. Sử dụng FreeFrom Pen

Bài 16. Sử dụng Palette Path

Thời gian: 3 giờ

Mục tiêu của bài:

- Sử dụng thành thạo Palette Path để tạo đường;
- Hiệu chỉnh được đường cong, điểm neo khi chỉnh sửa ảnh.

Nội dung của bài:

1. Hiệu chỉnh đường cong

2. Hiệu chỉnh điểm neo

3. Paths Palette

Bài 17. Chuyển đổi hệ màu

Thời gian: 3 giờ

Mục tiêu của bài:

- Trình bày được các mô hình màu, chuyển đổi các hệ màu, sử dụng hệ màu khi tạo ảnh;
- Vận dụng được trong thực hành nghề nghiệp.

Nội dung của bài:

1. Các mô hình màu
2. Chế độ màu trong phần mềm xử lý ảnh
3. Chuyển đổi hệ màu

Bài 18. Chuyển đổi ảnh xám và phân mức ảnh *Thời gian: 3 giờ*

Mục tiêu của bài:

- Phân biệt được các mô hình ảnh xám, mức xám, ý nghĩa và kỹ thuật của việc phân ngưỡng;
- Chuyển đổi được ảnh và phân mức được ảnh theo yêu cầu;
- Sáng tạo, linh hoạt khi vận dụng.

Nội dung của bài:

1. Chuyển từ ảnh màu sang ảnh xám (grayscale)
2. Chuyển ảnh duotone
3. Chuyển ảnh bitmap
4. Lựa chọn ngưỡng

IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

1. Phòng học chuyên môn hóa, nhà xưởng:

2. Trang thiết bị máy móc:

- Máy chiếu
- Máy tính được trang bị phần mềm: Hệ điều hành WINDOWS; Phần mềm xử lý ảnh (Photoshop); Phần mềm PowerPoint

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Giấy A4
- Đĩa CD-ROM
- Phấn, bảng đen
- Bài giảng
- Tài liệu mô tả bài tập thực hành

4. Các điều kiện khác:

V. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

1. Nội dung:

Về kiến thức

- Mô tả được các thao tác đối với ảnh số
- Mô tả được các thao tác đối với các hệ màu, bảng màu
- Trình bày được phương pháp lắp ghép các đối tượng
- Mô tả được các phương pháp chèn các đối tượng

Về kỹ năng

- Thao tác thành thục với phần mềm xử lý ảnh
- Thao tác thành thục các xử lý cơ bản như thay đổi màu sắc, cắt dán, chèn đối tượng, xác định đối tượng và di chuyển đối tượng.

Về thái độ

- Cẩn thận, tự giác trong học tập.
- Độc lập, chủ động trong thực hiện bài tập

2. Phương pháp: Đánh giá thông qua bài kiểm tra viết hoặc thực hành.

VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔ ĐUN:

1. Phạm vi áp dụng mô đun: Chương trình mô đun được sử dụng để giảng dạy cho trình độ cao đẳng nghề Thiết kế đồ họa.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun

- Hiểu rõ về ảnh số, hệ màu và các tác động có thể có lên ảnh số.
- Phân loại được các thao tác với ảnh số.
- Lựa chọn các thao tác xử lý phù hợp với yêu cầu xử lý.

3. Những trọng tâm cần chú ý

- Kiến thức về hệ màu, bảng màu.
- Sử dụng phần mềm xử lý ảnh.
- Lựa chọn thao tác xử lý phù hợp

4. Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Minh Đức, Căn bản về Photoshop CS tinh chỉnh và xử lý màu, NXBGTVT
- Nguyễn Phương, Photoshop CS 8. 0, NXBTN, 2004.
- VN Guide, Adobe Photoshop, NXBTK, 2003

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: CHẾ BẢN ĐIỆN TỬ CƠ BẢN
Mã số mô đun: MĐ 21
Thời gian mô đun: 60 giờ; (Lý thuyết: 20 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 38 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT MÔ ĐUN:

- Vị trí của mô đun: Mô đun được bố trí sau khi học xong các mô đun chung và các môn học và mô dun về vẽ kỹ thuật xử lý ảnh và kỹ thuật đồ hoạ cơ sở và trước mô đun thiết kế website.
- Tính chất của mô đun: Là mô đun cơ sở bắt buộc.

II. MỤC TIÊU MÔ ĐUN:

Về kiến thức

- Trình bày được các kiến thức cơ bản của chế bản điện tử
- Mô tả được nguyên lý tạo lập các chế bản điện tử chuyên nghiệp

Về kỹ năng

- Vận dụng để chế bản điện tử và sử dụng được phần mềm chuyên dụng tạo được các ấn phẩm
- Tạo được các chế bản điện tử tương đối chuyên nghiệp
- Tạo và biến hình được các tờ bút pháp
- Tạo được các thẻ định dạng và vận dụng chúng trong khi chế bản

Về thái độ: Cẩn thận, tự giác trong học tập.

III. NỘI DUNG MÔ ĐUN:

1 Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra*
1	Bài 1. Giới thiệu về chế bản điện tử, chương trình QUARKXPRESS	6	3	3	
2	Bài 2. Văn bản, định dạng – trình bày văn bản	6	3	3	
3	Bài 3. Xử lý hình ảnh	9	3	5	1
4	Bài 4. Làm việc trên các đối tượng	9	3	6	
5	Bài 5. Màu sắc	6	3	3	
6	Bài 6: Chế bản một số ấn phẩm	18	3	14	1

7	Bài 7. Quản lý tài liệu dài	6	2	4	
	Tổng	**60**	**20**	**38**	**02**

2 Nội dung chi tiết

Bài 1: Giới thiệu về chế bản điện tử, chương trình QUARKXPRESS

Thời gian: 6 giờ

Mục tiêu của bài:

- Trình bày được khái niệm về chế bản điện tử;
- Mô tả được giao diện chương trình;
- Phân tích được những chức năng ưu việt của chế bản điện tử.

Nội dung của bài:

1. Khái niệm về chế bản điện tử
- Khái niệm trang đơn và trang đôi
- Khởi động và thoát khỏi QUARKXPRESS
2. Giao diện chương trình
3. Những chức năng ưu việt của chế bản điện tử

Bài 2. Văn bản, định dạng – trình bày văn bản *Thời gian: 6 giờ*

Mục tiêu của bài:

- Trình bày được phương pahos đưa văn bản vào và cách làm việc với văn bản;
- Mô tả được cách làm việc với Paragraph khi trình bày văn bản;
- Chủ động, sáng tạo khi vận dụng.

Nội dung của bài:

1. Đưa văn bản vào
2. Làm việc với văn bản
- Liên kết các hộp văn bản
- Chọn đoạn văn bản
- Xóa 1 đoạn văn bản
- Tìm và thay đổi
- Kiểm tra lỗi chính tả
- Định dạng ký tự
3. Làm việc với Paragraph
- Canh chỉnh Paragraph
- Tab
- Drop Caps

Bài 3. Xử lý hình ảnh *Thời gian: 9 giờ*

Mục tiêu của bài:

- Mô tả được phương pháp đưa hình ảnh vào và quản lý hình ảnh nhập;
- Mô tả được phương pháp điều chỉnh màu sắc và đảo chiều hình ảnh khi xử lý hình ảnh;
- Chăm chỉ, sáng tạo trong học tập.

Nội dung của bài:

1. Đưa hình ảnh vào
2. Quản lý hình ảnh nhập
3. Hiệu chỉnh hình ảnh

- Điều chỉnh màu sắc
- Đảo chiều hình ảnh

Bài 4: Làm việc trên các đối tượng *Thời gian: 9 giờ*

Mục tiêu của bài:

- Liệt kê được đầy đủ các công cụ vẽ;
- Tạo được văn bản chạy trên đường dẫn;
- Hiệu chỉnh được đối tượng khi thực hành;
- Sử dụng thành thạo các lệnh làm việc với đối tượng.

Nội dung của bài:

1. Công cụ vẽ
2. Tạo văn bản chạy trên đường dẫn
3. Hiệu chỉnh đối tượng
4. Các lệnh làm việc với các đối tượng

- Di chuyển đối tượng
- Thay đổi kích thước và hình dạng của đối tượng
- Xoay, kéo xiên đối tượng
- Kết hợp các hình dạng
- Biến đổi chữ thành hình hộp
- Hiệu chỉnh hình dạng Bezier

Bài 5: Màu sắc *Thời gian: 6 giờ*

Mục tiêu của bài:

- Trình bày được các loại màu pha và màu Process; Hệ màu lục sắc;
- Mô tả được phương pháp quản lý màu, hiệu chỉnh màu;
- Gán được màu cho các đối tượng.

Nội dung của bài:

1. Cơ bản về màu
- Màu pha và màu Process
- Hệ màu lục sắc
2. Quản lý màu, hiệu chỉnh màu
3. Gán màu cho các đối tượng

Bài 6**: Chế bản một số ấn phẩm** *Thời gian: 18 giờ*

Mục tiêu của bài:

- Tạo được 1 ấn phẩm hoặc mở được 1 ấn phẩm đã có;
- Tổ chức để chế bản được ấn phẩm;
- Mô tả được 1 số kỹ thuật đặc biệt khi chế bản ấn phẩm;
- Tạo lập được các bảng khi chế bản;
- Soạn thảo được các công thức toán học;
- Sáng tạo, linh hoạt khi vận dụng.

Nội dung của bài:

1. Tạo ra một ấn phẩm, mở một ấn phẩm đã có
- Biến dạng một ấn phẩm
- Sao chép các chương và các ấn phẩm
- Làm bảng mục lục cho một ấn phẩm
2. Tổ chức làm chế bản
- Tổ chức tài liệu
- Thiết kế một tờ bút pháp
- Sắp xếp các tài liệu trong ấn phẩm
- Hiệu chỉnh văn bản trong ấn phẩm
3. Một số kỹ thuật đặc biệt
- Tạo ký tự lớn ở đầu dòng dạng dương và âm bản
- Các chỉ số của chú thích
- Các cách đặt dòng tiêu đề khác nhau
- Tạo các biểu/bảng
4. Tạo lập các bảng trong chế bản
- Các đặc trưng của bảng
- Tạo các bảng

- Nhập dữ liệu vào bảng
- Nhập dữ liệu từ các files được tạo ra bằng các ứng dụng khác
- Hiệu chỉnh bảng

5. Soạn thảo các công thức toán học

- Cách soạn thảo công thức và phương trình đơn giản
- Cách soạn thảo công thức và phương trình phức tạp
- Điều khiển cách xuất hiện của công thức, phương trình
- Hiệu chỉnh công thức/phương trình

Bài 7: Quản lý tài liệu dài *Thời gian: 6 giờ*

Mục tiêu của bài:

- Tạo lập và sử dụng được trang chủ khi quản lý tài liệu dài;
- Thiết lập được 1 số chế độ tự động;
- Quản lý được tài liệu dài theo yêu cầu.

Nội dung của bài:

1. Tạo và sử dụng trang chủ

- Khái niệm
- Vì sao phải sử dụng trang chủ
- Tạo trang chủ
- Các phần của trang chủ
- Tạo trang chủ mới
- Hiệu chỉnh trang chủ

2. Thiết lập một số chế độ tự động

- Đánh số trang tự động
- Tạo dòng nhắn "Xem tiếp trang …" và "Tiếp theo trang…"

3. Quản lý tài liệu dài

IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

1. Phòng học chuyên môn hóa, nhà xưởng: Phòng LAB

2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính được trang bị phần mềm: Ventura Publisher; PageMaker; Indesign

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Giấy in
- Thước kẻ

4. Các điều kiện khác: Các slide bài giảng Chế bản Điện tử

V. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

1. Nội dung:

Về kiến thức

- Trình bày được các kiến thức cơ bản của chế bản điện tử
- Mô tả được nguyên lý tạo lập các chế bản điện tử chuyên nghiệp

Về kỹ năng

- Vận dụng để chế bản điện tử và sử dụng được phần mềm chuyên dụng tạo được các ấn phẩm
- Tạo được các chế bản điện tử tương đối chuyên nghiệp
- Tạo và biến hình được các tờ bút pháp
- Tạo được các thẻ định dạng và vận dụng chúng trong khi chế bản

Về thái độ: Cẩn thận, tự giác trong học tập.

2. Phương pháp: Đánh giá thông qua bài kiểm tra viết hoặc thực hành.

VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

1. Phạm vi áp dụng mô đun: Chương trình mô đun được sử dụng để giảng dạy cho trình độ cao đẳng nghề Thiết kế đồ họa.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập về mô đun

- Cần rèn luyện kĩ năng soạn thảo, làm chế bản và thao tác máy tính;
- Giáo dục tính cẩn thận, tỉ mỷ và chính xác.

3. Những trọng tâm cần chú ý

- Kiến thức về các bộ phận hợp thành một ấn phẩm chế bản điện tử
- Đinh nghĩa và biến hình các thẻ định dạng, các tờ bút pháp và một số định dạng đặc biệt được sử dụng trong chế bản điện tử

4. Tài liệu tham khảo

- Đặng Văn Hưng, Bùi Thế Hồng, Bộ Chương trình Chế bản điện tử Ventura Publisher, TT Tính toán Học Viện Kỹ Thuật Quân sự
- Võ Hiếu Nghĩa, Cẩm nang Chế bản Điện tử từ A đến Z, Hội Tin học TP Hồ Chí Minh 1992

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: THỰC TẬP TỐT NGHIỆP
Mã số mô đun: MĐ 22
Thời gian mô đun: 240 giờ; (Lý thuyết: 0 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 240 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun

- Vị trí: Là mô đun thực hiện cuối cùng trong chương trình đào tạo
- Tính chất: Mô đun chuyên môn nghề bắt buộc.

II. Mục tiêu mô đun

- Thực hiện được các công việc chuyên môn của nghề;
- Thực hiện được việc tổng hợp kiến thức lý thuyết và kỹ năng thực hành ở các môn học và mô đun đã học;
- Làm việc an toàn và năng suất;
- Chấp hành đúng quy trình, quy phạm trong nghề;
- Rèn luyện tính kỷ luật, cẩn thận, chuyên cần của sinh viên.

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân phối thời gian:

Số TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1.	Bài 1: Tìm hiểu về nơi thực tập	15		15	
2.	Bài 2: Thực tập an toàn và vệ sinh lao động	15		15	
3.	Bài 3: Thực tập chuyên môn	180		180	
4	Bài 4: Báo cáo thực tập	30		30	
	Cộng:	**240**		**240**	

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: **Tìm hiểu về nơi thực tập**

Thời gian: 15 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được lịch sử hình thành, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của đơn vị thực tập;
- Phát biểu được các nội quy, quy định của đơn vị thực tập;
- Chấp hành đúng quy trình, quy phạm trong nghề thiết kế đồ họa;
- Rèn luyện tính kỷ luật, cẩn thận, tỉ mỉ của học viên.

2. Nội dung:

1.1. Nội quy, quy định của cơ sở thực tập

1.2. Tìm hiểu về lịch sử hình thành và phát triển của đơn vị thực tập

1.3. Cơ cấu tổ chức của đơn vị thực tập

1.4. Tìm hiểu về chức năng, nhiệm vụ của các tổ sản xuất

1.5. Vẽ sơ đồ bố trí mặt bằng các phân xưởng

Bài 2: Thực tập an toàn và vệ sinh lao động

Thời gian: 15 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được các yếu tố độc hại và các nguy cơ gây mất an toàn;
- Thực hiện đúng các quy định về bảo hộ lao động;
- Thực hiện đúng các quy định về an toàn lao động;
- Thực hiện đúng các quy định riêng của từng phân xưởng;
- Chấp hành đúng quy trình, quy phạm trong nghề thiết kế đồ họa;
- Rèn luyện tính kỷ luật, cẩn thận, tỉ mỉ của học viên.

2. Nội dung:

2.1. Các yếu tố độc hại và các nguy cơ gây mất an toàn

2.2. Bảo hộ lao động

2.3. Quy định về an toàn trong phân xưởng

2.4. Thực tập vệ sinh công nghiệp

2.5. Thực hành 5S trong sản xuất

Bài 3: **Thực tập chuyên môn**

Thời gian: 180 giờ

1. Mục tiêu:

- Thực tập Chế bản điện tử, Xử lý ảnh, Thiết kế mỹ thuật, Vẽ thiết kế xây dựng dân dụng;
- Chấp hành đúng quy trình, quy phạm trong nghề;
- Rèn luyện tính kỷ luật, cẩn thận, tỉ mỉ của học viên.

2. Nội dung:

- Chế bản điện tử
- Xử lý ảnh
- Thiết kế mỹ thuật
- Vẽ thiết kế xây dựng dân dụng

Bài 4: **Báo cáo thực tập**

Thời gian: 30 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được kết quả quá trình thực tập;
- Bài học, kinh nghiệm rút ra sau quá trình thực tập;
- Rèn luyện tính kỷ luật, cẩn thận, tỉ mỉ của học viên.

2. Nội dung:

5.1. Bảng chấm công có xác nhận của cơ sở sản xuất

5.2. Tổng quan về cơ sở thực tập

5.3. Các quy trình thực hiện

5.4. Bài học, kinh nghiệm

IV. Điều kiện thực hiện mô đun:

1. Phòng học chuyên môn hóa, nhà xưởng: Xưởng /phòng thực tập; các doanh nghiệp.
2. Trang thiết bị máy móc:
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:
4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

***1. Nội dung*:**

- Nhận xét của cơ sở thực tập:

+ Ý thức chấp hành nội quy, quy định tại cơ sở thực tập

+ Mức độ chuyên cần trong công việc

+ Kết quả làm việc thực tế theo nhận xét của cơ sở thực tập

- Quyển thuyết minh báo cáo thực tập
- Nhận xét của giáo viên hướng dẫn

***2. Phương pháp*:**

Được đánh giá qua báo cáo thực tập, nhận xét của giáo viên hướng dẫn và nhận xét của cơ sở thực tập

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

***1. Phạm vi áp dụng mô đun*:**

- Chương trình mô đun được sử dụng để đào tạo cho trình độ Cao đẳng nghề Thiết kế đồ họa;

- Các bài thực tập được đưa ra ở trong chương trình nhằm mục đích rèn luyện kỹ năng nghề đáp ứng mục tiêu đào tạo;

- Tuy nhiên tùy thuộc vào cơ sở vật chất của cơ sở thực tập thực tế của từng trường có thể chọn các bài thực tập đã đưa ra trong chương trình hoặc chọn bài thực tập khác nhưng phải đảm bảo thời lượng, nội dung và yêu cầu về kiến thức, kỹ năng của nghề đã quy định.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:

- Mô đun thực tập sản xuất là mô đun tổng hợp kiến thức và kỹ năng đã được đào tạo trong chương trình, vì vậy phải vận dụng linh hoạt mới đáp ứng được yêu cầu thực tế;

- Cơ sở thực tập là các cơ sở sản xuất kinh doanh nên khi học viên thực tập cần tuân thủ nghiêm ngặt nội quy của đơn vị thực tập và yêu cầu của người hướng dẫn.

***3. Những trọng tâm cần chú ý*:**

Nội dung trọng tâm: Nội quy của đơn vị thực tập, quy trình kiểm tra, bảo dưỡng và sửa chữa của đơn vị thực tập, quản lý phân xưởng sản xuất

***4. Tài liệu tham khảo*:**

[1] - Nội quy, quy định của đơn vị thực tập

5. Ghi chú và giải thích (nếu cần)